

I THÁNG II NĂM 1970

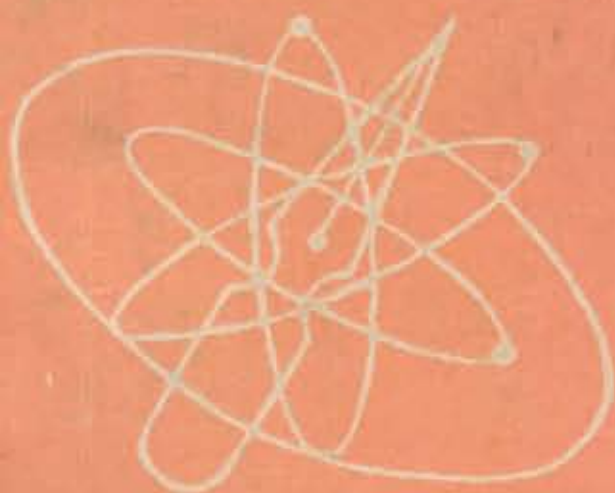
# BACH KHOA

*năm mười bốn*

VIỆT PHƯƠNG *tổng thống Nixon với vấn đề giải quyết  
chiến tranh Việt Nam* \* XUÂN QUANG *chữ Hán trong  
Việt ngữ* \* NGUYỄN HIẾN-LÊ *một tiếng nói của châu Á*  
\* GEORGES ETIENNE GAUTHIER *một người Gia nã-dại  
và nghệ thuật của Phạm Duy (THU THỦY dịch)* \* THẾ  
UYÊN *thất bại của một cuộc cách mạng* \* ĐẶNG TRẦN  
HUÂN *Cựu-kim-sơn, cửa châu Á* \* KINH DƯƠNG  
VƯƠNG *chuyến xe* \* MINH QUÂN *giây phút cuối* \*  
LÊ THÚY HỒNG *tình ca miền nam* \* TRẦN HUIỀN  
ÂN *lã tắc lòng mưa* \* TRẦN THIÊN *Alexandre Solje-  
nitsyne giải Nobel văn chương 1970* \* BÁCH KHOA  
*đoàn văn nghệ Việt Nam tại Osaka, nhiếp ảnh  
Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật bản* \*

**SINH HOẠT** *thời sự  
thế giới \* thời sự khoa  
học \* thời sự văn nghệ*

332





*Activité locale accrue sans répercussions générales*

# **l'Hydrocortancyl**

en applications topiques

*eczème*

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100  
de delta-hydrocortisone  
dans un excipient fluide,  
non gras, hydrodispersible

*collyre*

Flacon compte-gouttes  
contenant 3 ml soit 15 mg  
de principe actif, d'une  
suspension d'acétate  
de delta-hydrocortisone  
titrée à 0,5 p. 100

*gouttes nasales*

Acétate de delta-hydro-  
cortisone en suspension  
aqueuse titrée à 0,50 p. 100  
Flacon de 8 ml

---

**LES LABORATOIRES ROUSSEL**

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7<sup>e</sup>

---

**ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huân - SAIGON**

---

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**

---



# B Á C H

# K H O A

Số 332 ngày 1-11-1970

VIỆT PHƯƠNG <i>Tổng thống Nixon với vấn đề giải quyết chiến tranh Việt Nam</i>	05
XUÂN QUANG <i>chữ Hán trong Việt ngữ</i>	15
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>một tiếng nói của Châu Á: « Châu Á và nền hòa bình thế giới » của Trần Minh Tiết</i>	23
GEORGES E. GAUTHIER <i>một người Gia-nã-dại và nghệ thuật của Phạm-Duy (THU-THỦY dịch)</i>	29
THẾ UYÊN <i>thất bại của cuộc cách-mạng (đoản văn)</i>	37
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>Cựu-Kim-Sơn, cửa châu Á (hồi ký)</i>	45
KINH DƯƠNG VƯƠNG <i>chuyến xe (truyện)</i>	51
MINH QUÂN <i>giây phút cuối (truyện)</i>	61
LÊ THÚY HỒNG <i>tình ca miền Nam</i>	69
TRẦN HUIỀN AN <i>là tấc lòng mưa</i>	70
TRÀNG THIÊN <i>Alexander Soljenitsyne giải Nobel văn chương 1970</i>	72
BACH KHOA <i>đoàn văn nghệ Việt Nam tại Osaka, nhiếp ảnh Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật bản (đàm thoại với Nguyễn Cao Đàm).</i>	77

## SINH HOẠT

TỪ TRÌ *thời sự thế giới*

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon

GIÁ : 50đ Công sở : 100đ

Cao Nguyên và Miền Trung

thêm cước phí máy bay

# Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Vào Thiên giai-thoại tùy bút của Doãn-quốc-Sỹ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang với những Chương : Vào Thiên, Lời Thiên, Đạo Thiên, Ý Thiên, Thiên đi lãng đãng... đọc rất lôi cuốn ; Ngọc Thanh minh họa theo nét vẽ cổ Trung-Hoa. Giá 140 đ.

— Món lạ miền Nam của Vũ Bằng do Tân-Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm 8 món lạ miền Nam từ Canh Rùa, Chuột thịt, đến Cháo Cóc, Dơi huyết, Bò kiến v.v... tác giả kể lại rất vui, đọc như 8 truyện ngắn. Giá 50 đ.

— Tiếng sám Dương-Châu tiểu-thuyết võ-hiệp của Vũ-Thiên-Lý do Tuổi Hoa xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 166 trang, trình bày một loại truyện võ-hiệp cho trẻ em « giúp đỡ các em phát triển tinh thần mã thượng, trong cái ý nghĩa cứu khổn, phò nguy của sự thực hiện bác ái, công bằng ». Giá 70 đ.

— Tân toán học đại-cương của Đinh-Đức-Mậu, do Trường Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 320 trang gồm 13 bài với « Vài nhận định về luận lý học » và phần « Từ ngữ đối chiếu Việt - Pháp ». Cuốn sách rất cần cho cả học sinh và phụ huynh học sinh tìm hiểu Tân toán học. Giá 260 đ.

— Bài giải Tân toán học (Phần Đại-số) Lớp Mười A-B của Ban Giáo-sư Trường-Thi, do Trường-Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 166 trang gồm 5 chương từ « Tập hợp »

đến « Nhóm-Vành-Thân », mỗi chương đều có : Phần lý-thuyết, Toán giải rồi, Toán đề nghị. Giá 160 đ.

— Xác-suất thống-kê mô tả của Huỳnh Huynh, Phạm xuân Quang, Cam duy Lễ, do Trường Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang gồm 2 phần : xác-suất và Thống-kê mô-tả cùng 4 phụ-đính. Sách giáo-khoa dành cho học sinh lớp 12A, ấn loát 2 màu trong mỗi trang rất đẹp và rõ ràng.

— Triết học về Tánh không của Tuệ Sỹ do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm 4 chương và 1 chương tổng quát « tiểu dẫn về lịch sử tư tưởng Tánh Không ». Giá 160 đ.

— Khung trời nhỏ hẹp tiểu thuyết, nguyên tác của W.S. Maugham, Bản dịch của Đỗ Khánh Hoan, Phạm quốc Dũng do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 304 trang. Giá 260 đ.

— Câu chuyện dòng sông, nguyên tác của Hermann Hesse Bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang, in lần thứ 4. Giá 200 đ.

— Nho văn giáo khoa toàn thư, do Nguyễn văn Ba soạn, và sửa chữa nhiều lần, Việt-Nam Văn-Hiến tái bản lần thứ ba và soạn giả gửi tặng. Sách dày 710 trang biên soạn rất công phu, được chia ra 6 phần chính : Phần con người, phần liên quan đến con người, phần sinh hoạt, phần tình cảm, phần lý trí và duệ trí, phần văn phạm. Một cuốn sách học chữ nho rất đầy đủ có nhiều bài văn thơ của các văn thi-sĩ danh tiếng, có bài Khuyển tướng sĩ hịch của Trần-quốc-Tuân, Bình-Ngô đại-cáo của Nguyễn-Trãi v.v... Giá 840 đ.

# Tổng-thống Nixon với vấn-đề giải quyết chiến-tranh Việt-nam

Từ khi lên cầm quyền vấn đề giải quyết chiến tranh Việt-nam có thể nói là quan tâm số 1 của Tổng-thống Nixon. Chính vì hứa hẹn chấm dứt cuộc chiến Việt-nam mà T.T. Nixon đã đắc cử. Và cũng chính vì lo không giải quyết nổi vấn-đề chiến-tranh V.N khiến ông có thể mất ghế Tổng-thống mà ông Nixon đã phải

luôn luôn tích cực tìm giải-pháp cho vấn-đề Việt-nam.

Đề có một ý-niệm rõ rệt về diễn-tiến hành-động của T.T. Nixon từ khi ông nắm chính quyền, chúng ta hãy nhớ lại lịch-trình các hoạt-động của ông liên quan đến cuộc chiến Việt-nam :

10—1968 Trong khi vận động tuyên cử, ông Nixon hứa hẹn sẽ rút hơn 100.000 quân vào cuối năm 1969, nếu ông đắc cử, và ông sẽ khai-thông Hoà-dàm Paris.

14-5-1969 T.T. Nixon đọc diễn văn quan trọng ở Washington đưa ra sáng-kiến hoà-bình 8 điểm đề đổi phó với giải-pháp toàn bộ 10 điểm của Việt-Cộng đưa ra ngày 8-5-1969.

8-6-1969 Hội-nghị thượng đỉnh Midway : tuyên bố rút 25.000 quân để tỏ thiện-chí hoà-bình.

22-7-1969 Đến đảo Guam để đón các phi-hành gia của phi-thuyền Apollo 11 và bắt đầu cuộc công du tại một số các nước Á-Châu và Lã-ma-ni. Tại đảo Guam Tổng-thống Hoa-kỳ đã đưa ra «chủ thuyết Nixon» : chủ trương sẽ rút dần quân đội Hoa-kỳ về và sẽ viện trợ để cho người Á-Châu tự lực bảo vệ lấy đất nước của họ trước mưu đồ xâm lược của Cộng-sản.

16-9-1969 Tuyên bố rút thêm 35.000 quân để, một mặt bắt đầu thực-hiện chủ thuyết Nixon, một mặt thúc đẩy cho phía bên kia nhúc nhích.

3-11-1969 Nhân dịp kỷ-niệm 1 năm ngưng oanh tạc Bắc-Việt. Đưa ra

chính sách Việt-Nam-hoá và từ đó chủ-trương hạ thấp hoà-đàm Paris bằng cách không cử người thay thế ông Cabot Lodge từ chức.

15-12-1969 Tuyên bố rút thêm 50.000 quân đến hết tháng 5-70 để thực hiện đúng lời hứa rút hơn 100.000 quân trước cuối năm 1969 và buộc phía bên kia phải đáp ứng.

20-4-1970. Tuyên bố rút thêm 150.000 quân cho đến hết mùa xuân 1971 để thỏa mãn đòi hỏi của phe phản-chiến Hoa-kỳ và xoay dư-luận thế giới chia về phía bên kia. Như vậy là đến hết mùa xuân 1971, Hoa-kỳ sẽ rút 260.000 quân.

30-4-1970 Mở rộng chiến tranh qua Kampuchia thực hiện 2 mục-tiêu : quét sạch những căn-cứ-địa V.C., đề bảo vệ quân-đội Hoa-kỳ và đẩy mạnh chương trình Việt-nam-hoá, đồng thời cứu nguy chế-độ Lon-Nol.

1-7-1970 Sau khi rút quân khỏi Kampuchia theo đúng lời hứa với nhân dân và Quốc-hội Mỹ, tuyên bố cử đại-sứ Bruce làm trưởng phái-đoàn Hoa-kỳ tại Hoà-đàm Paris : chú trọng hơn đến hội-nghị Paris.

8-1970 Cử Phó Tổng-thống Agnew đi công du Á-Châu để trấn-an dư-luận các nước đồng minh về việc thực-thi chủ-thuyết Nixon : Rút một số quân Hoa-kỳ và tăng cường viện-trợ cho các quốc-gia Á-Châu chống Cộng. Hưởng ứng lạnh nhạt của các nước đồng minh.

7-10-1970 Đưa ra sáng-kiến hoà-bình mới 5 điểm trong đó có đề-nghị ngưng bắn tại chỗ và triệu-tập hội-nghị các nước Đông Dương để phản-ứng lại kế-hoạch 8 điểm ghi rõ thêm của V.C.

Nhìn qua lịch-trình trên chúng ta nhận thấy :

-1/ Cả 2 lần nêu sáng-kiến hoà-bình, T.T. Nixon đều làm sau V.C.

Lần thứ nhất : V.C. đưa ra giải-pháp toàn bộ 10 điểm ngày 8-5-69 thì Nixon đưa ra kế-hoạch 8 điểm ngày 14-5-1969. Lần thứ 2, V.C. đưa ra «8 điểm nói rõ thêm» ngày 17-9-70 thì Nixon đưa ra sáng-kiến hoà-bình 5 điểm ngày 7-10-1970.

Rõ ràng, kế-hoạch của Hoa-kỳ chỉ là một phản-ứng đối với kế-hoạch của

Cộng sản. T.T. Nixon đã thận trọng chờ đợi Cộng sản đưa ra kế-hoạch của họ đã, rồi mới căn cứ vào đó mà đưa ra kế-hoạch của mình, mục đích là để hòa-giải kế-hoạch của địch-thủ, đồng thời tỏ cho thế-giới biết rõ thiện-chí hóa-bình của mình, Địch thủ từ chối là lỗi ở họ, họ ngoan cố thì họ phải ráng chịu. Hoa-kỳ bao giờ cũng có thiện-chí muốn chấm dứt chiến tranh Việt-nam. Đưa ra kế-hoạch hoà-bình như vậy, T.T. Nixon vừa không sợ quá lỗ vừa hy vọng xoa dịu được dư-luận quốc-tế và quốc

nội, và ít nhất, cũng trút được một phần trách nhiệm cuộc chiến cho phía bên kia.

—2/ Trong cả 2 lần, khi đưa ra kế-hoạch hòa bình của mình, với một Bộ tham-muru tài giỏi và đầy đủ phương-tiện như vậy, chắc chắn là T.T. Nixon đã có thể đoán trước được phản-ứng của phía bên kia. Có lẽ ông đã biết chắc rằng phía bên kia không thể chấp nhận được sáng-kiến của mình vì đối chiếu với sáng kiến của phía bên kia còn quá nhiều cách biệt, không thể dung hòa được. Vậy thì ông đưa ra sáng-kiến đó có phải vì thực sự mong muốn hòa-bình không, hay cũng như phía bên kia đưa sáng-kiến ra chỉ để tuyên-truyền, để thiên hạ khỏi chỉ-trích mình là hiếu chiến. Có thể trong thâm tâm Nixon lại mong muốn bên kia sẽ từ chối đề ông tiện đi theo con đường đã vạch ra, con đường Việt-nam hóa mà ông tin tưởng rằng, trong một thời gian nữa, sẽ thành công mỹ mãn, kết quả còn hơn là một cuộc điều đình mà sự nhượng bộ không phải đạt được dễ dàng. Sáng-kiến trước đưa ra rồi, ông mới hoạch-định chương-trình Việt-nam hóa; sáng-kiến này đưa ra cũng vào lúc ông muốn đẩy mạnh chương-trình đó tiến tới thành công. Nó cũng được đưa ra vào lúc sắp có tuyên-cử bầu lại Hạ viện, 1/3 Thượng viện và một số lớn Thống-đốc tiểu-bang. (3-11-1970) để hốt phiếu cho đảng Cộng-hòa mà vẫn không phải hy-sinh lập trường của mình. Ông đã sửa soạn tất cả đề cho phía bên kia không nhận được mà

đư-luận nhân-dân Mỹ lại không ngót tác thưởng về thiện-chí hòa-bình của ông. Như vậy là ông đã hóa giải được tác-động tai hại của tuyên-truyền phía bên kia về 8 điểm nói rõ thêm của Nguyễn thị Bình, đối với đa số dư-luận trong nhân dân Mỹ và thế-giới. Thật là một hành động khôn ngoan và có thể nói là xảo-quyệt.

—3/ Qua việc rút quân một cách rất hạn chế và kéo dài trong thời-gian, ta thấy T.T. Nixon nhìn những mục-đích khác hơn là mục-đích thỏa mãn những đòi hỏi của Cộng-sản. Nó nhằm 2 mục-đích rõ rệt :

— Mục-đích xoa dịu dư-luận nhân-dân Mỹ để dư-luận đó khỏi quá sôi sục khiến ông có thể thực hiện được đường lối của mình.

— Mục đích đẩy mạnh chương-trình Việt-nam-hóa, thúc dục Chính-phủ Việt-nam tự đảm nhận trách-nhiệm chính trong cuộc chiến V.N. Có thể nói là về phương diện này ông đã thành công như chính ông đã nói ra trong bài diễn văn hôm 7-10-70. Mức thương vong của Hoa-kỳ đã giảm đi rõ rệt và mức thương vong của VNCH cũng đã tăng gia rất nhiều.

Cuộc tấn công qua Campuchia của ông là một hành vi tính toán rất kỹ lưỡng. Nó không phải chỉ có mục đích cứu nguy cho chế độ Lonol. Đó chỉ là một mục đích phụ, vì nếu là mục đích chính thì quân Mỹ đã không rời Campuchia vào lúc chính quyền Nam Vang còn đang gặp những khó khăn nghiêm trọng khiến nó có thể bị lật nhào trước sức ép của Cộng-sản.

Mục đích chính của cuộc tấn công qua Campuchia là để đảm bảo cho việc quân đội Mỹ có thể rút lui an toàn trong khi chương trình Việt hóa vẫn được đẩy mạnh. Vì thế chonên khi những «thánh địa» của Cộng-sản bị diệt ở vùng biên-giới là quân Mỹ rút về ngay để cho quân đội VNCH làm nhiệm vụ yểm-trợ cho Campuchia, thực hiện đúng quan-niệm dùng người Đông-Dương trên chiến trường Đông-Dương. Chỉ yểm trợ phi pháo mà thôi, vừa đỡ thương vong cho quân đội Mỹ, vừa rèn luyện cho quân đội VNCH đảm nhiệm lấy trách nhiệm trên toàn cõi Đông-Dương. Thành ra trong việc tiến quân qua Campuchia, T.T. Nixon đã đẩy mạnh chương trình Việt hóa của mình mà vẫn thực hiện được việc rút quân theo mức ấn định. Đối với phía bên kia, việc rút quân đó đã được đề ra như là một thứ thiện-chí hòa-bình để đẩy phe Cộng-sản vào thế ngoan cố, hiếu chiến, không chịu đáp ứng những hành động đơn phương tìm kiếm hòa bình của Hoa-kỳ. Thực ra việc rút quân đó đã nằm trong kế hoạch chiến thắng đối phương của T.T. Nixon. Do đó ta có thể cắt nghĩa vì sao Cộng-sản không thể chấp nhận được kế hoạch rút quân đó và đòi hỏi Hoa-kỳ phải rút hết, rút ngay và rút gọn.

—4/ Tuy tích cực đẩy mạnh chính sách Việt-hóa và đơn phương rút quân, nhưng T.T. Nixon vẫn luôn luôn đề ngỏ cửa cuộc thương-thuyết Paris, khi thì hạ thấp cấp bực

xuống khi thì lại nâng cao lên coi là con đường chính-yếu để đi tới hòa bình. Thực ra hai chính-sách, thương thuyết và Việt-hóa, T.T. Nixon cố gắng để cho thực hiện song song với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, có khi chú trọng nhiều hơn đến đường lối này, có khi chú trọng nhiều hơn đến đường lối kia, nhưng không bao giờ bỏ hẳn một đường lối nào hết. Có thể nói chính sách của T.T. Nixon là một chính sách lưỡng diện, khi nào chính sách Việt-hóa đã thực hiện khả quan đến một mức độ nào, T.T. Nixon sẽ đem nó dùng làm một áp-lực tại hòa-đàm Paris để có thể thương thuyết trên thế mạnh, buộc đối phương phải nhận những điều. Kiện của mình hay sự chiến bại. Nếu chương trình Việt hóa gặp khó khăn trở ngại thì hòa-đàm Paris vẫn là nơi để Hoa-kỳ mặc cả lấy một sự rút lui trong vinh dự. Đảng nào cũng có lợi nên không dại gì mà T.T. Nixon bỏ con đường thương thuyết. Và lại chính đó là nơi Hoa-kỳ biện-thuyết cho hành động của mình, tố cáo âm mưu của đối phương, Hoa-kỳ không thể từ bỏ để bỗng nhiên lãnh lấy tất cả những chỉ trích của dư-luận thế giới, mà ở cương vị một đại-cường quốc Hoa kỳ không thể nào coi thường, cũng như dư-luận của nhân dân Mỹ. Thành ra trong tương lai nếu có bên nào rút chân ra khỏi cuộc hội-đàm Paris, thì bên đó **chắc chắn không phải là Hoa-kỳ.**



-5/ Chính sách Việt-hóa chỉ là một phần của chủ-thuyết Nixon. Chủ-thuyết này đã được chính cả 2 vị Tổng-thống và Phó Tổng-thống đem đi khua vang ở các nước Á-châu và đã được các nước này hưởng ứng một cách dè dặt. Phần lớn các nước đó đều e ngại sự ra đi của quân đội Hoa-kỳ và đòi được trả bằng giá một sự viện

trợ quân-sự và kinh-tế lớn lao để họ có thể tự lực tự cường, điều mà Hoa-kỳ không thể chấp nhận vì không sẵn tiền tung ra. Thành ra trong tương lai, ông Nixon muốn rút chân khỏi Á-châu cũng còn gặp phải nhiều vấn-đề nan giải, không những về phía thù mà còn cả về phía bạn nữa.

### ĐỐI CHIẾU 2 KẾ-HOẠCH HÒA BÌNH CỦA HOA-KỲ :

8 điểm đề-nghị của T.T. Nixon  
ngày 14-5-67

1) Ngay sau khi có thể tiến đến một thỏa hiệp tất cả các quân lực không phải của miền Nam VN. phải bắt đầu triệt thoái khỏi miền Nam VN.

2) Trong thời gian 12 tháng, qua các giai đoạn đã được thỏa-hiệp, phần lớn quân lực các loại kể cả Hoa-kỳ, Đồng-minh và quân lực không phải là quân của miền Nam VN, sẽ rời khỏi VN. Sau thời hạn 12 tháng này, các lực lượng chưa rút khỏi miền Nam VN sẽ phải rút về các căn-cứ và các trại quân được chỉ định và sẽ không tác chiến nữa.

3) Quân lực Hoa-kỳ và Đồng-minh, chưa rút khỏi VN khi hết hạn 12 tháng, sẽ bắt đầu thực hiện triệt thoái hoàn toàn, cùng lúc đó, số quân BV ở miền Nam và Miền Lào, cũng bắt đầu triệt thoái hoàn toàn về BV.

4) Một cơ quan kiểm soát quốc tế được 2 phe thỏa thuận sẽ được thiết lập với nhiệm vụ kiểm soát việc triệt binh cũng như đề phục vụ các mục tiêu khác do 2 phe thảo luận và quyết định.

5) Cơ quan quốc tế này sẽ bắt đầu hoạt động theo một lịch trình đã được 2 phe thỏa-hiệp cũng như sẽ tham gia vào việc tổ chức sự kiểm-soát việc ngưng bắn.

5 điểm đề-nghị của T.T. Nixon  
ngày 8-10-1970

1) Ngưng bắn tại chỗ không có điều kiện tiên quyết :

— Phải được giám sát một cách hữu hiệu bởi các quan sát viên quốc-tế cũng như bởi các phe liên hệ.

— Không được coi là một phương tiện để 2 bên tăng cường lực lượng của mình

— Phải thực hiện dưới mọi hình thức kể cả ngưng oanh tạc và khủng bố.

— Bao gồm toàn cõi Đông Dương. Khi thỏa thuận ngưng bắn, 2 bên có thể đặt căn bản cho sự thỏa thuận về những vấn đề khác.

2) Triệu tập hội-nghị hòa bình Đông-Dương, tuy nhiên vẫn tiếp tục cuộc thương thuyết ở Paris cho đến khi hội nghị quốc tế mở rộng đưa đến kết quả thương thuyết nghiêm chỉnh.

3) Sẵn sàng thương nghị một thời khóa-biểu được cả đôi bên chấp thuận để triệt thoái toàn thể quân lực trong khuôn khổ giải quyết toàn diện dựa trên nguyên-tắc đã được đề ra từ trước và những đề nghị hiện tại.

4) Tìm đến một cuộc dàn xếp chính trị thực sự đáp ứng nguyện vọng của toàn dân VN dựa trên 3 nguyên tắc:

6) Ngay sau khi cơ quan quốc tế bắt đầu hoạt động các cuộc bầu cử sẽ được tổ chức ngay khi nào có thể tổ chức được, qua những thủ tục đã được cả 2 bên chấp thuận và dưới sự giám sát của cơ quan quốc tế.

7) Các biện-pháp thích nghi sẽ được áp dụng nhằm trả tự do càng sớm càng hay những tù binh chiến tranh của cả 2 phe sau khi đã được 2 bên thỏa thuận.

8) Tất cả các phe sẽ thỏa thuận tôn trọng thỏa hiệp Genève 1954 về VN và Campuchia và thỏa hiệp Genève 1962 về Lào.

Hai kế hoạch trên đã đưa ta đến những nhận xét sau đây :

—1/ Vấn đề rút quân và ngưng bắn

Trong kế hoạch 8 điểm, T.T. Nixon chú trọng đến kế-hoạch rút quân song phương-thực hiện làm 2 giai đoạn :

— Trong thời gian 12 tháng đầu, phần lớn quân 2 bên bắt đầu rút.

— Sau thời kỳ này số quân còn lại phải tập trung lại tại các nơi chỉ định và không tác chiến nữa.

Việc rút quân này phải đặt dưới sự kiểm soát quốc-tế.

Trong sáng kiến 5 điểm mới, T.T. Nixon chú trọng trước tiên tới việc ngưng bắn tại chỗ và trên toàn cõi Đông-Dương. Trong việc rút quân, ông nhấn mạnh đến việc rút toàn thể quân đội Hoa-kỳ mà không hề nói tới việc rút quân song phương tuy ông chỉ nhắc đến một cách gián-tiếp trong câu «trong khuôn khổ giải quyết toàn diện» và «trong khuôn khổ một cuộc dàn xếp trên các nguyên-tắc đã đề ra trước đây». Ông đã buộc việc rút quân với

— Phản ánh ý nguyện của nhân dân VN:

— Phản ánh tương quan hiện hữu giữa các lực lượng chính trị ở Nam VN.

— Tôn trọng kết quả của thể thức chính trị đã được thỏa thuận. Bác bỏ lời yêu cầu của đối phương loại một số nhân vật chính trị của Chính phủ Nam VN. Giải pháp duy nhất có thể trường cửu là giải pháp cả 2 bên đều muốn duy trì.

5) Phóng thích tức khắc và vô điều kiện tất cả các tù binh do cả 2 bên giam giữ kể cả các kỹ giả và thường dân.

điều kiện ngưng bắn, trong khi trong kế hoạch trước ông chỉ đề nghị 2 bên rút quân mà thôi nhưng lại chia làm 2 giai đoạn.

Cả 2 kế hoạch phía bên kia đều khó lòng nuốt trôi được. Vì một đạo quân chủ-yếu là du-kích thì làm sao có thể «ngưng bắn được tại chỗ» và tập trung lại một số nơi trước khi có những thỏa thuận căn bản về phương diện chính trị. Có lẽ T.T. Thiệu đã gật đầu là vì biết chắc bên kia sẽ từ chối, riêng về điểm này.

2/ Vấn đề dàn xếp chính trị

Trong kế hoạch trước T.T. Nixon chỉ nói tới việc bầu cử tự do có sự kiểm soát quốc-tế, qua những thủ tục đã được 2 bên chấp nhận, và Hoa-kỳ sẽ tôn trọng kết quả của cuộc bầu cử đó dù thế nào chăng nữa.

Trong sáng-kiến mới, T.T. Nixon đã không nhắc gì tới vấn đề bầu cử. Nhiều người đã lo lắng tự hỏi không biết có phải T. T. Nixon đã ngụ ý

( Xem tiếp trang 84 )

# Chữ Hán trong Việt ngữ

## Tiếng Hán đi sâu vào xã-hội Việt-Nam

Phần trên là giai-đoạn đầu của quá trình diễn-biến về âm-thanh. Giai-đoạn thứ hai là quá-trình diễn-biến của tiếng Hán khi đi sâu vào xã-hội Việt-Nam.

Ai cũng biết : làm môi giới phổ biến tiếng Hán vào xã-hội Việt-Nam là tầng lớp quan lại và nói chung là nhà Nho.

Kinh sách của thánh hiền là một kho tàng chứa đủ thứ tiếng. Trong đời sống hằng ngày, nếu muốn chỉ cái gì hay diễn ý-tứ gì mà trong xã-hội đương tiền không có tiếng sẵn thì các cụ cứ lật sách kiểm lấy đem ra cho mình và bà con dùng.

Những tiếng ấy trong chữ Hán ra đại lược có thể chia làm 2 loại :

— những tiếng còn giữ nguyên giọng Hán Việt của các Cụ.

— những tiếng đã từ giọng Hán Việt chuyển sang giọng Nôm.

A. — Những tiếng còn giữ nguyên giọng Hán Việt của các Cụ, như : cái Áo, cái Quần, cái Đôn, cái Mào, tấm Biển, bức Hoành, đôi Liễn, cái Đình, cái Miếu, cái Am, tấm Bình Phong v.v...

Ông, Bà, Má, Cô, ông Khách, người Dân...

Học - tập, Gian - giáo, Thị - thiên, Thị - tể, Thương-tích, Lam-lũ. Kỵ-lương, Tham-lam, Hoảng-hốt, Linh-đinh...

Loại tiếng này rất dễ lộn với tiếng Nôm vì lẽ chúng :

— được phổ biến rộng rãi, đi sâu trong dân gian,

— gồm những tiếng 1 âm hoặc 2 âm. Những tiếng 2 âm rất giống những tiếng Nôm đôi, bởi vì chúng đã bị Việt hóa đến cao độ, có tiếng đã có thể kèm theo một tiếng lấp lái như « khách khứa » (đặc tính của tiếng Nôm là có kèm theo một tiếng lấp lái).

Thông thường người ta nói : « Sông Cửu Long Giang », « núi Thái Sơn ». Có người thông chữ Hán bảo rằng : dùng từ-ngữ như vậy là thừa, vì lẽ « giang » nghĩa là sông rồi vậy cần gì phải nói Sông Cửu-Long-Giang mà chỉ cần nói « Sông Cửu-Long » là đủ. Cũng như cần nói : « Núi Thái » hay « Non Thái », cần gì phải thêm tiếng « Sơn ».

Bảo như vậy cũng có lý và thông thường người ta cũng nói « Sông Cửu Long » và « Non Thái ». Tuy nhiên những người nói « Sông Cửu Long Giang » và « Núi Thái Sơn » không phải là không có lý của họ. Lý như vậy :

Mấy cụ thông chữ Hán, đem từ-ngữ Hán-Việt tung ra cho dân-gian dùng, nhưng đa số người trong dân-gian thì không thông chữ Hán, họ nhớ giọng những tiếng ấy và trường-hợp nào dùng nó rồi cứ theo đó mà dùng.

Họ nhớ rằng khi muốn chỉ con sông

rất lớn mà phù sa đã bồi đắp thành ruộng vườn béo mỡ của miền Nam, các Cụ Nho dùng ba tiếng « Cửu-Long-Giang », rồi mỗi khi nói chuyện với nhau về con sông ấy, họ gọi nó là con Sông Cửu-Long-Giang.

Mấy Cụ biết « giang » nghĩa là sông thì mấy Cụ dùng hoặc « Cửu-Long-Giang » hoặc « Sông Cửu-Long », còn dân gian không cần biết « Cửu-Long-Giang » là « Sông Chín Rồng », họ chỉ nhớ giọng và gọi con Sông đó là « Sông Cửu-Long-Giang ».

Quy luật của ngôn-ngữ là như vậy ; kẻ xây-dựng ra ngôn-ngữ không phải là người hay chữ, thông văn-pháp, mà là dân-gian cho nên người ta vẫn nói « Sông Hồng-Hà », « Núi Hy-Mã-Lạp-Sơn ».

Ngày nay không ai dùng từ-ngữ « thất quốc tha bang », ai cũng dùng « xác bắc xang bang », mặc dù « thất quốc tha bang » mới là đúng chữ-nghĩa.

Chính quy-luật « dân gian xây dựng ngôn ngữ » đã tạo ra những thành ngữ (idiom) mà ngôn-ngữ nào cũng có. Thành-ngữ là lối nói bất chấp văn-pháp, bất chấp chữ-nghĩa, nhưng nó thơm ngát mùi-vị dân-tộc vì vậy mà nó là cái vốn quý của một ngôn-ngữ.

**B.— Những tiếng đã từ giọng Hán Việt chuyển sang giọng Nôm như :**

*Chú* (thúc), *Đác* (bá), *Cận* (cửu), *Chữ* (từ), *Chỗ* (tại), *Cũ* (cửu), *Cối* (kỳ), *Cối* (ky), *Khàn* (cân), *Võ* (hoại), *Chật-hẹp* (trá hiệp)...

*Xác bắc xang bang* (thất quốc tha bang), *Sân sơ sát sở* (thân sơ thất sở),...

Học sinh cấp Trung-học đã được

dạy quy-luật « tiếng Hán-Việt chuyển sang tiếng Nôm » để viết chính tả trùng hỏi, ngã, cuối chữ có g hay không g, có t, c hay ch v.v...

*Về đầu giọng*, biến theo luật « thuận thanh-âm » được tóm-tắt trong câu « không, sắc, hỏi, huyền, nặng, ngã », như :

<i>Cửu</i>	biến thành	<i>Cũ</i> (nặng/ngã)
<i>Họa</i>	»	<i>Vẽ</i> ( - id - )
<i>Thái</i>	»	<i>Vê</i> (sắc, hỏi)
<i>Giá</i>	»	<i>Gã</i> ( - id - )

*Về phụ-âm đầu chữ* : Hầu âm biến sang hầu âm, thăm âm biến sang thăm âm v.v...

<i>Cân</i>	biến thành	<i>Gần</i> (hầu âm)
<i>Họa</i>	»	<i>Vẽ</i> (thăm âm)
<i>Thúc</i>	»	<i>Chú</i> (xỉ âm)

v.v...

*Về phụ-âm cuối chữ*, âm dài biến sang âm dài, âm ngắn biến sang âm ngắn :

<i>Cảnh</i>	biến thành	<i>Kiến</i> (âm dài)
<i>Phương</i>	»	<i>Vương</i> ( - id - )
<i>Thiết</i>	»	<i>Sắt</i> (âm ngắn)
<i>Than</i>	»	<i>Thần</i> ( - id - )

Sự chuyển-biến từ giọng Hán-Việt sang giọng Nôm đều theo quy-luật nhất-định, đó là lẽ tất-nhiên.

Có lần một học sinh nhờ giáo-sư giải-thích : chữ « gần » là do chữ « cận » biến thành, vậy chữ « xa » thì do chữ gì. Thông thường ai cũng biết cận nghĩa là gần, viễn nghĩa là xa, nhưng nếu bảo « xa » là do « viễn » biến thành thì không được vì không có quy luật nào làm cho tiếng « viễn » biến thành tiếng « xa » được. Do đó khi tìm-nguyên một chữ cần phải thận-trọng. Theo thiên-ý thì trong cổ văn có hai chữ ; « Hà »

nghĩa là xa, «nhĩ» nghĩa là gần. Chữ «hà» đọc theo giọng quan-thoại là «xa» (hà, nhĩ).

Người Việt còn tạo ra một số từ-ngữ, hoặc phỏng theo hoặc dịch những từ-ngữ Hán-Việt như :

*Sẽ tới* (tương lai), *Đã qua* (đi vãng), *Giàu mạnh* (phú cường)...

*Đánh Đập* (đả kích), *Qua Đời* (trê thể), *Xây Cát* (kiến tạo), *Xem Xét* (quan sát), *Lo Nghĩ* (ưu tư)...

*Ruộng Đất* (điền địa), *Họ Hàng* (thân thích), *Chỗ Đứng* (lập trường)...

Có một số từ-ngữ gồm một tiếng Hán-Việt kèm theo một tiếng Nôm đồng nghĩa, như :

*Nuôi-Dưỡng*, *Sanh-Sống*, *Xuyên-Qua*, *Trước-Tiền*, *Đính-Kèm*, *Hạ-Xuống*...

Sự cấu-tạo những từ-ngữ trên đây là một hiện-tượng ngôn-ngữ khá ngộ-nghĩnh.

Nhìn kỹ những từ-ngữ : *Xuyên-Qua*, *Trước-Tiền*, chúng ta nhận thấy rằng hai tiếng cấu-tạo nên từ-ngữ này cùng chung một từ-loại (giới-từ) và từ-ngữ được cấu-tạo cũng vẫn là giới-từ, trong khi ấy :

Nhìn kỹ những từ-ngữ : *Hạ-Xuống*, *Xuất-Ra*, chúng ta nhận thấy rằng hai tiếng cấu-tạo, về từ-loại khác nhau, tiếng đứng trước (Hán), là động-từ, tiếng đứng sau (Việt) là trạng-từ và hai tiếng ghép lại thành ra một động-từ ghép.

Về những từ-ngữ Hán-Việt, cần nêu lên hai điểm :

1.— Người Hoa và người Việt, mỗi bên lòng vô một nội-dung khác nhau.

2.— Cách cấu-tạo không giống nhau.

## Từ-ngữ người Việt và người Hoa lòng vào những nội-dung khác nhau

*Nhan-Sắc*.— Người Việt dùng để chỉ sắc đẹp phụ-nữ còn người Trung-Hoa dùng từ-ngữ này như chúng ta dùng từ-ngữ « màu sắc ».

*Hoạt-bát*.— Chúng ta dùng để chỉ tinh-tinh một người nói-năng trôi-chảy còn người Trung-Hoa dùng để chỉ tinh-tinh một người có hành-động nhanh-nhẩu, linh-động, chẳng những khi nói mà cả khi đi đứng nữa.

*Phương-tiện*.— Đối với người Việt « phương-tiện » là một danh-từ gần đồng-nghĩa với tiếng « cách-thức ». Người Trung-Hoa có khi dùng như một tính-từ tương-đương với tiện-lợi của chúng ta.

*Phong-trào*.— Chúng ta dùng danh-từ « phong-trào » để chỉ cái kết-quả của một cuộc vận-động, như « phong-trào chống nạn mù chữ ». Đối với người Trung-Hoa, « phong-trào » nghĩa là « sóng gió », một cuộc sôi nổi ầm-ĩ, với họ tiếng có nội-dung tương-đương với « phong-trào » của người Việt chúng ta là « vận-động ».

*Biểu-tình*.— Chúng ta dùng từ-ngữ « biểu-tình » để chỉ một cuộc xuống đường để đòi hỏi điều gì. Đối với người Trung-Hoa, « biểu tình » là biểu-lộ tình-cảm. Khi ta dùng từ-ngữ « biểu-tình » thì họ dùng « thị-uy ».

Về mục này, cũng cần chú-ý rằng người Trung-Hoa cấu-tạo và dùng từ-ngữ của họ một cách rộng-rãi hơn chúng ta dùng từ-ngữ Hán-Việt.

Trong khi chúng ta chỉ dùng những từ-ngữ nào đã du-nhập vào Việt-ngữ và đã được dùng lâu đời, người

Trung-Hoa cứ tự-do ghép những tiếng đơn của họ, dựa theo ý-nghĩa của mỗi tiếng, bằng mọi cách, nhằm diễn-đạt ý họ muốn nói.

Thí-dụ :

Người Trung-Hoa dùng những từ-ngữ « hồi-quan », « thống-quan » còn chúng ta chỉ dùng « thống quan » mà không quen dùng « hồi-quan ».

Họ dùng « thính-chúng » để chỉ những người nghe, còn chúng ta chỉ dùng « quý vị thính-giả » v.v...

### Người Việt-Nam và người Trung-Hoa cấu-tạo từ-ngữ khác nhau

Người Việt đảo ngược một số từ-ngữ Hán rồi mới dùng, điểm này dễ hiểu vì lẽ Việt-ngữ và Hoa-Ngữ có cú-pháp trái-ngược nhau :

Hán	Việt
Duyệt-lich	Lich-duyet
Lich-lai	Lai-lich
Khê-nhiều	Nhiều-khê
Đấu-tranh	Tranh-đấu

Người Việt cũng nói « đấu tranh » nhưng người Trung-Hoa thì không nói « tranh đấu ».

Văn-khoa đại-học      Đại-học văn-khoa

Người Việt cũng nói « Văn-khoa Đại-học », nhưng người Trung-Hoa thì không nói « Đại-Học Văn-Khoa ».

Trên đây là nói về những từ-ngữ mà ý-nghĩa được cụ-thể, hoặc nếu trừu-tượng thì ý-nghĩa được trọn vẹn. Dưới đây là những từ-ngữ có ý-nghĩa tế-nhị :

Để diễn-tả những ý-nghĩa tế-nhị, những trạng-thái tế-vi của hành-động v.v... người Việt tất yếu phải mượn ngôn-ngữ của Trung-Hoa mà nền văn-

minh đã đạt đến trình-độ phong-phú, dồi-dào.

Chẳng hạn :

1.— Từ-ngữ mượn của người Trung-Hoa :

Trạng-từ :

Tự-Nhiên, Đương-Nhiên, Dĩ-Nhiên, Cố-Nhiên... (hầu hết những trạng-từ có chữ « nhiên » đi sau)

Liên-ừ :

Nhiên-Hậu, Sở-Dĩ, Bất-Đắc-Dĩ, Nhưng, Tuy-Nhiên v.v...

2.— Từ-ngữ do người Việt tạo ra, phỏng theo hoặc dịch của chữ Hán :

Trạng-từ :

Vì Sao (hà cổ), Bao Giờ (hà thời) Thật Là (chân thị), Chính Là (đích thị), Trộm Nghĩ (thiết tưởng) v.v...

Liên-từ :

Từ Trước (tùng tiền), Từ Nay Về Sau (kim hậu), Vì Thế (nhân thử) Như Vậy (như thử), Chẳng Qua (bất quá) v.v...

Ở mục này, tưởng cũng nên để ý một số liên-từ, người Việt chúng ta và người Trung-Hoa không dùng giống nhau, chẳng hạn như :

Tuy-nhiên : Đối với người Việt « tuy nhiên » là một liên-từ tập-hợp, như trong câu « Tôi sẵn-sàng tha-thứ cho anh, tuy-nhiên anh phải tỏ ra biết ăn-năn, hối-cải ».

Đối với người Trung-Hoa « tuy-nhiên » là một liên-từ phụ-thuộc, như trong câu :

« Tuy-nhiên ngã một hữu tiền, ngã nhất-định bất khảng hy-sinh ngã đích danh dự »

(Tuy tôi không có tiền nhưng tôi nhất-định không chịu hy-sinh danh-dự của tôi).

Họ dùng « tuy-nhiên » khi chúng ta chỉ dùng đơn-độc « tuy »

*Bất quá* : Người Trung-Hoa dùng « bất quá » cũng như chúng ta, ngoài ra, họ còn dùng từ-ngữ ấy với ý-nghĩa tương-đương với chữ « nhưng ».

Nhận xét chung về sự diễn-biến của tiếng Hán khi đi sâu vào xã-hội Việt-Nam, chúng ta thấy rằng :

Về hai phương-diện hình-thức (cách cấu-tạo từ-ngữ) và nội-dung (ý-nghĩa), tiếng Hán đã bị Việt-hóa qua nhiều trình-độ :

— Hoàn-toàn Việt-hóa,

— Biến chất một nửa, bán Hoa, bán Việt,

— Thành-phần còn lại cũng vẫn không còn giữ trọn vẹn chất Hoa mà bị Việt-hóa phần nào.

Hiện-tượng này là sự biểu-hiện trong ngôn-ngữ của sức-sống dồi-dào của dân-tộc Việt-Nam.

### Con đường xuyên qua dân gian

Tiếng Trung-Hoa còn vào Việt-ngữ xuyên qua con đường dân-gian.

Trong cuộc sống hằng ngày, dân chúng tiếp-xúc với người Hoa-kiều và mượn tiếng nói, cách nói của họ mà dùng.

*Những tiếng mượn* :

*Thùng* (cái thùng),

Giọng Hán-Việt : thông

Giọng Trung-Hoa : thùng

*Tử* (cái tử)

Giọng Hán-Việt : độc

Giọng Trung-Hoa : tử

*Chiên* (chiên, xào)

Giọng Hán-Việt : tiến

Giọng Trung-Hoa : chiên

*Chung* (chung, hấp)

Giọng Hán-Việt : thừa

Giọng Trung-Hoa : chung

*Bì* (phân bì)

Giọng Hán-Việt : tỷ

Giọng Trung-Hoa : bì

*Những quán-ngữ phỏng theo Trung-Hoa* :

*Không được* (ngủ không được) phỏng theo Hoa-ngữ :

Giọng Hán-Việt : bất đắc

Giọng Trung-Hoa : bú tổ

*Được không?* (ăn được không) phỏng theo Hoa-ngữ :

Giọng Hán-Việt : đắc bất đắc

Giọng Trung-Hoa : tổ bú tổ

*Tốt không?* phỏng theo Hoa-ngữ

Giọng Hán-Việt : hảo bất hảo

Giọng Trung-Hoa : hào bú hào

*Phải không?* phỏng theo Hoa-ngữ

Giọng Hán-Việt : thị bất thị

Giọng Trung-Hoa : só bú só

*Có biết đâu?* phỏng theo Hoa-ngữ

Giọng Hán-Việt : ná lý tri-đạo

Giọng Trung-Hoa : nả lì trư đảo.

Để kết-thúc mục « từ-ngữ », xin đưa ra vài nhận xét :

Người Việt chúng ta thu nhận chữ Hán để làm giàu cho Việt-ngữ: Tuy nhiên, chúng ta không thu-nhận một cách thụ-động, trái lại, chúng ta đã :

— Đổi giọng Hán thành giọng Việt

— Đổi cú-pháp ngược thành cú-pháp xuôi (một phần nào)

— Đổi nội-dung, đổi cách dùng,

— Việt-hóa, biến hẳn thành tiếng Nôm

— Phỏng theo, sáng tạo thêm

Ở đây, tinh-thần bất-khuất, tinh-

thần sáng-tạo của dân-tộc đã biểu-lộ trong ngôn-ngữ.

*Ảnh-hưởng của cú-pháp Hoa-ngữ đối với cú-pháp Việt-ngữ :*

Như chúng tôi đã trình-bày trong phần trước, Việt-ngữ có cú-pháp xuôi còn Hoa-ngữ có cú-pháp ngược.

Các cụ ngày xưa đọc kinh-sách chữ Hán thuộc lâu, quen miệng cho nên khi nói chuyện bằng tiếng Việt thỉnh-thoảng dùng cú-pháp chữ Hán đó là lẽ dĩ-nhiên. Vì thế, có một số câu tiếng Việt, trong đó những chữ được bố-trí theo cú-pháp Hán, như :

« Tôi muốn đem vấn-đề ấy cùng với anh thảo-luận ».

Đó là phỏng theo câu Hán :

« Ngã tương bả giá cá vấn-đề hòa nễ thảo-luận »

Nếu dùng cú-pháp Việt thì phải nói :

« Tôi muốn thảo-luận với anh vấn-đề đó ».

Ngày xưa, các nhà văn Việt-Nam dùng chữ Hán viết truyện, họ không hoàn-toàn dùng cú-pháp ngược ; họ tạo một lối hành-văn Hán-Việt, nghĩa là bên cạnh cú-pháp ngược xen vào cú-pháp xuôi. Đó là lối hành-văn của hai cuốn sách kể chuyện những danh-nhân liệt-sĩ của nước ta, là : Lĩnh Nam Trích Quái và Việt-Điện U-Linh Tập.

Chúng tôi xin phép khỏi đem phân-tích lối hành-văn hai cuốn sách này ở đây, vì làm như vậy sẽ đi quá sâu vào chuyên-môn.

Mục cú-pháp có thể tóm tắt qua những nhận xét sau đây :

Về phương-diện cú-pháp, Hán-ngữ

ảnh-hưởng rất ít đến Việt-ngữ, vì lẽ cú-pháp phản-ảnh chiều-hướng tư-tưởng diễn-biến của một dân-tộc. Dân-tộc Việt khác dân-tộc Hoa ở nhiều điểm, một trong những điểm ấy đồng thời cũng là một điểm rất quan-trọng chính là chiều-hướng tư-tưởng diễn-biến của ta khác họ. Điểm này biểu-hiện qua ngôn-ngữ là chúng ta dùng cú-pháp xuôi còn họ dùng cú-pháp ngược.

Trong lịch-sử, người Trung-Hoa đã đô-hộ tổ-tiên chúng ta trên một ngàn năm, có thể bắt buộc dân ta ăn mặc theo họ, sống theo lối sống của họ, nhưng không thể thay-đổi chiều diễn-biến của tư-tưởng chúng ta, không thể nào bắt buộc chúng ta :

đừng nói « cái đầu heo » mà phải nói « cái heo đầu »

đừng nói « cái nhà rộng » mà phải nói « cái rộng nhà ».

\* \* \*

Vấn-đề «Chữ Hán trong Việt-ngữ» có thể được kết-thúc với những nhận xét sau đây :

— Người Việt-Nam phải tưởng-niệm, tri ân công-đức của tiền-nhân đã biến thể bất lợi thành thể có lợi, nhân cuộc đô-hộ của ngoại-bang, lấy của họ làm của ta, để lại cho con cháu một di-sản vô cùng quý-báu, tức là kho tàng từ-ngữ Hán-Việt với tất cả những sản-phẩm dồi dào, phong phú của nó.

— Kho tàng từ-ngữ Hán-Việt đã xây-dựng cho Việt-ngữ một thành phần tổng-hợp để cùng với thành-phần phân-



tích sẵn có của dân-tộc, tạo cho Việt-ngữ đầy-đủ khả-năng diễn-đạt.

— Ngôn-ngữ là một sự-vật sống-động. Tiếng nói, cũng như mọi sự-vật khác trong thế-giới hữu-hình, vẫn trải qua quá-trình thành trụ hoại không, nói theo Nhà Phật, nghĩa là nó cũng sanh, lớn già, chết. Dân-tộc càng tiến, ngôn-ngữ càng phát triển và chúng ta có nhiệm-vụ làm cho đời-dào phong-phú thêm mãi cái di-sản của tiền-nhân, nghĩa là tạo thêm những từ-ngữ mới để cung-ứng cho nhu-cầu văn-hóa của dân-tộc.

Trong việc tạo thêm những từ-ngữ mới, chúng ta cần nắm vững hai phương-châm khiến cho Việt-ngữ phong

phú thêm mà vẫn không phức-tạp, đó là :

— nắm vững quy-luật của ngôn-ngữ, nắm vững cú-pháp, hoặc xuôi, hoặc ngược, hoặc hỗn-hợp đã có sẵn và đã áp-dụng rồi.

— luôn luôn đề-cao dân-tộc-tính, dành ưu-tiên cho thành-phần phân-tích, cú-pháp xuôi, nghĩa là :

Nếu cùng một ý mà hai từ-ngữ, một Hán-Việt, một Nôm diễn đạt trọn vẹn thì dành ưu-tiên cho từ-ngữ Nôm.

Như vậy, chúng ta sẽ xây-dựng Việt-ngữ thành một công-cụ Văn-hóa đầy-đủ khả-năng, với nó dân-tộc Việt-Nam vững bước tiến trên con đường đưa đến một tương lai giàu mạnh.

XUÂN QUANG

Tăng cường sinh lực bằng

**CETONIC**

**VITAMINE C 250mg**

433-YTDP.Đ.

**BNP**

*A votre service*

*tous les services de la*

**BANQUE  
NATIONALE  
DE PARIS**

## MỘT TIẾNG NÓI CỦA Á CHÂU :

### « Châu-Á và nền hòa bình thế-giới »

« *L'Asie et la paix mondiale* »  
của Trần-minh - Tiết

▷ NGUYỄN HIỂN-LÊ

(Tiếp theo Bách Khoa số 331)

Trong tập nhì : *Một Liên bang Đông Nam Á trong một Đại liên minh Á Châu* tác giả mới đi sâu vào chi tiết, và xét về thực thể Liên bang Đông Nam Á.

Theo tác giả tiếng liên hiệp (fédération và fédéralisme) có nghĩa là nhiều quốc gia tự ý đoàn kết với nhau để thỏa mãn những nhu cầu chung vào một giai đoạn nào đó, chứ không nhất định phải đoàn kết với nhau để đương đầu với một hay nhiều kẻ thù xâm lăng đặc biệt hung hăng. Mỗi quốc gia vẫn giữ trọn chủ quyền của mình.

Liên bang Đông Nam Á có thể gồm :

— Những nước hội viên thành lập như Việt Nam, Lào, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện, Phi Luật Tân, Mã Lai và Indonésie.

— Những nước gia nhập sau như Nhật Bản, Triều Tiên, Tích Lan (và Indonésie, nếu Indonésie không muốn gia nhập ngay từ lúc đầu).

Ông xét những lí lẽ bác bỏ và những lí lẽ bênh vực thuyết của ông (tr. 182—209) mà tôi không thể kể hết ở đây được, rốt cuộc ông tin rằng sự liên hiệp tuy gặp nhiều nỗi khó khăn, nhưng có thể thành được và sẽ có lợi cho mỗi

quốc gia về các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội.

Muốn cho sự liên hiệp được lâu dài và có kết quả tốt thì các quốc gia (nghĩa là cả nhà cầm quyền lẫn dân chúng) phải chấp nhận một số tư tưởng chính trị và triết lí chung nào đó. Ít nhất dân chúng cũng phải hiểu tại sao cần phải liên hiệp, và liên hiệp thì có lợi ra sao. Vì vậy quần chúng phải được giáo dục, đủ ăn đủ mặc, có phẩm cách và đức tự tin (tr. 222). Phải ngay từ bây giờ dùng báo chí và mọi cách khác, gây được cái tinh thần, cái phong trào liên hiệp. *Tờ Cahiers de l'Asie du Sud Est* được sáng lập chính là nhắm mục đích đó ; nhưng hiện nay nó mới chỉ tới tay một số ít trí thức Việt Nam. Không biết nó có tới tay các nhà trí thức Cao Miên, Lào... không.

\*\*\*

Trong tập ba : *Một con kênh cắt Eo đất Kra và một con kênh nối sông Cửu Long với Thái Bình Dương*, tác giả báo Liên Hiệp Quốc đã có chương trình xây hai con đường xuyên Á, một con đường dài 10.600 cây số nối Bazargan (ở biên giới Thổ Nhĩ Kỳ) với Saigon, một con đường dài 12.350 cây số nối biên giới Irak với đảo Java.

Hai con đường đó rất có lợi cho sự phát triển châu Á. Còn công trình khai thác hạ lưu sông Cửu Long, cũng của Liên Hiệp Quốc, thì ông cho là không có lợi cho các công cuộc kinh doanh nhỏ, chỉ làm giàu cho các công ti lớn, tổ chức lớn; gây thêm một hình thức thực dân kiểu mới nữa; vả lại sự khai thác có kết quả mau thật đấy, nhưng cũng mau ngừng lại sau khi đạt được mức cao nhất. (tr. 290 — 291)

Theo ông, không lợi bằng đào hai kinh dưới đây:

— Kinh cắt ngang eo đất Kra, ở vào khoảng cực nam Miến Điện, để cho tàu biển từ Ấn Độ Dương qua Việt Nam, Phi Luật Tân, Nhật Bản..., khỏi phải đi vòng xuống Singapour. Ông rất ghét thực dân Âu châu, cho Singapour là công cụ của tư bản Tây Âu, nên ông muốn đào kinh đó cho Singapour suy tàn đi mà Saigon sẽ thành một hải cảng tự do thay thế nó, phát triển mạnh mẽ lên. Công việc đào kinh đó không khó khăn hơn công việc đào kinh Panama, nhất là với những phương tiện hiện nay.

— Kinh nối sông Cửu Long với Thái Bình Dương, từ Savannaket qua Đông Hà, Cửa Việt, để bổ túc kế hoạch xây hai con đường Xuyên Á của Liên Hiệp Quốc, để khai thác mỏ dầu lửa ở Lao Bảo (do kỹ sư Pháp tìm được năm 1928 và kỹ sư Nhật xác nhận năm 1941), các mỏ sắt và than ở Cam Lộ, Tân Định, các rừng quế và gỗ quý ở Việt Nam, Lào, Thái Lan. Con đường đó sẽ giải tỏa cả khu Lào, Bắc Thái, làm thay đổi thị trường ở Đông Nam Á; xét theo ngắn hạn thì không lợi mấy, nhưng sẽ có lợi lớn về dài hạn; và cũng như con

kinh trên (kinh cắt eo đất Kra), lợi cả về tâm lý: giúp cho các nước Đông Nam Á có tinh thần tự cường, thoát li sự thao túng của các cường quốc tư bản.

\* \* \*

Trong tập bốn, ông bàn về sự thành lập *Liên bang Tây Nam Á*. Danh từ Tây Nam Á trở hai miền người Âu gọi là Cận Đông và Trung Đông mà tôi đã có lần cho là không chính xác.

Sau khi nhấn mạnh vào địa vị rất quan trọng của miền đó, vạch cái dã tâm và những âm mưu của Mĩ và Nga để chia nhau ảnh hưởng mà lung lạc các nước nhỏ (Mĩ thì xúi bẩy Do Thái, Nga thì xúi bẩy Ả Rập, gây ra mấy cuộc chiến tranh và bao nhiêu cuộc hỗn loạn), tác giả khuyên các dân tộc Ả Rập và Do Thái nên hòa giải với nhau mà thành lập một liên bang gồm Israel, Liban, Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan, Jordanie, Ả Rập Séoudite, Irak, Iran, Afghanistan, v...v.

Ông nhận rằng Âu Mĩ cho dân tộc Do Thái thành lập một quốc gia ở Palestine là áp bức dân tộc Ả Rập (nếu dân tộc Da đỏ viện lẽ rằng Mĩ là đất của tổ tiên họ mà đòi thành lập một quốc gia Da đỏ trên đất Hoa Kỳ thì người Hoa Kỳ nghĩ sao? Muốn cho một triệu Do Thái tránh cái nạn diệt chủng do Đức Quốc Xã gây nên, thì các nước chống Đức Quốc Xã cứ tiếp đón Do Thái, cho họ nhập tịch, cần gì phải đưa họ về Palestine mà không có sự thỏa thuận của Ả Rập — tr. 358); nhưng việc đã lỡ rồi, Ả Rập không thể nào « búng » Do Thái ra khỏi Palestine được nữa, vì Do Thái được Mĩ làm

hậu thuẫn, thì đành phải thừa nhận quốc gia Israel, miễn là Israel phải bồi thường cho Ả Rập bằng cách mua lại vĩnh viễn các đất ở Palestine mà từ 1948 đã thuộc về quốc gia Israel. Sự mua bán đó phải do Liên Hiệp Quốc phó thụ.

Để có đủ tiền trả, Do Thái ở Israel phải đóng góp phần lớn nhất, các người Do Thái khắp thế giới phải tiếp tay, Anh, Mĩ, Pháp... phải chịu đóng một phần, rồi quyên thêm tiền ở khắp thế giới. (tr. 378)

Cũng như ở miền Đông Nam Á, tác giả đề nghị đào thêm kinh cho Tây Nam Á :

— Con kinh Địa Trung Hải — Vịnh Ba Tư, đi từ Akaba (thuộc Ả Rập Séoudite) trên vịnh Ba Tư, ngang qua Jordanie và tới Tel Aviv (thuộc Israel) trên Địa Trung Hải. Kinh này sẽ làm hại kinh Suez, cũng như kinh cắt ngang Eo đất Kra làm hại Singapour. Có lẽ tác giả không ưa Nasser vì Nasser muốn làm bá chủ bán đảo Ả Rập, không muốn cho Ai Cập giữ độc quyền khai thác kinh Suez, làm hại cho thế giới (ba năm nay các tàu biển từ châu Âu qua phương Đông đều phải đi vòng Hảo Vọng Giác), nên mới đề nghị đào con kinh đó.

— Con kinh nối biển Caspienne với vịnh Ba Tư.

— Và một con kinh thứ ba nối Hắc Hải với vịnh Ba Tư.

Hai con kinh sau này cũng chỉ có lợi về dài hạn thôi : làm cho Tây Nam Á giao thông với miền Nam nước Nga và vài nước Đông Âu, mà sự khai thác miền đó sẽ dễ dàng hơn, có lợi cho Ả

Rập, các quốc gia tư bản Âu Mĩ không thao túng Ả Rập được nữa (tr. 391-92).

\* \* \*

Như vậy là đã có hai « thực thể chính trị » khá mạnh, tương đương nhau trong Đại Liên Minh châu Á rồi.

Thực thể thứ ba là Ấn Độ, không có gì đáng bàn, vì Ấn chắc sẵn sàng gia nhập Đại Liên Minh.

Thực thể thứ tư là Trung Hoa. Dĩ nhiên là Trung Hoa lục địa chứ không phải Trung Hoa hải đảo (Đài Loan), hoặc một Trung Hoa thống nhất gồm cả lục địa với Đài Loan. Nhưng thực thể Trung Hoa đó là Cộng sản hay Quốc gia? Nếu là Cộng sản thì làm sao ba thực thể kia có thể liên hiệp với Trung Hoa được để cùng chống với Nga? Vậy thực thể đó phải là Quốc gia, có đường lối chính trị chung với các thực thể kia. Vì vậy, ở trang 22, (cước chú 1) tác giả đã nói rõ : « Trung Hoa dĩ nhiên phải không cộng sản ». (bien entendu non communiste). Nhưng làm sao cho các nhà cầm quyền Hoa lục hiện nay bỏ chủ nghĩa cộng sản được?

Vấn đề đó thật khó giải quyết mà lại rất quan trọng, vì không có Trung Hoa với cái khối hiện thời 700 triệu người đó thì Đại Liên Minh châu Á khó mà đương đầu với Nga được ; nhất là nếu Trung Hoa vẫn đứng về phe Nga thì lực lượng khối Cộng càng mạnh, làm sao có sự quân bình?

Dĩ nhiên chẳng ai có thể đưa ra một giải pháp để « décommuniser » Trung Cộng được. Nhưng tác giả đã gợi ý cho ta, đúng hơn là cho các nhà cầm quyền,

cho dân chúng Hoa lục.

Tác giả cho rằng kẻ thù số một và đáng sợ nhất của Trung Hoa không phải là Mĩ mà là Nga. Nga với Trung Cộng tuy cùng thờ một chủ nghĩa nhưng vẫn gườm nhau, tranh nhau làm bá chủ thế giới cộng sản. Nga muốn cho Trung Cộng phải làm đàn em mình, Trung Cộng không chịu. Lại thêm giữa Nga và Trung Hoa còn có mối thù từ thế kỉ trước. Khi nhà Thanh suy, Nga Hoàng thừa cơ chiếm hết phía bắc sông Hắc Long, làm chủ Tây Bá Lợi Á, cho tới Thái Bình Dương. Mao làm chủ Hoa lục rồi, xin các đồng chí Nga trả cho miền đó, nhưng bọn Nga xô cũng thực dân như bọn Nga Hoàng, không chịu trả. Mao ức, mặt sát chính sách « xét lại » của Moscou, cho chính sách đó là một hình thức tân thực dân, rồi lại gây rối ở biên giới Nga-Hoa (từ 1961 đến 1969 đã có trên 5000 cuộc đụng độ giữa quân đội Nga và Trung Hoa. (tr. 409).

Nga biết rằng Bắc Kinh khi nào mạnh lên, tự xét đủ sức, sẽ tìm mọi cách chiếm lại Tây Bá Lợi Á tới tận Vladivostok, nên tìm cách bao vây Trung Cộng, gây ảnh hưởng ở Bắc Việt, Bắc Hàn. Trung Cộng tranh giành ảnh hưởng đó, nhất là ở Bắc Việt, có hồi phá Nga, không cho khí giới của Nga đi qua Trung Cộng để tới Bắc Việt.

Trong tập sáu: *Nhờ Á châu mà tạo được nền hòa bình thế giới* tác giả cho rằng mưu mô của Mĩ góm lăm, muốn mượn tay Trung Cộng mà hại Nga, theo năm giai đoạn dưới đây:

*Giai đoạn 1.*— Để cho Nga và Trung

Cộng giúp Bắc Việt nhiều vào, cho chiến tranh Việt Nam có một qui mô lớn lao.

*Giai đoạn 2.*— Làm cho Bắc Việt phải nhờ Nga nhiều hơn trong chiến tranh đó, như vậy Bắc Việt sẽ thân lại Nga hơn là thân Trung Cộng; hậu quả là Trung Cộng càng oán Nga.

*Giai đoạn 3.*— Nhiệt độ chiến tranh tăng lên, mà Trung Cộng lại chặn võ khí Nga, không cho qua cõi; thế là Bắc Việt lại phải nhờ Trung Cộng.

*Giai đoạn 4.*— Khi Trung Cộng đã do cách đó, nắm được Bắc Việt rồi, Mĩ mới thỏa thuận với Trung Cộng để giải quyết chiến tranh Việt Nam, làm cho Bắc Việt lệ thuộc Trung Cộng hơn là lệ thuộc Nga.

*Giai đoạn 5.*— Khi Trung Cộng, Bắc Việt và Bắc Hàn đã mạnh rồi, Mĩ mới xúi Trung Cộng gây hấn với Nga để lấy lại Tây Bá Lợi Á. (tr. 425-426).

Tác giả giảng giải: nếu Mĩ không có âm mưu đó thì tại sao lại cho thả những bom đầu tiên xuống Bắc Việt đúng vào lúc Trung Cộng chính thức đòi Nga trả Tây Bá Lợi Á.

Thuyết của tác giả tế nhị quá, tôi thú thực khó nhận ra được; nhưng tác giả tin vậy, nên gợi ý cho các nhà cầm quyền Trung Cộng nên đổi thái độ đi, làm thân với các quốc gia Đông Nam Á, để cùng nhau chống lại Nga, lúc đó Mĩ và Tây Âu sẽ bớt nghi kỵ Trung Cộng mà Trung Cộng có thể bắt Nga trả Tây Bá Lợi Á ra được (trang 428-430) Tác giả không nói rõ ra, nhưng ta đoán được rằng ông muốn khuyên Mao bỏ chủ nghĩa cộng sản (Bắc Việt, Bắc Hàn cũng vậy), để thành một thực thể chính

trị cầm đầu Đại Liên Minh Á Châu mà chống lại Nga.

Lúc đó, ở phía Đông, Nga phải đương đầu với Trung Hoa và Đông Nam Á, ở phía Tây, phải đương đầu với các nước Đông Âu (Lô Ma Ni, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc) do Mĩ và Tây Âu xúi bẩy, sẽ khó mà đứng vững được và chế độ Cộng Sản sẽ sụp đổ (trang 429). Viễn tượng đẹp quá.

Được như vậy thì rõ ràng là Châu Á tạo được nền hòa bình cho thế giới. (tập 6)

Hơn nữa, Châu Á sẽ còn nêu gương bác ái, bình đẳng cho nhân loại nữa, nhờ thực thể chính trị thứ 5, tức Tây Bá Lợi Á.

Vì trong tập năm : *Tây Bá Lợi Á tách ra khỏi Nga Xô và «giải cộng»* ông ước mong rằng Trung Hoa nhờ thế giới tự do giúp sức, buộc được Nga phải nhả Tây Bá Lợi Á ra mà cỡi được cái vòng vây của Nga, thì sẽ để Tây Bá Lợi Á được độc lập, thành một nước Cộng Hòa, một thực thể trong đại gia đình Á Châu.

Xứ đó rộng mênh mông, bằng một phần mười đất đai trên thế giới, gấp 40 lần nước Pháp, 3 lần Huê Kì, từ Nam tới Bắc rộng 4.500 cây số, từ đông qua tây dài 10.000 cây số; mà nguồn lợi thiên nhiên vô kể, gần như còn nguyên vẹn (sắt, đồng, măng gan, chì, kẽm, vàng, dầu lửa, than, cây...); lại chỉ có 30 triệu dân, sẽ là một miền tuyệt hảo để di dân các miền có nạn nhân mãn tới (chẳng hạn Nhật, Trung Hoa, Ấn Độ, Đức, Ý...); nhân loại sẽ đỡ được cái nạn chiến tranh vì nhân mãn, đỡ phải dùng những

phương pháp hạn chế sinh dục mà tác giả cho là phi luân, có hại hơn là có lợi (trang 416). Đỡ dựa bao lâu? Tôi đoán có nhiều lắm là được vài ba thế hệ, vì cứ theo cái đà sinh sản như ngày nay, nếu không hạn chế lại thì tới cuối thế kỷ XXI, nhân loại sẽ có năm mươi tỉ người, cả Tây Bá Lợi Á, Úc Châu Gia Nã Đại, Nam Mỹ, Phi Châu cũng khó chứa nổi.

Cuối tập năm, tác giả bồi hồi xúc cảm, khi nhớ lại đất Tây Bá Lợi Á xưa kia là nơi Nga Hoàng đầy tội nhân, là địa ngục trên trần gian, sau này sẽ là nơi phong phú, siêng năng, tạo được sự quân bình và an ổn cho Châu Á, và sự hòa bình cho thế giới.

\* \* \*

Chúng ta có thể chấp nhận hay không chấp nhận thuyết của ông Trần-Minh-Tiết, chứ không thể nào bác bỏ ông được. Ông đã rào trước ở đầu sách : ông vượt lên khỏi tình trạng hiện tại để nhìn về tương lai; ông lại nhận rằng thuyết ông không hoàn toàn, sở dĩ trình bày với ta chỉ để gợi ý cho ta thôi.

Chúng ta không thể bảo ông là không tưởng khi mong rằng Hoa lục sẽ giải cộng, Tây Bá Lợi Á sẽ tách ra khỏi Nga vì không có một đế quốc, nào vĩnh tồn được cả, mà thế giới thời nay biến chuyển rất mau, không ai biết được trong ba chục năm nữa, bộ mặt thế giới sẽ ra sao, cái mà hôm nay là không tưởng thì vài chục năm nữa có thể thành một thực tại. Năm 1959 khi cho in tập 1, ông tiên đoán Nga và Trung Cộng sẽ hục hặc nhau, người ta cho là khó tin, thế mà hai năm sau Trung Cộng lên tiếng mạt sát Nga, đòi Nga phải trả lại những đất Nga chiếm của Trung Hoa trong đời Thanh.

Rồi năm 1966, tờ *Le Monde diplomatique* tự hỏi làm sao mà Thái Lan và Cao Miên đứng chung trong một liên bang được; bây giờ Thái Lan đã hứa đem quân qua giúp Cao Miên rồi đấy. Cái gì cũng có thể xảy ra ở trên địa cầu này được.

Ta phải khen ông đã bỏ ra mười lăm năm suy tư, gom góp rất nhiều tài liệu, để cất lên một tiếng nói cho Á Châu.

Mà những lời cảnh cáo, nhấn nhủ của ông thật đáng cho ta suy nghĩ: Người Á Châu chúng ta phải tự tin, giữ tư cách

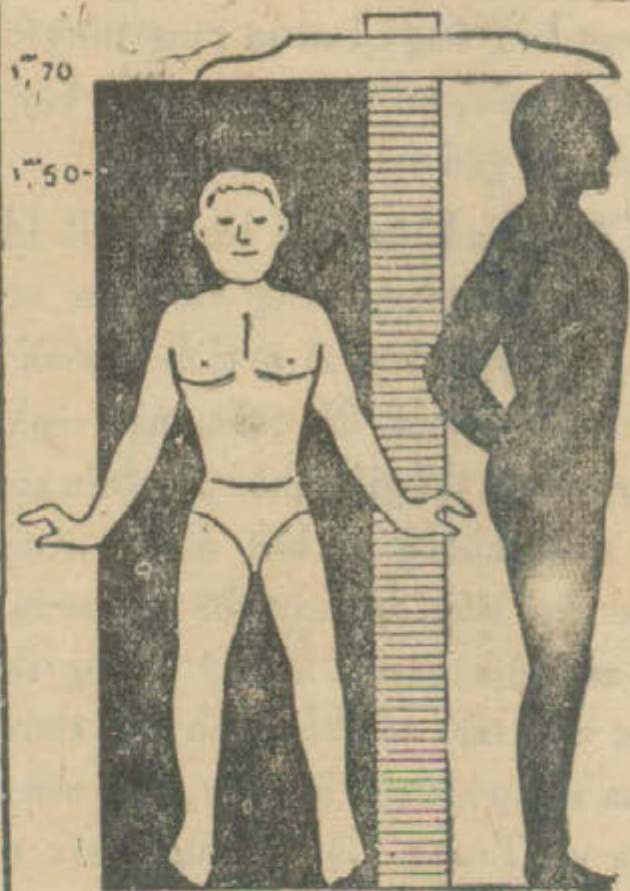
của mình, đoàn kết nhau lại chống với Nga và tư bản Tây phương, để vươn lên, tạo nên hòa bình cho thế giới, nêu gương bác ái, bình đẳng cho thế giới, dẫn đạo thế giới, chứ đừng xu phụ, theo kẻ này, kẻ kia, ngửa tay xin những vật thừa thãi của họ, rồi nhận khí giới của họ mà chém giết lẫn nhau. Tác phẩm của ông thực làm cho chúng ta phấn khởi. Và tôi tin rằng đề nghị thành lập Liên Bang Đông Nam Á của ông được nhiều người tán thành.

Sài Gòn 1.7.1970

NGUYỄN HIẾN-LÊ

# Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ  
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CŨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CŨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

SỐ KN 18-MBYT/QCPD



● GEORGES ETIENNE GAUTHIER

THU THỦY dịch

# Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy



Vài  
nét  
về  
tác  
giả

L.T.S.— Tác-giả bài này, Georges Etienne Gauthier, sinh quán ở Bonaventure miền Gaspésie cực Đông của Gia-nã-đại, từng học tại Ecole Supérieure de Musique Vincent d'Indy ở Montréal, nơi có gần 300 sinh viên Việt-Nam theo học trong ba trường Đại-học lớn.

Có thể do sự tiếp xúc với những sinh viên Việt-Nam tại Montréal và cũng có thể do cuộc chiến dai dẳng ở Việt-Nam — đã làm cho cả thế-giới xúc động và lưu ý đến đất nước khổ đau này — mà Gauthier để tâm nghiên cứu nhạc Việt từ nhiều năm nay, từ nhạc cổ truyền đến nhạc mới, từ sáng tác phẩm của các nhạc sĩ miền Bắc-Việt tới các nhạc phẩm của nhạc sĩ Nam-Việt, sưu tập rất nhiều ấn phẩm, đĩa hát, băng nhạc của nhạc Việt hai miền. Mong ước của Gauthier là giới thiệu niềm rung cảm của dân tộc Việt qua âm nhạc, giới thiệu các nhạc sĩ Việt-Nam, giới thiệu nước Việt-Nam với thế giới. Trong khi nghiên cứu nhạc Việt, Gauthier đã « gặp » nhạc Phạm-Duy và nảy sinh lòng cảm mến sâu xa đối với người nhạc sĩ Việt-Nam, trong ba mươi năm, đã sáng tác trên 400 bản nhạc đủ loại. Cũng do đó mà Gauthier có ý muốn viết một loạt bài về nghệ thuật của Phạm-Duy để đăng trên tạp-chí Bách-Khoa và sau đây là bài đầu của loạt bài này mà tác giả đã viết bằng Pháp ngữ, Thu-Thủy dịch sang tiếng Việt.

Phạm-Duy và nhạc Phạm-Duy từ Bắc đến Nam, từ thôn quê đến thành-

thị, đã trở thành quá quen thuộc với tất cả mọi người. Các bài viết về nhạc Phạm-Duy, về Phạm Duy, khen có chê có, cũng đã đến tay bạn đọc từ trước tới nay khá nhiều. Bởi vậy trong bài sau đây bạn đọc thấy những nhận xét của Gauthier về Phạm-Duy có thể không còn gì mới lạ nữa. Nhưng điều làm cho chúng ta xúc động ở đây chính là qua nhạc Phạm-Duy, qua tâm tình cảm mến đối với Phạm-Duy, tác giả loạt bài này đã mến yêu và xót thương đất nước Việt-Nam, dân tộc Việt-Nam như một tổ-quốc thứ hai của mình.

### Mức khởi hành...

Tôi nghĩ rằng không bao giờ tôi quên được một buổi chiều tháng bảy 1968 ấy... Một người thân vừa trao cho tôi một cuộn băng mới với giọng ca tuyệt diệu của Thái Thanh trình bày bốn bài Tâm Ca đầu và nhiều bài khác của Phạm-Duy. Sự hiểu biết của tôi về Việt-ngữ hãy còn hạn hẹp, nhưng vì đã có người dịch cho tôi một số tác phẩm của Phạm-Duy nên tôi hiểu khá rõ những lời của các bài Tâm Ca ấy. Bởi vậy, những nỗi đau thương của TÔI ƯỚC MƠ và của TIẾNG HÁT TO, những niềm hi vọng của NGỒI GẦN NHAU và những giọng thốt thiết của GIỌT MƯA TRÊN LÁ càng thấm sâu vào tôi thì càng làm cho tôi bị xúc động đến chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn. Hồi đó, tôi đã quá quen thuộc với nghệ thuật của Thái-Thanh và Phạm-Duy, nhưng qua những giọt nước mắt cảm xúc ràn rụa trong chiều ấy, tôi đã hiểu thêm được rất nhiều điều. Tôi hiểu rằng một xứ sở đã hun đúc nên những tâm hồn nghệ sĩ như thế, xứ sở ấy dù điêu linh đến đâu vẫn là một xứ sở đã được cứu độ. Tôi lại còn hiểu được những gì gọi là phổ quát và vĩnh cửu trong nghệ thuật của Phạm-Duy và Thái-Thanh.



Phạm Duy  
chiến khu Bình Trị Thiên 1949

Sau cùng và nhất là tôi đã hiểu rằng nghệ thuật của họ sẽ trường tồn.

\* \*

Khởi đầu loạt bài viết về nghệ thuật của Phạm-Duy, tôi hoàn toàn ý-thức

được tầm rộng lớn và nỗi khó khăn của công việc mình làm. Cũng như tôi biết rõ mức quan trọng và (xin thú thực) sự liêu liãnh. Nhưng đúng ra vì Phạm-Duy chưa bao giờ được một cái nhìn chăm chú của giới nhạc học Tây-Phương. Bởi vì nếu con người Phạm-Duy thuộc về nước Việt-Nam, nhưng tác phẩm Phạm-Duy — do bản chất, do chính sự xúc kích và giá trị của nó — lại thuộc về toàn thể nhân loại. Đã có nhiều báo viết về Phạm-Duy — tôi được biết một số lớn những bài ấy — và người ta đã bảo rằng « tất cả » những gì đáng nói về người nghệ sĩ ấy, từng được nói lên rồi. Quả thực đã có nhiều điều nói về Phạm-Duy, nhưng theo ý tôi thì không phải « tất cả » đã được nói lên. Trái lại, tôi còn dám bảo rằng có lẽ điều quan trọng nhất chưa được nói lên hoặc viết ra. Và chẳng, tôi cũng không nghĩ rằng mình nắm được cái chân lý về Phạm-Duy : vậy những bài này, trước tiên chỉ mong diễn đạt được một chân lý, chân lý của tôi mà thôi. Tuy vậy, vì lòng mến yêu và kính trọng đối với Phạm-Duy, vì lòng trung thực đối với Nghệ-thuật và đối với chính mình, dĩ nhiên tôi sẽ cố gắng tiến gần đến cái chân lý tuyệt đối, được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Độc giả sẽ phán đoán tôi có đạt được mục đích hay không.

Đây đó, trong loạt bài này, người ta sẽ có cảm tưởng gặp một Phạm-Duy « được duyệt lại và sửa chữa ». Tuy nhiên tôi không hề dám có dụng ý chỉ vẽ cho người Việt-Nam biết « thưởng thức tác giả của những thiên Trường Ca ». Không, thực ra là vì ngay từ lúc đầu, tôi thấy cần phải đề cập đến tác giả và



Tranh vẽ của Lê Tung : « Chân dung một nghệ sĩ » Phạm Duy 1957

tác phẩm bằng một cách mới mẻ, gạt bỏ hết những huyền-thoại xung quanh người ấy và nhạc ấy. Vâng, tôi thấy việc phác họa ra những lực tuyến chân chính của vũ trụ Phạm-Duy một cách chính xác và thông minh mới là quan trọng. Tôi thấy việc tìm hiểu những lý do đã khiến cho tác phẩm của Phạm-Duy thành ra tác phẩm duy nhất và tuyệt vời, đó mới là quan trọng. Chỉ ca ngợi, không đủ. Chúng nhận thiên tài là dễ, quá dễ nữa, bởi vì thường thường điều ấy ngăn cản không cho ta phải băn khoăn tìm tòi. Không : Con người và tác phẩm Phạm-Duy luôn luôn sẽ cần được tái khám phá, bởi vì cả hai đều phức tạp và phong phú. Tôi nhận thấy chỉ có sự ngạc nhiên sâu xa, luôn luôn đổi mới, mới có thể làm căn bản cho một thử thách tìm hiểu Phạm-Duy. Và trong loạt bài này, tôi chỉ có một tham



Phạm-Duy 1969

vọng duy nhất là chia xẻ với độc giả sự ngạc nhiên, lòng ngưỡng mộ và niềm tin của tôi đối với tác phẩm của con người nghệ sĩ tài tình là Phạm-Duy.

Tôi cũng cần phải nhấn mạnh thêm về điểm này, là mối cảm tình của tôi đối với Thái Thanh và Phạm Duy không hề làm suy giảm cảm tình đối với nhạc sĩ hay ca sĩ Việt Nam nào khác. Nghệ thuật của các nhạc sĩ và ca sĩ khác của Việt Nam cũng được tôi hiểu biết kỹ càng như trường hợp Thái Thanh và Phạm Duy, và nghệ thuật của các vị ấy đáng được đặt giá trị đúng mức : ai cũng có chân lý của mình. Nhưng không một ai có thể phủ nhận tầm quan trọng đặc biệt của Phạm Duy và Thái Thanh trên tiền trường nghệ thuật Việt Nam suốt ba mươi năm nay. Rõ ràng nghệ thuật của hai nghệ sĩ này đã vượt khỏi biên giới nước Việt Nam,

### Khuôn mặt người nghệ sĩ

Tôi biết đến tên Phạm Duy đã năm năm nay. Bởi vì, đối với tôi, Phạm Duy thoát tiên là một cái tên. Một cái tên thanh âm nghe lạ tai (đối với người Tây phương như tôi), một cái tên của huyền thoại, thứ huyền thoại xa xăm, như thể từ thuở hồng hoang truyền về. Một cái tên mà người ta nhắc đi nhắc lại với tôi một cách nhiệt thành, và đôi khi có thoáng một chút ái ngại, dường như tiếc cho tôi không biết được tất cả ý nghĩa của cái tên ấy, tất cả những châu báu đẹp đẽ ẩn tàng trong cái tên ấy. Nhưng chẳng bao lâu rồi tôi đã biết tất cả những cái đó. Bởi vì, sau đó, Phạm-Duy đối với tôi là những bài hát mà người ta hát và dịch cho tôi nghe và hiểu, là những đĩa hát và nhất là những cuộn băng mà người ta cho tôi nghe rồi cho mượn để ghi lại, là những bản nhạc mà tôi chụp lại để có thể đánh lên với chiếc dương cầm của tôi, là những loại ca mang tên Dân Ca, Trường Ca, Hành Khúc, Tình Ca, Tâm Ca, Nhi Đồng Ca và những bài khác mà tôi tìm biết, là những nhan đề, những lời ca và những âm điệu đã khắc sâu vào tâm trí tôi một cách rất nhanh và cũng rất sâu. Từ đó Phạm-Duy đã trở thành một người bạn thiết, một người anh dẫn bước tôi trên con đường gian nan và hứng thú của đời nghệ sĩ.

\* \* \*

Chúng ta hãy nghiêng nhìn xuống khuôn mặt của con người ấy trong khoảng ba mươi năm nay : nó sẽ cho ta hiểu được nhiều điều.

Một bức hình... Phạm-Duy năm

1948. — Bức hình in trên bìa tạp chí Văn Học số 102 xuất bản cách đây mấy tháng và hoàn toàn nói về Phạm-Duy — Khuôn mặt hơi kín nhiệm nhưng trước hết là trầm mặc của người nghệ sĩ mà cuộc sống và sự phong phú thực sự dồn cả vào bên trong. Khuôn mặt của một chàng còn thanh niên mà đã sáng tạo nên những tuyệt phẩm như Cô Hái Mơ, Khỗi Tình Trương Chi, Chinh Phụ Ca, Thu Chiến Trường, Thương Binh, Nương Chiều, Nhớ Người Ra Đi, Quê Nghèo, Về Miền Trung, và mấy bài khác. Tuy nhiên cái nhìn quả quyết có vẻ cho ta biết rằng cái đích hãy còn xa, còn rất xa mới đạt được, và rồi đây sẽ còn nhiều tác phẩm đẹp hơn, vĩ đại hơn, phong phú hơn và thâm trầm hơn nữa.

Hãy tiến xa thêm và dừng lại ở khuôn mặt Phạm-Duy do họa sĩ Lê-Trung vẽ vào năm 1957. Họa phẩm này — mang tên « Chân Dung Một Nghệ Sĩ » — là một bức vẽ vừa giống vừa biểu lộ được tinh thần của người mẫu, hiện vẫn do họa sĩ cất giữ, tuy nhiên ta có thể thưởng thức ấn bản trong cuốn « Nghệ-Thuật Việt-Nam Hiện-Đại » ra đời cách đây nhiều năm. Đây là một khuôn mặt của một người đã chín chắn. Đây là khuôn mặt đượm vẻ cao nhã và trang trọng của bài Chiều Vỹ Trên Sông, sáng tác một năm trước đó (1956). Nhưng đây cũng là một khuôn mặt đã đạt nhã, đã cởi mở và thoải mái, có thể nói là đã hé lộ một phần nào thứ tình cảm man mác và khoan hậu của Thương Tình Ca và Tìm Nhau, những nhạc phẩm ra đời vào độ ấy. Hãy nhìn kỹ hơn nữa các điểm nổi bật của gương mặt này: trán cao — vầng trán của

thiên tài! — những lọn tóc lòa xòa xuống trán, dấu hiệu duy nhất ở đây chứng tỏ một Phạm-Duy giang hồ; hai vành tai sinh ra để đón nhận mọi âm thanh và nhịp điệu của cuộc sống; đôi môi đầy nhục cảm của kẻ yêu đời. Tóm lại khuôn mặt ấy dung hòa cả sinh lực lẫn sự tinh tế. Đó là khuôn mặt của một người đã đạt tới đỉnh cao nhất của nghệ thuật mình, đó là khuôn mặt của một nghệ sĩ mà tác phẩm tiến triển cả về hai mặt phẩm lượng.

Mười năm nữa trôi qua và bây giờ chúng ta ở vào những năm sáu mươi. Lại một tấm hình khác... Tấm hình này được in ở mặt trong của ấn phẩm mới nhất của Phạm-Duy là tuyển tập Cho Nhau, Riêng Nhau Một Đời, nhưng người ta sẽ thấy hình đó ở ngoài bìa của một ấn phẩm khác sắp ra đời; Tình Ca Quê Hương. Đây là khuôn mặt của một người đã sống, đã hoàn tất nhiều tác phẩm: Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt-Nam, những bài Tâm Ca và nhiều nhạc phẩm khác vừa đẹp đẽ vừa thâm trầm. Nhưng đây cũng là khuôn mặt của một người mang nhiều dấu vết của tác phẩm của chính mình. Đó là khuôn mặt mệt mỏi và già trước tuổi — ở Việt-Nam, người ta già sớm, quá sớm! — Khuôn mặt phẳng phất bản khoăn; trên mặt, thời gian đã làm xuất hiện rõ ràng một nét buồn man mác và có lẽ thêm một chút mỉa mai. Khuôn mặt càng ngày càng đẹp thêm lên từ buổi thanh xuân cho đến ngày nay — cũng đẹp thêm dần như các tác phẩm — khuôn mặt mà người ta trông thấy phải yêu... Nhưng đây cũng lại là một khuôn mặt vẫn còn ẩn tàng nhiều sức mạnh, một sức mạnh rất

cần cho con người Việt-Nam Phạm-Duy, một thứ Phù-Đổng mới và đau khổ này, để khỏi gục ngã dưới gánh nặng của một Việt-Nam chắt chứa những đau khổ và xót xa, để khỏi gục ngã trước những cơn giông tố dồn dập xảy đến cho con người nghệ sĩ và con người nội tâm đó.

Một chi tiết cuối cùng nhưng quan trọng — chi tiết ấy, ngọn bút của Lê-Trung cũng như bức hình sau chót đều ghi nhận rõ ràng — là đôi mắt! Hãy xem xét từng con mắt một. Mắt bên trái dịu dàng, lý tưởng, trốn lánh thực tại và mắt hút vào giấc mơ nghệ thuật. Mắt bên phải, ngược lại, thì nồng nàn, độc đoán, và còn hơi rần rờ nữa. Đôi mắt ấy biểu lộ con người thâm kín của Phạm-Duy: vừa mong manh vừa mạnh mẽ, vừa cao khiết vừa soi mói, vừa mơ mộng vừa thực tế, vừa giàu tưởng tượng lại vừa quả quyết. Vừa là con người của suy tư vừa là con người của hành động. Tính cách lưỡng diện ấy ở nơi con người cũng phản ảnh vào tác phẩm, có lẽ đặc biệt nhất và điển hình nhất là ảnh hưởng vào tác phẩm thuộc loại Về Miền Trung hay Viễn Du, ở đây cứ một đoạn yên tĩnh và trầm lặng lại xen với một đoạn linh hoạt và hùng dũng. Tất cả những điều này là cốt để nhấn mạnh vào sự thu hút của cái nhìn Phạm-Duy. Đó là cái nhìn lôi cuốn và lưu giữ kẻ khác. Cũng như tác phẩm vậy.

\*  
\*

Cần phải tìm ra mối liên hệ, mối liên hệ chính xác giữa con người và tác phẩm, giữa cuộc đời và tác phẩm. Muốn thế, cần phải quên đi cái « huyền thoại

Phạm-Duy », hay hơn nữa, cần phải giải thích nó đúng đắn được chừng nào hay chừng ấy. Có nhiều nghệ sĩ mà các huyền thoại lưu truyền xung quanh tên tuổi họ trong những thế kỷ qua đã làm hại nhiều hơn là làm lợi cho họ: đây là trường hợp Phạm Duy kẻ đã đi vào huyền thoại ngay từ lúc sinh thời. Một phần lớn của huyền thoại về Phạm-Duy thì đúng — nó chứng tỏ trước hết sự phong phú của bản chất con người, sự phong phú của đời sống nội tâm — nhưng một phần khác, không kém quan trọng, của huyền thoại này, theo tôi, thì có vẻ vừa đáng ngờ vừa sai lạc: đây là sản phẩm của những trí óc ngây thơ hay cuồng nhiệt. Ta hãy thử phân biệt chân giả. Bảo rằng « Phạm-Duy là một người như mọi người khác » là không đúng, mà bảo rằng ông là một thứ người linh cảm lúc nào cũng thoát ra ngoài vòng thực tại hay lơ lửng giữa lưng trời đất cũng không đúng. Sự thực ở giữa hai quan điểm ấy. Có lúc ông là một người như mọi người khác, có những cử chỉ như phần đông đồng loại, không hơn không kém; lại có những lúc khác ông là người linh cảm, vâng, là con người bị một ám ảnh vượt lên khỏi chính mình, vượt lên khỏi những gì là nhân tính nơi mình, ông là con người biến thái, được giấc mơ nghệ thuật đẩy vượt lên tận những đỉnh cao, vâng, cao hơn cả Trường Sơn, đẩy lên tận những miền chỉ có các nghệ sĩ lớn biết đến, những miền gần với cõi trời hơn mặt đất, nơi đó bao nhiêu mâu thuẫn ở mặt đất này và của nhân loại này đều được giải quyết và hòa đồng trong một thứ mộng lung mà những người bản chất tầm thường như chúng ta không thể nào nhận ra, hiểu hết.

Lại có những lúc khác — và đây có lẽ là nhiều nhất — Phạm-Duy gồm cả hai con người một lượt: con người bình thường và con người nghệ sĩ linh cảm. Vì Phạm-Duy không thể đem ra mổ sẻ như một con vật trong phòng thí nghiệm. Phạm-Duy là một *toàn thể*, duy nhất và bất khả phân. Đó là một con người có nhiều bộ mặt, nhưng những bộ mặt ấy lồng vào nhau và làm ra một con người nhất trí và hợp lý. Qua các dị biệt giữa các tác phẩm và cuộc sống, vẫn có một liên tục. Chính con người Phạm-Duy của những năm 30 đã tạo thành con người Phạm-Duy những năm 40, chính Phạm-Duy của những năm 40 đã làm ra Phạm-Duy những năm 50, và cứ thế tiếp tục... Chính con người Phạm-Duy của hôm qua đã làm ra Phạm-Duy hôm nay và chính con người Phạm-Duy hôm nay đang làm ra con người Phạm-Duy của ngày mai. Như tôi đã viết ở đoạn trên, đó là con người do các tác phẩm tạo thành.

Công bình ra thì đáng lẽ phải tìm hiểu tác phẩm trước khi tìm hiểu cuộc đời tác giả. Nhưng tôi không quên rằng Phạm-Duy đang sống phây phây Chưa phải mọi sự đã nói xong, còn lâu.

Con người là một người quá độ. Và sự "quá độ" đầu tiên của chàng thanh niên trong những năm 40 là đã chọn nghệ thuật làm trung tâm cuộc sống của mình. — Tôi sẽ thiếu sót nếu không nêu ra đây vấn đề đối xử với nghệ sĩ nói chung trong xã hội Việt Nam. Trong một nước lẽ ra cần những

tâm hồn nghệ sĩ hơn là tâm hồn chiến sĩ, người ta tuy vẫn yêu mến và thán phục nghệ sĩ, nhưng mặt khác tại sao người ta lại coi họ gần như là những kẻ tẻ mạt những phần tử tiện dân trong xã hội? Ồ, tôi biết và tôi hiểu nguyên nhân mọi sự tình ấy, nhưng tất cả những cái đó không thể nào chấp nhận được ở năm 1970. Tại Việt Nam hay ở tại các nơi trên thế giới, người ta vẫn còn quá chậm chạp bởi vì chưa đặt đúng được địa vị của nghệ sĩ trong xã hội và bao lâu người nghệ sĩ chưa đứng vào đúng chỗ của mình thì các xã hội của chúng ta còn tiếp tục xâu xé nhau và tiếp tục đau yếu. Người ta đã dám trách rằng Phạm-Duy bây giờ không còn nghèo như trước nữa... Nhân danh cái chân lý thần thánh nào, nhân danh cái nguyên tắc nào, mà bắt buộc nghệ sĩ phải nghèo nàn, phải sống cơ cực??? Riêng tôi, mà con đường còn dài mới đi đến địa vị một nghệ sĩ thực sự, tôi dám xác nhận rằng vị trí của người nghệ sĩ trong các xã hội chúng ta đáng lẽ *phải* là một trong những vị trí cao nếu không phải là vị trí cao nhất. Nghệ sĩ là linh hồn, là sức mạnh của một xứ sở, là một đảm bảo cho sự liên tục và sự trường tồn của cuộc sống một nước qua thời gian. Sở dĩ cái tiếng Việt Nam có thể gọi nơi tôi một chút ý tưởng hòa bình và đẹp đẽ, nhân ái và từ thiện, sở dĩ trải qua nhiều tháng nhiều năm, tôi đã có thể yêu mến nước Việt Nam ít ra cũng như yêu mến chính nước tôi, sở dĩ như thế trước hết và trên hết là chính nhờ Phạm-Duy và một số nghệ sĩ Việt Nam khác. Tôi

có cần nói thêm chăng? — Vâng, tôi kính trọng và ngưỡng mộ Phạm Duy, con người phi thường, vào những năm 40, đã quyết định trung thành với chính mình, đã quyết định trung thành với định mệnh gian nan và độc đáo của mình.

Những sự quá độ sau này trong cuộc đời của Phạm Duy sẽ có tính cách khác hẳn, và một số đã bị lên án quá nghiêm khắc. Tôi không hề có ý phán xét về các hành động và cử chỉ của Phạm Duy trong đời, bởi vì muốn thế, trước hết phải phán xét một số xã hội mà nền đạo lý khát khe nghiêm túc chỉ là nguy hiểm: ở Việt Nam cũng như ở mọi nơi khác trên hoàn cầu, thường thường người ta hễ hả với tội lỗi của kẻ khác để đền bù lại sự thiệt thòi của mình không phạm được tội lỗi đó. Tôi cũng không hề có ý định bênh vực Phạm Duy để bênh vực luôn cả các...ông chồng Việt Nam bay bướm! Tuy nhiên có lẽ tôi thấy nên nói rằng không phải ông chồng Việt Nam hư nát nào cũng đều là Phạm Duy cả, và còn lâu những vụ lãng nhãng của họ mới đưa đến những nhạc phẩm như Ngày Đó Chúng Mình hay Kiếp Nào Có Yêu Nhau! Nhưng có điều này quan trọng hơn: là những ai lấy làm khó chịu hay bất bình vì cử chỉ hay hành vi của con người ấy, nhưng lại yêu thích các bản nhạc ấy, xin hãy hiểu rằng những hành động quá độ đã bắt nguồn từ những tình cảm quá độ, đã từng tạo ra những cái đẹp quá độ, cái xúc động tuyệt vời của bao nhiêu nhạc phẩm Phạm Duy. Đó không phải là mối liên hệ duy nhất của con người và tác phẩm, nhưng, theo tôi, đó là mối liên hệ quan trọng nhất. Đó là mối

liên hệ nhân quả. Những bản Trường Ca, Dân Ca, Tình Ca, Tâm Ca và bao nhiêu tác phẩm khác không thể được như thế — và còn không thể ra đời được — nếu con người sáng tạo ra chúng không phải là con người như thế, nồng nàn, nhiệt liệt, quá độ. Người tầm thường thì làm ra tác phẩm tầm thường. Người phi thường làm ra tác phẩm phi thường. Nếu tác giả Giọt Mưa Trên Lá là một kẻ tầm thường thì có lẽ người ta chỉ biết một Phạm duy Cận, mà cả Việt Nam và thế giới không bao giờ biết đến một *Phạm Duy*. Bởi vì tội cần phải nói rằng nếu tội không thể tưởng tượng nổi một Phạm Duy mà không có Việt Nam thì tôi cũng không thể nào tưởng tượng ra một Việt Nam mà không có Phạm Duy.

Cá tính mạnh mẽ của con người ấy, sự gắt gao, sự trung thành gan dạ đối với sứ mệnh của mình, với tình cảm của mình, với bổn phận của mình, chính giá trị của bản chất tâm hồn nhiệt thành và quá độ ấy — một lần nữa — đã đem đến cho chất thơ chất nhạc của Phạm Duy sự xúc động tuyệt vời, sức lôi cuốn, làn dư hương nhân ái thống thiết độc nhất và chưa hề có...

Chúng ta cần phải tha thứ rất nhiều cho Phạm Duy bởi vì con người ấy đã *cống hiến* rất nhiều. Hơn ai hết, nghệ thuật của Phạm Duy là một cống hiến của con tim. Và lại hành vi của người nghệ sĩ là thứ yếu, cái chúng ta cần lưu ý là tác phẩm, luôn luôn và mãi mãi là tác phẩm. Các hành động của nghệ sĩ trong cuộc đời trần thế, thuộc về họ, và chỉ là những hành động nhất thời. Chỉ có tác phẩm là vĩnh cửu.

(còn tiếp)

Montréal, Canada, 8-1970

G.E. GAUTHIER



## **Thất bại của một cuộc cách mạng**

Ở Đà-lạt, một trong những điều làm thích thú nhất là đi uống cà-phê. Thành phố lạnh quanh năm này có đủ các địa điểm và khung cảnh cho một ly cà-phê bốc khói lên thơm nhất, quyến rũ nhất. Buổi sáng, khi nắng vàng đã đầy không gian nhưng còn nhẹ dịu lắm, một ly cà-phê sữa đậm đặc trong Shanghai với người uống mệt mỏi nhưng thỏa mãn trong tình dục thâu đêm. Nếu tình yêu chưa rời khỏi khuôn mặt người yêu để hạ xuống thấp hơn, lãng mạn trong xanh còn nhiều, thì một ly cà-phê phin chảy từng giọt trong chiếc ly trong mỏng nơi một quán gỗ ba bề cửa kính không ngăn được nắng sớm lẫn màu hoa bên ngoài. Buổi trưa thao thức, một ly cà-phê đá trong Mékong, ngần ngơ nhìn qua làn kính ra đường tìm những hình nét đẹp nơi những người nữ, nơi này hay chẳng tìm gì cả, nhìn để nhìn mà thôi. Nếu hết tiền hay còn nhiều lãng mạn, đi quá vài chục bước ra sau khối nhà trước kia, bao năm về trước, là bến xe. Một cái quán tồi tàn với ba chiếc ghế dài bao quanh một cái quây, phong dáng của các quán nước bên đường quan lộ ngày xưa ngoài miền bắc nhưng lại mang một cái tên rất bây giờ là Domino. Nhưng dĩ

nhiên là cà - phê ngon, bao giờ cũng nóng bỏng và bao giờ cũng được pha chế đậm nhạt theo ý khách hàng. Một buổi trưa mưa bão lớn hơn mười năm trước, năm nhà không ngủ được và cũng không đọc được, tôi cùng một bạn thân đã mặc áo mưa ra đi, vượt bao con đường dốc nước chảy như thác. Nước lạnh buốt, người ướt sũng, vén chiếc bạt che lên, ngồi xuống ghế dài, đưa ly cà-phê đen lên cho nóng bỏng môi trong khi mưa vẫn xối xả tứ bề. Một ly cà-phê tuyệt vời.

Nhưng khi đêm xuống núi đồi, trời bắt đầu có sương mùa hay mưa nhỏ, cần phải có một ly cà-phê phin thật đặc sánh đẳng sau một khung cửa kính ngăn lạnh và trên một chiếc ghế êm. Đà-lạt cung cấp rất nhiều quán có đủ điều kiện như vậy, nhưng tôi vẫn ưa thích quán Tùng nhất. Dĩ nhiên là tại cà-phê nơi đây ngon, nhưng không phải chỉ vì thế. Có lẽ tại lý do cố cựu chẳng. Bao nhiêu năm về trước tôi đã đưa Thi vào quán Tùng, nhưng không phải nơi này, mà là một căn phòng nhỏ nằm trong một dãy nhà dài phía ngoài có hàng hiên cột đá phía sau nhìn xuống một thung lũng nhỏ. Dãy nhà này của người Pháp tạo dựng với

phong vị rất hấp đã bị phá hủy đến tận nền khi một chính quyền quyết định xây dựng một toà chợ mới nằm trong thung lũng phía sau. Hồi ấy Thi còn là một cô bé mới chợt biết mình là người nữ, tóc còn để cụp vào vai, mắt trong veo dưới những băng-đô cài tóc luôn luôn đổi màu.

Ly cà-phê đã pha xong, đã ném thử cân nhắc đúng tỷ lệ ngọt và đắng. Tôi nhắm nháp ngậm đầu tiên, châm một điếu thuốc lá nhẹ và nhìn Thi qua khói thuốc. Thời gian cũng đã qua đi trên nàng. Người con gái thơ ngây trong tà áo dài màu sắc thay đổi như màu hoa cánh bướm đã đi vào trong quá khứ xa xăm, để lại một người nữ trưởng thành về mọi phương diện, đậm đà như một trái cây chín tới. Hẳn thời gian cũng đã đi qua trên khuôn mặt tôi. Tôi ý thức điều ấy không cần phải soi gương lại hay đếm lại số tuổi, mà do nhìn các khuôn mặt bạn bè đồng lứa, nhất là những bạn cũ nhiều năm không gặp.

Tôi ngả người ra thành ghế phía sau. Hình ảnh vài người bạn cũ mới gặp lại trong quán Doanh Doanh trong thành nội cổ đô xuất hiện sau ngậm cà-phê thứ ba. Đêm đó tôi đã ngồi trên chiếc ghế mộc với một ly cà phê đặt trên mặt bàn cũng gỗ mộc, những chất gỗ lấy từ các vỏ thùng đạn. Chung quanh, ngoài vài khuôn mặt cũ nhưng đã già đi nhiều, còn vài chục người trẻ khác chưa từng quen biết. Tôi không hơn họ quá số mười năm là bao, nhưng trong có mười năm ấy, tôi đã trải qua một đoạn đường chiến binh — và có lẽ vì thế chẳng nên vào một lúc nào đó, những câu hỏi chất vấn đã cất lên với nội dung

gay gắt nhưng đầy thiện ý tìm cảm thông. Tôi trả lời dễ dàng và vui vẻ mọi điều cho tới khi một câu hỏi làm tôi sửng người: Tại sao chúng ta không làm được cách mạng ở miền Nam này?

Tại sao? Tôi cúi xuống nhìn ly cà-phê đang cầm trong tay. Tại sao? Làm sao tôi có thể trả lời trong khoảng khắc tất cả một dự phóng đời mới xã hội kéo dài đã trên bốn mươi năm hay lâu hơn nữa nếu chỉ coi Nguyễn Thái Học và khởi nghĩa Yên Bái như một mốc dấu mà thôi. Tại sao những người quốc gia lại không làm được cuộc cách mạng của mình trong khi những người cộng sản trên miền Bắc đã đi được một chặng khá dài — theo phương thức của họ. Tôi là cái gì, thành tích gì, tuổi tranh đấu lẫn tuổi đời chẳng là bao, làm sao tôi có thể cắt nghĩa được sự thất bại của một công trình lớn và dài đặc như thế. Tôi có đọc một cuốn sách của một người ngoại quốc mang nhan đề *The Lost Revolution*, cuộc cách mạng đã lỡ, cuộc cách mạng đã mất. Nhưng tự bao giờ và vì cơ gì? Tôi cũng ngỡ ngơ như một nhà văn ngoại quốc khác đã viết cuốn *Ông Đại Sứ*: ... làm sao dân tộc này không tìm được sinh lực để hoàn tất cuộc cách mạng đã khởi đầu từ mấy chục năm...

Nhưng rồi tôi cũng lên tiếng trả lời câu hỏi đó, bằng những nhận định riêng tư và chủ quang. Chúng ta không làm được cuộc cách mạng bởi vì chính yếu tại chúng ta không muốn làm... Thật là một câu trả lời đầy nghịch lý nhưng không hề vô lý. Các nguyên nhân căn bản của mọi tình tự

và hành động cách mạng là sự đói khổ và mất tự do. Hãy nói về đói khổ trong mười mấy năm gần đây. Thành phần thường được coi là lực lượng chủ chốt và tiền phong của cách mạng theo quan niệm của Mác Lê và của cả nhiều người không cộng sản nữa là thành phần lao động thành thị. Họ không hề đói. Hơn nữa, còn là giai cấp đang lên. Tôi đã từng ở nhiều trong các khu lao động và xét bề ngoài tôi có địa vị nhưng tôi đi xe gắn máy cũ, nhà không tủ lạnh và con cái thường sang coi nhờ Tivi bên các hàng xóm làm lao công sở ngoại kiều, lái xích lô hay những nghề tương tự. Lợi tức ngay thẳng của họ — nếu xoay xở thêm lại khác — thường là gấp ba lần lương của một công chức hạng A hay là bốn lần lương của một đại úy. Đại tướng của quân lực họa chẳng mới có lương cao bằng lợi tức của những người thường được gọi là vô sản ấy. Với tất cả kỹ thuật tuyên truyền tinh vi của mình, những người cộng sản cũng chẳng sao lôi kéo những người lao động thành thị Việt Nam đi làm cách mạng; nói gì tới người quốc gia... Ở miền Nam, trong các thành thị sung túc phần thịnh tràn ngập hóa phẩm tiêu thụ xa xỉ của Hoa-kỳ và Nhật, thành phần cùng đinh mới đã xuất hiện : đó là chính chúng ta, những kẻ trước kia thường được gọi là giai cấp trung lưu hay tiểu tư sản. Nếu bây giờ có loa bắc lên hô nhại lại khẩu hiệu xưa của đảng tổ sư cộng sản, «Hỡi những người vô cộng sản Việt Nam, hãy vùng lên đoàn kết lại !» thì chúng ta sẽ thấy tiến ra, từ Bến Hải đến Cà Mau

từ những đồn biên cương tới men bờ cát trắng, không phải những người lao động nữa, mà những người lính áo bạc màu gió sương, những công chức quần áo sờn rách lưng còng xuống mặt xanh mét vì thiếu ăn. Và đằng sau họ, là đông đảo dày đặc đám người nông dân đói khổ mắt ngơ ngác vì nhìn đồng lúa vườn cây tàn rụi dưới thuốc khai quang, vì nhìn họ hàng thân thuộc gục chết tan tành vì cả súng đạn giải phóng lẫn bom tự do.

Lời nói của tôi càng cất lên, không khí quanh bàn càng căng thẳng. Mọi điệu dáng của đêm cố đô, những cành lá rủ xuống mặt bàn mờ trơn tan biến đi đâu cả, không gian như có lửa nung nấu. Mặc, tôi sẽ nói hết những điều tôi đã nghĩ mặc dù rồi sau đó có bị ném đá nguyên rủa cũng cam. Tôi đã giơ tay chỉ ra những chiếc xe gắn máy Nhật đang đỗ hàng hàng lớp lớp, đã khoát tay chỉ những bao thuốc lá, những phin, những áo những quần của tất cả bạn bè đang ngồi chung quanh hỏi tiếp. Ngay chúng ta đây, những người trẻ tiền phong có nhiệm vụ mở đầu và hướng dẫn cho một cách mạng tương lai, liệu chúng ta có thực sự muốn làm cách mạng không một khi mới ngay trong giai đoạn đầu của cách mạng, chúng ta sẽ phải hạn chế tối đa xăng nhập cảng, vải vóc và nhiều xa xỉ khác, kể cả xe gắn máy, để tiết kiệm ngoại tệ mua máy móc, nông cụ cùng nhiều thứ cần thiết khác để tái thiết đất nước, xây dựng một quốc gia độc lập về kinh tế — điều kiện tối cần để có một nền tự chủ nơi phần đất ông cha đã để lại này. Chúng ta muốn làm

Cách mạng mà lại không muốn xếp xe gắn máy lại đi xe đạp, không muốn từ bỏ vải vóc cùng nhiều tiện nghi để ở khố, mặc áo vải dệt lấy, đi dép bình trị thiên... Chúng ta đánh lừa tâm mình mất rồi. Chúng ta đã không thắng được người cộng sản, và chúng ta đã thua cả người tư bản, cách mạng chỉ thế là một đốm lửa đỏ xa xôi trên ngọn núi cao và khuất nẻo như một địa đàng đã mất.

Tôi lơ đãng ngừng đầu lên nhìn hai người khách vừa đẩy cánh cửa kính bước vào, mang theo một chút hơi lạnh ẩm nước mưa. Quán đã đông người, tiếng rì rào chìm lẫn trong tiếng một bản nhạc buồn đang nói về chiến tranh và cái chết. Ly cà-phê của tôi đã cạn và cồ họng bắt đầu khô mong ước một làn nước bia lạnh buốt. Cồ họng tôi cũng đã khô cứng như thế trong đêm Thành Nội khi một người trẻ khác lên tiếng hỏi : Theo ý anh, nỗ lực của anh là thành công hay thất bại ?

Tôi thất bại chứ, thất bại hiển nhiên như các bạn đã thấy, tôi đã lên tiếng trả lời như thế. Tôi còn nói thêm rằng khi bắt đầu tranh đấu cùng bạn bè, tôi không có nhiều ảo tưởng cho lắm về việc mình làm. Sự thất bại có phần nào đã được tiên đoán trước. Nhưng tôi vẫn cứ làm, như nhiều người khác đã làm và sẽ còn làm. Mỗi người trong đời, đều có một thời kỳ muốn làm hiệp sĩ như người xưa, cật ngựa thanh gươm tang bồng hồ thi cứu khổn phò nguy. Đánh những đường gươm đẹp rồi lưỡi thép lạnh giá vào bao, lên ngựa mà đi về quê

cũ, cầm bút lên ngâm thơ vịnh nguyệt coi công danh trong cuộc đời qua như đám mây bay trên đầu núi.

Đó là một thái độ đại dột, không thực tế, mọi người đã phê phán như thế và tôi đồng ý. Nhưng làm sao được. Cách mạng, tự bản chất đã giống như một giấc mơ xa — cho đến khi thực hiện được. Người làm cách mạng phải là người lãng mạn đến cùng cực. Nếu không lãng mạn, làm sao có thể tin được mình sẽ đổi mới được xã-hội, xây dựng một tương lai huy hoàng cho dân tộc và nhân loại. Đi vào cách mạng, là một cuộc lữ hành đầy bất trắc, lộ trình nào cũng có thể dẫn đến chỗ tắc, trong khi thành công cứ như một đỉnh núi xanh mượt dưới mây trắng nơi xa. Nếu không là thế, làm sao có thể chịu nổi bao gian khổ tràn trề trên con đường dài dặc. Một Ngô đình-Diệm, một Nguyễn-tường-Tam khi lang thang nơi quê người, lắm lúc lo từng bát cơm manh áo ấm, không lãng mạn mà mơ đến một quốc gia mới huy hoàng, liệu họ có đi được tiếp nữa hay không. Một Võ-nguyên-Giáp khi ngồi trên đá với không quá mười người bạn võ trang vài khẩu súng săn vài thanh mã tấu trong rừng già Việt Bắc, nếu không lãng mạn mà mơ đến trăm vạn hùng binh cờ xí rợp trời, thì liệu đến giờ phút này chúng ta có đuổi được người Pháp đi hay không. Bởi thế, tôi rất thông cảm khi đọc trong một tuần báo Mỹ chụp hình một lãnh tụ ngoài bắc tay cầm một bông thược dược mà nói rằng : Chúng tôi là những người lãng mạn...

Cuộc cách-mạng của những người quốc-gia đã thất bại một phần lớn vì tại miền Nam, chúng ta thiếu những người lãnh mạn. Sau một Ngô-dình-Nhu mơ xây dựng một xã-hội cộng đồng, sau một Nguyễn-tường-Tam mơ tạo dựng một quốc-gia xã-hội như Thụy-điền nhưng giữ được truyền thống Đông-phương như Nhật bản, chúng ta đâu còn thấy những người lãnh tụ lãnh mạn nữa. Chúng ta chỉ có những tướng lãnh vô cùng thực tế, những chánh sách vô cùng khôn ngoan, ột khi ngồi nhìn mây bay vùn vù trong trời giông bão, cuồng ba ào ào ngoài đại dương mà mơ đến một xã-hội mới, một nền văn minh mới, một quốc gia Việt Nam kiêu hùng trong góc trời phía nam lục địa Á châu cổ cữu.

Trong đêm đã vào rất khuya trong bốn bức tường thành dài cò kính và đồ nát của một triều đại oai hùng của cố đô bằng một nhận định chủ quan của riêng tôi. Tôi nói rằng tôi đang chán nản nhưng tôi chưa hề tuyệt vọng. Gươm cùn của tôi đã tra vào vỏ, gậy cỏ đã mòn dưới gót trên đường về núi, nhưng nhìn tứ phía, tôi vẫn thấy những đường gươm khác loáng dưới trăng, những đường kiếm lẻ loi nhưng thật đẹp. Và khi ngồi nghỉ vì thắm mệt trên một mỏm đồi thấp, tôi đã thấy nhiều người khác hăm hở đi trên những con đường mòn chông gai tiến về đỉnh núi lúc nào cũng xanh muốt dưới nắng ở một nơi chân trời.

THẾ UYÊN

# ASPRO





trị:

## CÁM CÚM ĐAU NHỨC

Pub. Tân-Phí

KN 226.BYT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

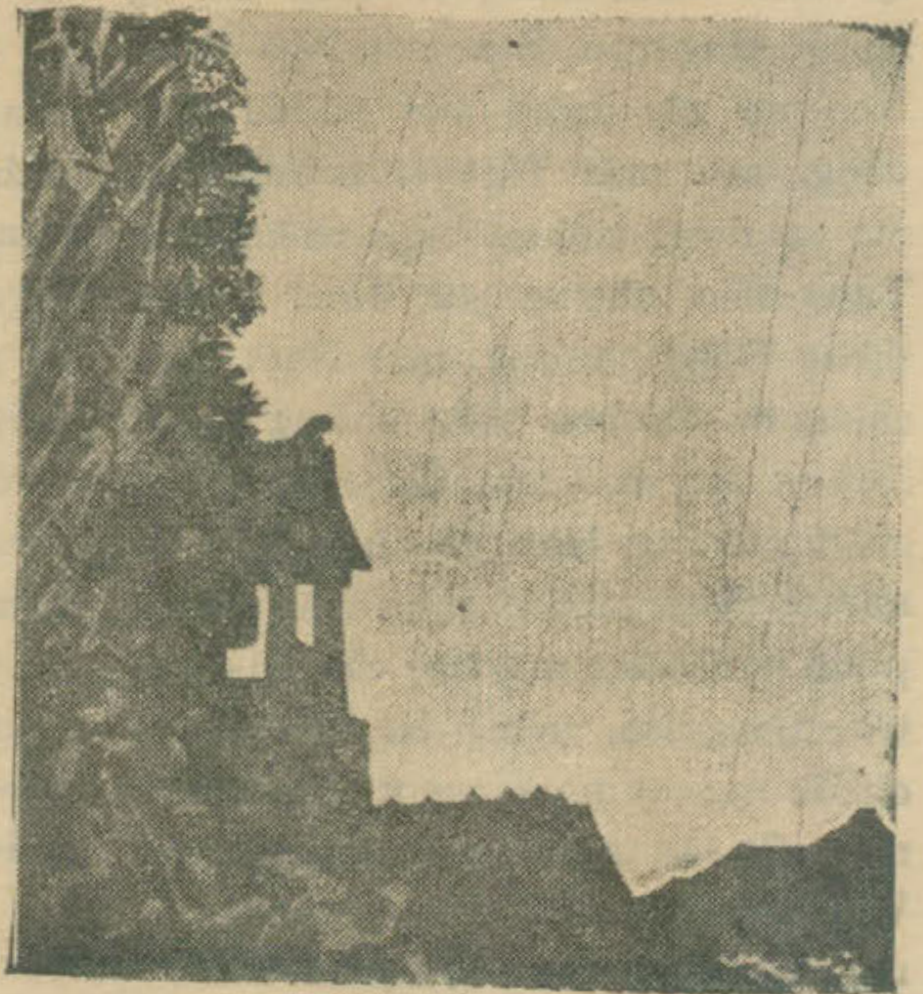
# THIÊN LUẬN

tác giả: SUZUKI

địch giả TRÚC THIÊN

nhà xuất bản :

AN TIÊM



Soạn tác phẩm «THIÊN LUẬN», Suzuki không nhằm riêng vào người học Phật, mà chung cho cả người Công giáo, người Hồi giáo v.v... hơn thế nữa, cho toàn giới trí thức, Đông cũng như Tây, triết gia cũng như nghệ sĩ, chánh khách cũng như khoa học gia. Đó là một trong số tác phẩm của thế kỉ XX gây chấn động sâu và bền nhất trong lòng người. Người ta đua nhau đọc «Thiền Luận» càng đọc càng đặng đầu với cái phi lí, và càng húc đầu vào cái phi lí càng đâm ngẩn ngơ — càng như đang đọc cuốn sách bên trong của chính mình.

Tác động phi thường ấy một phần do tác giả không phải chỉ là học giả, mà còn là hành giả.

Là học giả, Suzuki đặt Thiền vào hệ thống tư tưởng Phật giáo, và hệ thống Đại Thừa Giáo, và cả vào hệ thống tư tưởng chung của Trung hoa và của loài người.

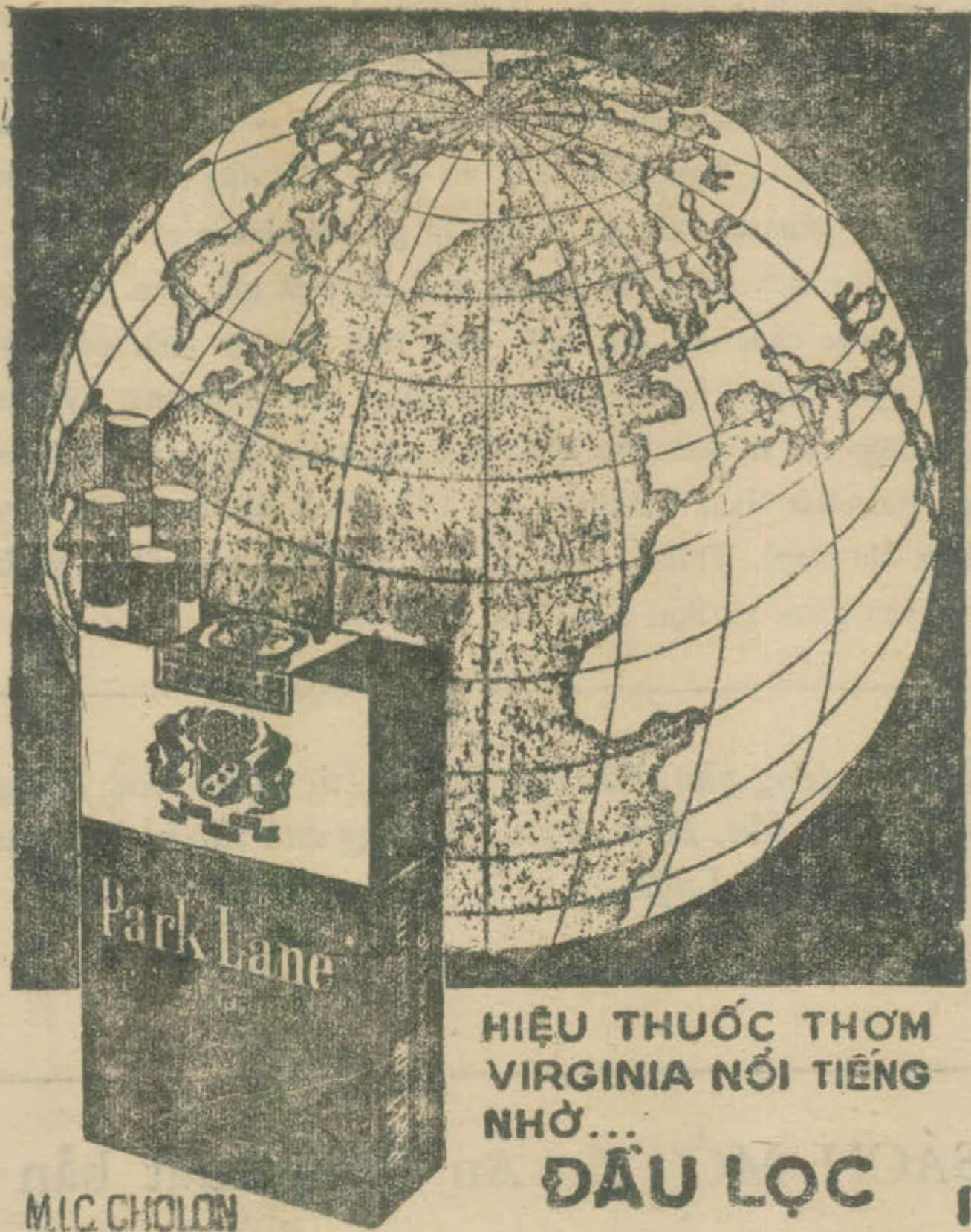
Là hành giả, Suzuki vượt lên tất cả hệ thống mà thể nghiệm biến cố chứng đạo của Đức Như Lai ở cõi bồ đề — biến cố thâu gọn trong thành ngữ «kiến tánh thành Phật». «Hành giải tương ứng», tác phẩm trình bày phần thuyết và phần hành quấn quít nhau như một khối thuần nhất. Thuyết thì

oàn là phần II, đi từ phủ-nhận-cái-phủ-nhận của giáo lý Bát Nhã đến «pháp bất nhị» của Pháp Bảo Đàn Kinh. Hành thì nhẹ như gió thổi, như mây bay, nhón nhơ, vô sự, không có vấn đề nào đặt ra, mà cũng không có cứu cánh nào đạt tới. Hầu hết những vấn đề lớn của Phật giáo — nghĩa là của tư tưởng, của nhân sinh — đều được nêu lên, và được giải đáp một cách thỏa đáng bằng ánh sáng riêng của tác giả, nghĩa là giải đáp bằng cách không giải đáp gì hết, có như thế, theo Phật giáo, mới thực là giải đáp. Những vấn đề lớn ấy là: thực chất của giác ngộ, nghi tình và đốn ngộ, cơ duyên phát huệ, ngôn ngữ Thiền, tri và hành, nội dung của tu chứng, kỹ thuật công án, thông điệp của Bồ Đề Đạt Ma, Thiền và pháp giới Hoa nghiêm, Thiền và không tông Bát Nhã, Thiền và văn hóa Đông phương (kể cả võ thuật, kiếm pháp, chưởng), Thiền trong văn hóa Tây phương, Thiền và hiện đại tư tưởng, tôn giáo, xã hội, văn nghệ, sanh hoạt v.v...

*Sách in công phu, đặc biệt có ảnh các vị tổ Huệ Năng, Lâm Tế, Bồ Đề Đạt Ma, Đức Sơn... những ảnh rất khó tìm này đều có in trong Thiền Luận.*

## SÁCH MỚI do An Tiêm xuất bản

- ★ **ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HAY LÀ VẤN MINH MIỆT VƯỜN**  
biên khảo của Sơn Nam
- **CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG** (in lần thứ tư)  
của Hermann Hesse
- **KHUNG TRỜI NHỎ HẸP**  
của W.S. Maugham
- ★ **TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG**  
của Tuệ Sỹ



M.I.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM  
VIRGINIA NỔI TIẾNG  
NHỜ...  
**ĐẬU LỘC**

## THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233 235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG  
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)  
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN



## Cụu Kim Sơn, cửa Châu-Á

Người đưa chúng tôi từ thị trấn Pleasant Hill (Đồi Vui) trên đường tới Cụu Kim Sơn là một người đàn bà độc thân ngoài năm mươi tuổi, bà Padelford. Bà rất vui vẻ hoạt bát. Bà ăn mặc rất bảnh bao, nước hoa đủ thơm son phấn đủ làm trắng thêm làn da trắng tuy không làm mất được những nét nhăn. Theo lời bà kể cho chúng tôi nghe trong bữa ăn tối qua bà có ba đứa con, hai trai một gái, tuy bà chưa hề lấy chồng lần nào cả. Ở Mỹ có khá nhiều đàn bà sống độc thân như vậy. Họ vẫn được người đời xưng tụng là cô. Đi nước Lào ăn mắm ngoé. Chúng tôi cũng phải theo tập tục đó. Thành ra điều mong ước của một số chúng tôi là được làm quen với một người đàn bà Mỹ chưa chồng đã đạt được ngay trong ngày thứ hai sau khi đặt chân lên lục địa Hoa Kỳ.

Chiếc xe Plymouth vẫn lao vun vút trên đường nhựa với tốc độ trên một trăm cây số giờ. Cô Padelford một tay cầm vô lăng một tay chìa kẹo cao su mời chúng tôi, miệng luôn luôn giảng giải, về phong tục tập quán người Mỹ mà chẳng cần biết chúng tôi nghe có hiểu hay không.

Con đường dẫn tới Cụu Kim Sơn thật rộng, được ngăn đôi bởi một luống cỏ ở giữa. Tôi chợt chú ý tới

một hàng chữ trắng kẻ rõ trên mặt đường tráng nhựa, một chữ XING rất lớn ngồi trên xe cũng đọc được khi còn cách xa hàng chục thước.

Thầy hỏi tôi :

— *XING* là cái gì, mày ?

Tôi lắc đầu. Phong lật vội cuốn tự điển Webster lúc nào cũng mang kè kè bên người lúi húi tra cứu nhưng cũng lắc đầu thất vọng :

— Tự điển không có chữ này.

Đành phải cầu cứu tới cuốn tự điển sống đang lái xe :

— Cô Padelford ! Chúng tôi vừa đọc thấy dưới đường một chữ XING nó là nghĩa gì. Cuốn tự điển này nhỏ quá không có chữ đó.

Cô Padelford cười duyên dáng, nhăn tất cả các vết nhăn :

— Tự điển lớn cũng không có vì *Xing* chỉ là lối viết tắt của chữ *Crossing* (qua đường). Trước khi các anh đọc thấy chữ *Xing* còn một chữ nữa ở quãng đường trên mà các anh vô tình chưa chú ý. Đó là chữ PED viết tắt chữ *Pedestrian* (bộ hành). Hai chữ đó nhắc cho người lái xe coi chừng chỗ này có người đi bộ băng qua,

Chúng tôi nhìn hai bên xa lộ. Vắng tanh không một bộ hành, đường sạch

trên không một gợn bụi, chỉ có xe hơi vun vút chạy nối đuôi nhau. Thùy nói :

— Người Mỹ đâu có thích đi bộ, suốt từ này đến giờ chúng tôi đâu có gặp người nào đi bộ đâu mà phải bày đặt *pedxing* ?

— Các anh nói đúng. Nhưng chỗ chúng ta vừa đi qua chắc có một trường tiểu học gần đó.

\* \* \*

Xa lộ đột nhiên mở rộng. Mười sáu chiếc xe hơi có thể đi song song trên cùng một chiều. Không phải người làm đường có tình nói rộng đường ra cho các cỗ đồ đùng nhau nhưng chính là để thu thuế cho mau chóng. Xe hơi cứ mười sáu chiếc một từ từ chui qua mười sáu vòm cửa tò vò có người ngồi thu tiền thuế đường mỗi chiếc nửa Mỹ kim. Qua cửa ải nộp tiền này kể như khách đã tới vùng ngoại ô Cựu Kim Sơn. Chúng tôi đã bắt đầu trông thấy cây cầu lừng danh Golden Gate hiện ở xa xa mờ mờ. Những người Á châu mới tới Mỹ lần đầu như chúng tôi vội vã xuống xe mang máy ảnh lắp phim màu chụp lia lịa những tấm hình kỷ niệm nào cũng phải có mình cười hớn hở, toét toét và bối cảnh phải là chiếc cầu từng nổi danh trên sách báo, phim ảnh hay những bích chương quảng cáo du lịch. Như sợ rằng sẽ không có dịp nào thấy lại cây cầu đó nữa.

Xe lại bắt đầu tiến về hướng nhiều ánh sáng. Cũng phải còn lối mười cây số nữa mới tới thành phố nên hai bên đường còn quang đãng nhiều hoa lá. Những cây dogwood (chúng tôi gọi đùa là hoa chó) trồng đầy hai lề đường

hoa nở trắng xóa phủ kín lùm cây thay cho lá, trông xa giống như những cây bàng phủ đầy tuyết trắng. Thấp hơn là những cây đỗ quyên (*azalea*) tím hồng cũng chi chít hoa, hoa lẩn át lá như bà vợ nặng ký lẩn át một ông chồng gầy còm yếu đuối. Hai thứ cây mùa xuân đặc biệt này đã tô điểm rất nhiều cho miền quê nước Mỹ, làm cho người lạ thấy mát dịu trong lòng trước khi vào những thành phố ngột ngạt gạch ngói xi măng và sắt thép.

Cô Padelford lại mở sách đóng thuế một lần nữa trước khi chiếc xe bắt đầu lăn bánh trên cầu Bay Bridge băng qua eo biển nối liền thị trấn Oakland và phía Bắc thành phố Cựu Kim Sơn. Cầu Bay Bridge kiến trúc theo lối hai tầng một tầng dành cho xe đi và một tầng dành cho xe về nên không phải tránh nhau nhưng cũng không thể trông thấy nhau khi «gặp nhau». Điểm này cũng khá bất tiện cho những bà theo dõi cầu để bắt ghen.

Đường trên cầu rất rộng đủ cho sáu chiếc xe chạy song song với một tốc độ hợp pháp 80 cây số giờ. Mỗi ngày có lối 12.000 xe cộ lưu thông trên chiếc cầu dài gần bảy cây số này. Nếu so sánh với những cầu thép thì Bay Bridge dài nhất thế giới. Nhưng kể cả cầu xi măng thì chiếc cầu dài nhất phải là cầu Pontchartrain 38 cây số thuộc tiểu bang New Orleans.

Cô Padelford chỉ tay sang phía trái :

— Các anh có để ý đến chiếc tàu lớn đậu phía xa kia không ?

— Có.

— Đó là hàng không mẫu hạm

America đã từng công tác ở vịnh Bắc Việt, bây giờ được về đây nghỉ ngơi.

Phần tôi, tôi còn mãi nhìn bên phía tay mặt. Xa xa nhấp nhô một hòn đảo có nhà cửa, tường xám như một lâu đài. Đó là đảo Alcatraz, một thứ Côn Đảo của Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ.

Suốt thời gian từ 1934 đến 1963, đảo Alcatraz là nơi lưu đày tù nhân trọng tội của Mỹ quốc như Kelly Trung Liên, chuyên viên bắt cóc Arthur Doc Barber, Baby Face Nelson, tướng cướp Al Capone. Ông tướng cướp nổi danh đã nhiều lần được quay thành phim này sau khi được phóng thích khỏi đảo về quê thì chết rất anh hùng bởi vì trùng bệnh giang mai.

So với Côn Đảo, Alcatraz nhất định phải hơn. Nhà cửa cao ráo hơn, tù nhân đỡ buồn hơn vì ngày đêm có thể ngắm nhà chọc trời rộn ràng đèn xanh đèn đỏ trên thành phố Cựu Kim Sơn cách đó không xa.

Suốt hai mươi chín năm dùng làm nơi nhốt tù nhân, Alcatraz chỉ xảy ra có một vụ nổi loạn làm năm người thiệt mạng. Chưa bao giờ có một tù nhân vượt ngục trốn được khỏi đảo tuy rất gần đất liền. Chẳng biết công tác giữ an ninh của Mỹ giỏi hơn hay tài vượt ngục của tù nhân Mỹ quá xoàng. Sự hơn kém của hai dân tộc Mỹ Việt về điểm này chưa minh định được vì còn thiếu tài liệu thống kê.

Từ khi giải tán trại tù, Alcatraz trở nên buồn tẻ. Chỉ còn gia đình người gác đảo ở lại mà thôi. Đường điện thoại nối với đất liền hư cũng chẳng ai buồn sửa, nhà cửa đổ nát không ai thêm

xây lại, yết thị bán chẳng ai thèm mua. Hòn đảo bị bỏ lay lắt như cảnh một bà vợ già tàng tật có ông chồng bay bướm hào hoa.

Đột nhiên đầu tháng mười một 1969 mười bốn người Mỹ Da Đỏ tới chiếm đảo đòi quyền tự trị. Họ nói rằng chính phủ Mỹ không xài tới đảo nữa thì trả lại họ vì họ mới là những người Mỹ chính cống. Ít ngày sau hơn một trăm người Da đỏ nữa di cư tới đảo. Chính phủ Mỹ điên đầu và vì ngoài vấn đề Mỹ đen nay lại thêm một vấn đề mới về chủng tộc.

Còn dân Mỹ thì rất thờ ơ trước vấn đề này. Họ thấy vui vui. Tặng phẩm được gửi tới đảo tràn ngập. Phóng viên nườm nượp kéo tới đảo quay phim chụp ảnh. Như là họ đã quay phim chụp ảnh những nam thanh nữ tú lột quần áo tắm trường trước tượng vĩ nhân Lincoln ngay chỗ đông người tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn vậy.

\* \* \*

Qua hết cầu Bay Bridge chúng tôi bắt đầu vào phía bắc thành phố, phần đẹp của Cựu Kim Sơn. Nếu tới Cựu Kim Sơn từ hướng Nam qua các quận Dala, San Bruno, Millbrae chẳng hạn, chúng ta sẽ gặp những cảnh trí, phố xá buồn tẻ; nhà cửa thấp bé. Phía Bắc thì trái hẳn. Người mới tới Mỹ có thể choáng váng trước những kiến trúc đồ sộ tiêu biểu cho nước Mỹ tại khu vực này.

Chúng tôi đi bộ trên con đường lớn nhất của thành phố: Market street (phố chợ) ngắm nghía, những tiệm buôn sạch sẽ khang trang. Vòng vào

qua một vài phố ngang tới khu Trung Hoa mà ở đây người ta gọi là China town. Khu này khá rộng phần lớn dân cư đều là người Tàu có Mỹ tịch. Đây một thứ Chợ lớn của Cựu Kim Sơn. Nhưng tiệm bán thực phẩm tại khu Trung Hoa tượng trưng cho dân tộc tính của người Tàu dù rằng họ tha phương cầu thực trên đất Mỹ từ nhiều đời. Các món rau tươi, rau khô, măng, nấm Đông cô, mộc nhĩ cho tới tương, mắm, ớt, mút sen, mút bí, cây kiếng như thủy tiên, thược dược, cúc đều có mua ở khu vực này. Một vài đứa trẻ chạy lăng xăng đốt pháo ném ra đường nổ tẹt tẹt. Chúng tôi sức nhớ hiện giờ theo âm lịch đang là những ngày giáp Tết.

Rời khu Trung Hoa chúng tôi sang những đường kẻ cạp sạch sẽ hơn. Hai bên lề đường nhà cửa cao ráo và kiến trúc tân kỳ như những hộp diêm. Cao ốc Well Fargo với bốn mươi hai tầng lầu ngự trị trên miền Bắc Cựu Kim Sơn có lẽ là căn nhà cao nhất thành phố.

Hệ thống đường xá cầu cống Cựu Kim Sơn là một hệ thống pha trộn cũ và mới, dung hòa lối xây cất trên đất bằng và đồi núi nên trông lạ lùng đẹp mắt thay đổi luôn luôn không nhàm chán. Đường Broadway lên xuống gập ghềnh khiến những người chưa quen chắc cũng ngập ngừng không dám lên bằng xe hơi. Đường Lombard có cái biệt danh là con đường ngoằn ngoèo nhất thế giới cũng không ngoa. Đầu đường nằm từ trên một khoảng đất cao nhìn xuống như một con trăn dài, khổng lồ, khúc cong, khúc gập, khúc uốn chữ chi xa tấp và dài hàng cây số với những đoàn xe hơi

từ từ lượn theo những khúc quanh trông tưởng như ghê rợn đó.

Tương phản với những con đường cổ kính ấy là các hệ thống cầu cạn hai ba bốn năm tầng để giải quyết nạn kẹt xe ở các ngã tư, ngã năm, ngã sáu. Đứng trên cao nhìn xuống những giao điểm cầu cạn với từng dãy xe hơi muôn màu sắc leo lên rồi lại téo xuống tứ phía thật là một cảnh linh động và ngoạn mục.

Bên cạnh những xe hơi bóng loáng tới tận Cựu Kim Sơn bây giờ vẫn còn giữ đủ ba kiểu xe công cộng từ những ngày xa xưa. Những xe cable car cũ kỹ giống như loại xe điện sử dụng ở Sài-Gòn cách đây vài chục năm vẫn tự do lưu thông trên đường Powell. Xe chạy trên đường có 3 rầy nhất định chỉ khác là điện được truyền tới động cơ xe là điện ngầm dưới đất. Hai loại xe khác là trolley-bus và street-car được lưu thông ngay trên phố lớn nhất của thành phố: Market street. Cả hai loại xe đều có cần điện gắn cao trên đầu xe, để lấy điện lực từ những dây điện trần không trung. Street-car chạy trên đường rầy nhất định nhưng trolley-bus là loại xe điện tự do không có đường rầy nên tránh phải, tránh trái như một con cá giữa dòng tùy theo tài năng người tài xế miễn sao cần hút điện đừng trượt khỏi dây như một chiếc xe máy tụt xích. Trông những xe trolley-bus lăng xăng tưởng tự xe buýt vàng đường Trương minh Giảng bóp chuông kính-coong tránh nhau với street-car tương tự xe điện Kim Liên, Yên Phụ của Hà Nội tiền chiến lẫn đất với xe Chevrolet, Plymouth trên đại lộ

Market street giữa trung tâm Cựu Kim Sơn là một cảnh thật tức cười.

\* \* \*

Trở về tới chỗ gửi xe cô Padelford hỏi:

— Các anh xem phố như thế tạm đủ chưa? Bây giờ tôi đưa các anh lên thiên đường nhé?

Chúng tôi chưa hiểu ý cô Mỹ già này định nói gì thì cô đã mỉm cười giải thích:

— Cựu Kim Sơn là một thành phố xây trên những sườn đồi trùng điệp. Các anh đang ở trung tâm thành phố tức là ở một trong những thung lũng nhỏ. Tôi muốn đưa các anh lên cao hơn.

Tất cả bọn chúng tôi gật đầu đồng ý. Xe rời khu trung ương lượn vòng vào rồi lên tới đỉnh đồi Telegraph Hill. Đứng trên ngọn đồi nhìn xuống thành phố xung quanh nhà cửa san sát nhộn nhịp khá rõ ràng, Tuy vậy người Mỹ vẫn thấy rằng chưa đủ. Một đài quan sát nho nhỏ với những ống viễn kính quay cả bốn hướng được thiết trí cho du khách sử dụng để quan sát phong cảnh dưới chân sau khi bỏ vào máy vài cái. Vui vẻ hết cả. Nhà thầu khai thác thu được tiền, du khách được xem.

Tôi chỉ tay về phía chân đồi hướng Nam:

— Cái tháp cao kia là tháp gì?

Người đàn bà Mỹ trả lời:

— Tháp Coit Tower

Một anh bạn vốn giỏi tiếng Pháp hơn Anh ngữ lăm bắm bằng tiếng Việt:

— Tháp gì mà lại tên là Coit. Hỏi có xem nghĩa lý làm sao?

Tôi chưa kịp trả lời thì Thông đã gạt đi:

— Thôi hơi đầu mà tìm hiểu lịch sử thành phố mất thì giờ. Đói bụng rồi. Để cho dễ nhớ thì tạm gọi là Tháp Giao Hoan.

Thái hỏi cô Padelford:

Đồi Telegraph Hill có phải là đồi cao nhất chưa?

— Không! Ở đây có cả hai chục đồi: đồi Nga, đồi Nob, đồi Kim Cương, đồi Rừng v.v... nhưng đồi này được coi là đẹp nhất. Còn nếu các bạn muốn lên đỉnh Cựu Kim Sơn thì xin lại lên xe. Tôi đưa các anh lên Twin Peaks trước khi xuống núi về ăn cơm Tàu.

Không ai phản đối đoạn cuối mỹ miều của chương trình sáng hôm đó.

\* \* \*

Twin Peaks là đỉnh hai ngọn đồi nằm kề cận nhau ở cao điểm phía tây khu trung ương có đường cho xe lên từ hướng Bắc rồi trở xuống bằng hướng Nam, con đường mang tên là đại lộ Đỉnh Đồi. Địa điểm này không có nhiều kiến trúc nhân tạo nhưng ở một nơi cao nhất và giữ gìn nguyên vẹn vẻ thiên nhiên hùng vĩ của nó.

Đã lên tới đây ít ai bỏ qua dịp tốt là chụp một tấm hình mình đứng cao chót vót với bối cảnh là cả một thành phố như đang bị chế ngự dưới chân. Chúng tôi cũng thay phiên nhau làm công việc đó mất gần hai mươi phút mặc dầu đồng hồ đã chỉ hơn mười hai giờ rồi và bụng ai nấy đều xôn xao, nao nức khi nghĩ tới những món xào nấu thơm phức của bữa ăn Tàu đầu tiên trên đất Mỹ sau mấy ngày gắng gượng làm quen với hamburger, hot dog, catsup của Hoa Kỳ.

(còn tiếp 1 kỳ)

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN



**Nhức đầu**

*• Nặng*

**Budon**

**TRI:**

Nhức răng, nhức môi đầu  
lưng, đau nhức lúc có  
Kính Kỳ

KH số 1211/877/200A

## GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	<b>3800đ</b>
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	<b>2000đ</b>
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	<b>2800đ</b>
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	<b>1400đ</b>
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	<b>700đ</b>

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phung Saigon. Đ.T. 25.539.

# CHUYẾN XE

Chiếc xe đồ hiệu Vạn Phúc khởi hành ở bến Đà-nẵng một cách hối hả để kịp giờ về đến Huế, nhưng lúc sắp qua cầu Nam-Ô bị trục trặc máy, chiếc xe giật giật lên mấy cái rồi tắt hẳn. Còn trốn, anh tài lái cho xe cặp sát lề, xuống dỡ nắp đầu máy lên xem xét. Cầu còn đề bảng đỏ. Hành khách trên xe có vẻ nôn nóng, vì chuyến xe đã khởi hành chậm nửa giờ. Người ta mong đến Huế đừng chiều quá, còn đón xe ra các vùng ngoại ô. Mỗi người, bằng một lối riêng, bày tỏ sự khó chịu phải đi nhằm chiếc xe mắc dịch. Những người nóng nảy than phiền nặng lời, một vài người điềm tĩnh hơn, gác khuỷu tay lên thành cửa ngó lơ ra ngoài, phe phẩy tờ báo xu đuổi hơi nóng hầm hập trong xe.

— Tiền thì lên cho đủ mà xe cộ đề hư lên hỏng xuống ưả đó.

Một người đàn bà có mang, búi tóc cao, mặc chiếc áo dài màu tím nhạt đã cũ, hở những chiếc cúc áo ở bên hông, lên tiếng phàn nàn. Nét mặt cau có chanh chua, có lẽ chị là một bạn hàng. Bữa trước mới hai trăm rưỡi, chị ta quay sang nói với bà cụ ngồi kế bên, nghe rục rịch xăng lên giá, tăng liền hai trăm bảy. Bà cụ trả lời không mấy hăng hái, cho rằng như vậy kẻ cũng hợp lý:

— Xăng đang từ mười hai ồngđ,

tăng lên hai mươi hai ồngđ, cũng phải đề cho họ kiếm sống với chứ làm răng bây chừ.

Chị bạn hàng cụt hứag, chỉ còn biết quay đi thở dài. Ông cụ già ngồi bên chị cũng thở dài, nhưng không ai biết ông cụ thở dài vì có gì.

Anh tài xế khom người, sờ mó bộ máy đủ chỗ. Nắng tháng năm đỏ lửa Mồ hôi trán anh nhỏ giọt xuống trên mấy ống sắt nóng kêu xèo xèo, anh dùng tay áo quệt lấy quệt để. Gã lính Mỹ gác cầu đi tới đi lui, miệng nhai kẹo cao su nhóp nhép, đưa mắt lơ đãng nhìn anh tài làm việc, quay tròn khúc gỗ ngấu bằng ngón tay trở, xỏ trong một vòng dây, thân hình lắc lư. Bảng trắng đã hiện ra bên kia đầu cầu, anh tài xế vẫn còn loay hoay.

— Bảng trắng rồi kia, bác tài ơi. Hành khách thúc giục đồng loạt. Có giọng cao the thé của một bà cụ người Bắc, ngồi sau lưng tôi. Những chiếc xe đậu phía sau tuần tự vượt lên, qua cầu.

— Xe với cộ gì thiệt chán. Chị bạn hàng áo tím lại phàn nàn. Điều này tôi chưa về tới Huế, làm răng đón xe ra Hải-Lăng. Một vài người không chịu được hơi nóng hầm trong xe, mở cửa ra ngoài cho mát, nhân tiện tìm một chỗ vắng đi tiểu. Kẻ ra đi nhằm một chiếc xe bị hỏng máy thế

này cũng nản. Đoàn xe đậu nối đuôi phía sau đã qua cầu hết. Chiếc bảng đỏ được đề ra, đám hành khách lại xi xào tỏ dấu chán nản. Anh tài xế mặt đỏ bừng, chửi thề lăm bằm. Tôi xuống xe đến đứng bên anh. Anh ngàng lên nhìn thấy nét mặt tôi dễ chịu.

— Chiếc xe bỗng nhiên dở chứng rứa đó Thiếu úy. Anh phân trần. Thật là đồ quý sứ. Máy chuyển trước mô có rứa, xe tui chạy ngon lành lắm, «đề» cái là nồ liền, chạy một mạch chớ mô có như bữa ni.

Tôi vỗ vai anh đề thay lời nói: «cứ thong thả mà sửa, thà chậm một chút mà ăn chắc, khỏi cà rịch cà tang», và tôi cười với anh ra vẻ thông cảm.

Tôi đứng dịch ra phía bờ cỏ đốt thuốc, ngắm bãi biển Nam Ô nước xanh ngắt. Sóng ngàu bọt trắng xóa, từng đợt cao tiếp nối lùa vào bờ, đồ xuống ì ằm không ngớt. Màu xanh của mặt biển mênh mông trải rộng như làm cho những cơn gió lào thảng năm thổi hơi núi đá nung về giảm bớt sức nóng. Tôi thở từng hơi dài. Biển bao giờ cũng lôi cuốn tôi, như mùi rượu đối với bọm nhậu, như magnet trước sức hút nam châm.

Ôi biển! Sự bao dung dịu dàng bao nhiêu, vỗ về bấy nhiêu, nhưng cũng tàn bạo dường nào. Dù lúc nằng niu trong êm ái, khi vùi dập cho tan thây, ta vẫn muôn đời yêu dấu biển. Những con sóng bạc đầu nhô cao lên; thoát ra khỏi một chân trời mờ phẳng, nơi những cánh buồm ngà bành bỗng im lặng. Bãi cát vàng ngà mịn màng

không dấu vết. Những con chim màu xám tro chân cao nháy nhót, tung bay trên bọt sóng trắng ngằn. Một mặt bề phẳng lặng. Một mặt bề ngàu sóng. Một bãi bề không bóng người. Tôi dứt bỏ mọi ràng buộc lạc bước đến bờ bề hoang vu, nằm ngủ trên cát dưới một đêm sao vắng vặc, trong tiếng ru của sóng réo thiên thu, Rồi một bình minh lên rực rỡ. Mặt trời tròn đỏ như một chiếc mâm thau nung, rải ánh vàng cam lấp lánh trên muôn trùng con sóng lười búa.

— Bà con cô bác, lên xe đùm đi, chạy. Anh tài xế mời hành khách, vừa lau tay vào một miếng giẻ đen. Chiếc xe báo đời quá, bà con cảm phiền. Chớ tui làm ăn, muốn đi đến nơi về đến chốn, mô có muốn làm chậm chạp cô bác làm chi.

Hành khách lên xe. Vừa rồi hội đã xuống gần hết, chỉ còn một người đàn bà khoảng ba mươi tuổi, mặc áo bà ba nylon màu dưa cải, còn ở lại trên xe. Chị ngồi im lặng, bế một đứa bé còn đỏ đang ngủ thiếp. Chị lắng nghe những mẩu đối thoại nhưng đôi mắt luôn luôn nhìn thẳng không bộc lộ, trông chị như tách rời ra khỏi đám hành khách huyên náo và chìm vào một thế giới riêng tư.

Tôi lên ngồi ở băng tài xế, bên cạnh cô gái khoảng mười lăm mười sáu tuổi, ý chừng là nữ sinh. Xe đã nồ máy đều nhưng còn đợi bảng trắng. Tôi mời anh tài điều thuốc. Tôi không nôn nao. Được bốn mươi tám tiếng phép vào Đà-Nẵng thăm người: anh bị pháo kích gãy một chân, bây giờ



trở về, quí hồ đến nơi yên ổn thì thôi.

Người anh tôi là giáo viên, bị gọi nhập ngũ khoá sĩ quan Thủ Đức cùng với tôi. Khi mãn khóa, anh được về làm ở trại X..., một đơn vị hậu phương. Anh đã có vợ năm con, sinh năm một.

Tôi vào nhà thương thấy ba chị dâu ốm xanh, mắt thâm quầng, ôm đứa con mới sinh hai tháng, đã ngồi suốt mấy đêm ngày liền bên giường, sau khi anh được giải phẫu. "Còn đủ chân thì còn làm việc, tôi nghĩ, cụt chân chắc chắn anh được giải ngũ. Không biết rồi đây anh làm gì để nuôi con?" Tôi chia cho chị phân nửa số lương mới lãnh. Chị bảo "chú để dành mà tiêu". Tôi im lặng. Không chia cho chị, tôi đi ngủ đò sông Hương vài đêm cũng hết. Nghe chị kể lẽ, tôi không biết phải an ủi chị thế nào. Nói đến số mệnh ư? Tôi không thích phỉnh phờ người khác và đôi khi tự tìm kiếm niềm an ủi cho một mình cách khốn khổ như vậy. Số mệnh gì mà cay nghiệt, độc ác cho cả một dân tộc như vậy?... Tôi về nhà, mấy đứa cháu mặt mũi, áo quần nhớp nhúa đeo lấy kêu "chú, chú" Vắng mặt mẹ, chúng bày biện căn nhà thành một kho chứa đồ cũ. Đứa con gái đầu mới năm tuổi cũng nhem nhuốc không kém gì thằng bé lên hai. Thấy tôi đến, nó lấy khăn lau mặt rồi lau cho các em.

— Mấy hôm nay cháu cho các em ăn gì? Tôi hỏi nó.

— Dạ, ăn đủ thứ. Nó bẽn lẽn trả lời. Buổi sáng, trước khi vào nhà

thương, tiện thứ gì mẹ chúng mua thứ ấy để lại, dặn con bé đầu cho các em ăn cả ngày, đến chiều tối chị mới về. Tôi mua cho chúng ít quà, dặt ra đầu hẻm cho ăn bún bò. Thấy chúng nhảy lên mừng rỡ mà tôi ứa nước mắt. Trong khi chờ đợi đến phiên, đứa này nhìn đứa kia ăn, miệng há ra, mắt chau háu, nuốt nước miếng. Tôi đút cho thằng bé nhỏ nhất.

— Cháu ăn hai tô. Con bé lớn nói.

— Cháu ăn ba tô. Mấy đứa còn lại nhao nhao lên đòi.

— Xí! tụi bây còn nhỏ, ăn ít. Con bé chị mắng át lủ em. Tao lớn, chú cho tao ăn nhiều. Chú nghe, nó ngược mắt van lơn nhìn tôi.

— Chú cho ăn tha hồ. Tôi nói. Ăn bẻ bụng ra thì thôi.

— Sướng, sướng. Chúng reo lên. Chú cho tụi mình ăn đã đời. Bà hàng bún nhìn tôi rồi nhìn lủ cháu, cười:

— Con ai mà đông rứa cậu. Tôi cười với bà để thay câu trả lời. Tôi nhìn lủ cháu ăn sì sụp, nói chuyện, cãi vã. Chúng còn ngây thơ, chưa biết cái mùi đao khổ mà những bậc cha mẹ chúng đã nếm. Đói thì khóc đòi ăn, được ăn thì mừng rỡ sung sướng. Chúng chưa biết được thế nào là sự khổ tâm, chỉ vì miếng ăn mà người ta phải cam chịu trăm điều nhục nhã cay đắng. Cha mẹ chúng là những người hiền lành, rồi đây sẽ khó khăn để bon chen kiếm sống trong một xã hội miệng mò tay giật. Nhất là chị Ph. Hiền lành quá, đến gần như nhút nhát. Ngoài tấm lòng vêu chồng, thương con

và chăm lo công việc gia đình, hầu như chị không còn làm được việc gì khác nữa. Dạo trước, đang còn đi học, mười bảy tuổi cha mẹ bắt đi lấy chồng. Lúc mới về nhà tôi, trông chị ngờ nghệch mà tội nghiệp. Dáng người chị đã nhỏ nhắn, lại sinh năm một, ăn uống thiếu thốn, bây giờ trông chị xanh mét và gầy đi hẳn. Phần anh, khi có lệnh cho giáo chức biệt phái, chị có nhắc anh làm đơn xin, nhưng anh không chịu. «Đời sống dân sự dầu sao cũng dễ thở cho mình hơn. Chị nói. Anh có thì giờ gần gũi các con mà dạy dỗ chúng nó. Nhà binh đi đi về về, nay trực mai gác, chẳng mấy ở nhà nhìn cho rõ mặt vợ mặt con» — «Xin về bây giờ, anh trả lời uể oải, để gì có trường ở thành phố như chỗ làm hiện tại. Nếu chẳng may về nhận cái trường làng, thì thật chẳng khác nào đi vào đất Thục».

Anh nhớ lại dạo mới nhận việc ở trường X... Một ngôi trường nhà dột, một xiên, đầy tường dấu bom dẫn đạn. Ngày thì khẩu hiệu bên này, tối khẩu hiệu bên kia. Chống Mỹ cứu nước.. Đả đảo Cộng sản... Học trò thì một lũ mặt xanh nanh vàng, quần áo mặc vá chằng vá đụp. Lớp học ba chục đứa, nghỉ hết mười lăm. «Thưa thầy cho em nghỉ ở nhà chăn bò», «tưới rẫy», «cắt lúa». Thỉnh thoảng lại nghe, «thầy ơi thằng A, thằng B... nấu đi du kích rồi, lên núi rồi». Giờ Công dân đang dạy, có người vào đi súng xin cho dạy thế, «các em phải nghe theo Bác và Đảng»... Cột cờ ngoài sân đã có ai kéo dây thay vào đó lá cờ khác rồi. Buổi chiều mới bốn giờ, đã ba chân bốn cẳng lên quận ngủ. «Thôi hãy nán lại

ít lâu xem sao đã Anh nói. Thời bây giờ là cái thời của lính tráng mà. Áo kaki mạnh em à. Anh cười, miệng méo xẹo. Còn công việc nhà binh thì chỗ nào cũng vậy, ăn cơm chúa phải múa tối ngày. Được làm ở chỗ yên, lành này, kè cũng đã may rồi. Người ta đi đánh giặc chết lên chết xuống thì sao». Chị Ph. xót xa nhìn chồng thấy anh không nói ra cái ý nghĩ trung thực mà anh cố giấu không nghĩ tới. Anh làm trưởng ban Quân tiếp vụ trong đơn vị, nhờ đó, mỗi tháng anh kiếm thêm được ít sữa, đường, đồ hộp để cung ứng cho nhu cầu thực phẩm gia đình mà với số lương cò đói của anh — dầu là lương sai biệt — không làm sao đủ chi tiêu. Thấy vợ sinh mà phải ăn uống thiếu thốn, không có chút gì gọi là tầm bễ, càng ngày càng gầy gò ốm yếu mà anh đau lòng. Mới ngoài hai mươi tuổi mà trông chị như một người đàn bà ba mươi. Mấy đứa con đang tuổi cần phải ăn nhiều đồ lớn, nhưng lấy đâu ra thức ăn cho chúng? Đứa nào đứa ấy xanh xao, lúc nào cũng tỏ vẻ thèm ăn. Thấy ai ăn chúng cũng đứng nhìn thèm thuồng, không phải chúng «đói con mắt», thật ra vì nhu cầu thể xác còn thiếu thốn. Cái bao tử ém đầy cơm gạo Mỹ, không bổ dưỡng bao nhiêu. Trong khi [chúng cần có cá thịt, và những thức ăn tươi. Dem về cho con thêm mấy hộp thịt, sữa mua bằng tiền mà anh cũng cảm thấy áy náy. «Ăn xôi ăn bột của lính tráng đang đánh giặc, thật là khốn nạn, anh nghĩ. Nhưng đâu có phải một mình anh, anh tự an ủi, thứ anh là thứ tép riu, vật vãnh, người ta còn cướp cơm chim một cách khốn nạn

hơn anh nữa kia, vậy thì tội vạ gì đề lương tâm cắn rứt cho khổ thân". Nhưng bây giờ thì hết rồi, và không cần xin giải ngũ, biết phải gì nữa, anh cũng vẫn được cho giải ngũ. Cụt một chân, kẻ là tàn phế trăm phần trăm rồi, biết Bộ giáo dục có còn thu dụng không, hay là họ cũng xếp hạng anh vào loại người bị phế thải. Về luôn thì anh làm gì để nuôi lũ con nhóc với một cái chân què!

Tôi thò tay ra ngoài ném mẩu tàn thuốc. Xe đang leo dốc, sắp sửa lên đèo Hải-Vân. Con đường chạy ngang một bãi đất trống, chỗ đồ rác Mỹ. Khoảng mười người vừa đàn bà trẻ con, kẻ bưng một cái thùng, một thùng giấy, người xách một bọc nylon, đang cầm cúi bươi nhặt những món đồ thừa thãi. Một mùi hôi nồng phảng phất trong không khí oi bức. Hành khách lấy tay bịt mũi, nhăn mặt. Máy xe vẫn nổ tốt. Anh tài xế hài lòng nhìn qua tôi mỉm cười, cho xe sang số một:

— Tui đã nói mà, chiếc xe nì ngon lành lắm, khi hồi tại trong bình xăng có nước nên bị nghẹt. Anh nhấn ga cho chiếc xe vọt mạnh.

— Vừa vừa thôi, bác tài ơi. Giọng bà cụ người Bắc the thé. Về nhà chứ không phải về âm phủ đâu.

— Tui lái xe bà con khỏi lo mà. Anh tài trấn an bà cụ. Tui cũng có vợ con, bộ không sợ chết răng. Chạy khá khá một chút, đến bến có xe cho bà con kịp về nhà. Nhưng đột ngột anh thắng xe, giảm bớt tốc độ và nét sát vào lề đường. Trong kính

chiếu hậu, tôi thấy ba chiếc xe nhà binh Mỹ đang xả hết ga chạy tới, bóp còi inh ỏi.

— Phải né mấy ông nội này mới được. Anh tài lo lắng nói. Tụi nó lái ầu có hạng. Tránh voi chẳng xấu mặt nào.

Ba chiếc xe trong một thoáng đã vượt qua. Trên xe sau cùng, mấy gã lính Mỹ cời trần, mồ hôi tuôn nhễ nhại trên lớp da rám nắng, đang ngất ngưỡng uống bia. Một gã giờ cao lon bia lên, ngúc ngắc cái đầu trần, mớ tóc vàng hoe bay dạt về phía sau. Có kính nghiệm, anh tài xế vội giảm tốc độ xe lùi lại phía sau, nhưng không kịp. Đúng như dự đoán của anh, lon bia đã rời khỏi tay gã lính Mỹ bay thẳng vào tấm kính chắn gió. Theo phản ứng tự nhiên, những người trong xe đều nghiêng người để tránh. Tôi cũng vội cúi đầu xuống. Miếng kính vỡ tung, miếng lắn với nước bia văng tung tóe. Chiếc xe lão đảo suýt đâm xuống vực. Gã lính Mỹ cười rung cả người. Anh tài cho xe ngừng nép lề. Một miếng kính ghim vào má trái anh, một giòng máu chảy xuống khoe mũi. Tôi thấy rát ở trán, sờ lên mới hay mình cũng bị thương. Hành khách trên xe được một phen thất vía.

— Bà con có ai bị thương tích chi không?

Anh tài quay ra sau hỏi, mặt anh cũng tài nhợt. Anh mỉm cười, đầy vẻ nhân nhục. Hấn mời cô bác uống bia đó. Cũng may phanh kịp, chứ không xe xuống hố, tui cùng cô bác về châu diêm vương rồi. Anh rút mảnh kính ở má ra, chùi vết máu, lấy điều thuốc ra bẻ đôi chia cho tôi một nửa.

— Thiếu úy đắp thuốc cho cầm máu. Làm cái nghề ni thời chứ khờ vì mấy chiếc xe Mỹ. Có ngày chắc cũng đến bỏ vợ bỏ con.

Tôi đề thuốc vào vết thương, lấy khăn tay buộc quanh đầu. « Mới hôm qua đây — anh tài tiếp lời — cả một chuyến đi về châu Diêm chúa hết. Xe ủi đất như bò mộng mà cán lên trặc-xông con bọ hung ni thì còn chi». Tai nạn này tôi cũng có nghe. Một chiếc xe chở đất của công binh Mỹ cán đè lên một chiếc xe đồ An-Lợi bẹp dí. Tài xế và mười hành khách trên xe chết liền tại chỗ. Chiếc xe chở năm sinh viên y khoa năm thứ sáu, vừa xong thời gian thực tập ở bệnh viện Đà-nẵng, trở về trường Y khoa Huế. Ba sinh viên Luật và một nữ sinh.

Xe lại khởi hành. Gió từ chỗ kính vỡ lùa vào trong xe mang theo bụi, hơi nhựa đường làm hành khách ngột ngạt khó thở. Anh tài lấy kính râm che mắt.

— Từ ngày có mấy cha nội đó, tui lái xe như bị án tử hình Thiếu úy ơi. Mình đã sợ, né rồi chớ phải, mà cũng bị như thường. Nghe nói bên nước họ văn minh ghê lắm mà rãng qua đây thấy toàn dân ba trợn rứa không biết.

— Văn minh thì cũng có người thôi chớ. Chị bạn hàng hẳn học góp ý. Bộ cả nước văn minh hết rãng. Ở mô mà không có hạng người mất dạy.

— Chơi chi mà ác đức thất hơn rứa không biết. Lỡ người ta chết thì rãng.

— Thì nhơn rãng chớ rãng. Một

người nào đó giọng ồ ồ, hóm hình đáp lại. Bà cụ người Bắc lại cắt cái giọng the thé lên :

— Có khi thấy đàn bà con gái người ta đi đường, họ rờ đít rờ mông, nắm tóc kéo lôi đập đầu vào thành xe chết tươi.

— Rứa có oan mạng người ta không chớ.

— Nghe nói chính phủ họ thường tiền nhiều lắm mà ? Chị bạn hàng hỏi tròng.

— Ờ, có chớ. Giọng một người đàn ông mai mỉa cất cao lên. Điều tra lên điều tra xuống, hàng mấy năm trời mới thí cho vài chục ngàn. Bạc triệu cũng không thiết nữa chớ chừng nớ. Bộ mấy chục ngàn làm cho con người ta sống lại được rãng.

— Ồi, dân mình bây chừ thiệt khổ đủ điều. Một bà cụ nói giọng Quảng-trị than thở. Chết súng chết đạn chưa đủ, còn thêm nạn xe Mỹ cán nữa. Rãng chính phủ mình không can thiệp cho họ bớt ầu tả đi.

— Hơi sức mô bà. Người đàn ông thở hắt. Còn những chuyện quốc gia đại sự người ta phải lo lắng. Có chết mấy người dân đen dân ốm, thì là chuyện tầm thường. Ai mà mất thì giờ vì những chuyện nhỏ nhen ấy được. Ông lão ngồi bên cạnh người đàn ông lau đôi mắt đỏ, phàn nàn :

— Cái thời dân vi quý chừ coi bộ hết rồi eng nờ. Bây chừ, cái gì vi quý chẳng biết, chừ còn dân mình thì rẻ mạt.

« Ý hẳn ông cụ muốn nói « dân vi

khinh». Tôi nghĩ lơ mơ, nghe cơn buồn ngủ đến làm đầu vầng vất. Tôi tựa đầu vào nệm sau nhắm mắt lại một lát. Trên xe bỗng nhiên mọi người cũng im bật. Gió Lào thán năm thổi về từ bên kia dãy Trường Sơn nóng hăm hập. Thứ gió làm cho môi khô nứt và cây lá héo úa. Quần áo mặc như có hơi lửa, người lúc nào cũng nhâm nhấp mồ hôi. Vết thương ở trán tôi bắt đầu sưng lên. Những mạch máu căng ra, giật từng hồi. Lúc tôi mở mắt, xe đã lên đến đỉnh đèo. Một đám mây thấp bay qua, bóng che rợp. Nhìn lại phía Đà-nẵng nắng sáng rực. Ngoài khơi, đoàn thuyền đánh cá buồm trắng ngà đứng yên nhỏ ti ti, trông như những cánh buồm giấy xếp thả trên mặt ao. Xe chạy chậm chậm, anh lính gác uể oải khoát tay cho xe đi thẳng, khỏi phải trình giấy. Trước đây đèo còn lên xuống một chiều, hành khách phải dừng lại đợi ở đỉnh đèo. Người ta có thể vào ngồi nghỉ, uống cốc nước chanh, ăn đĩa cơm trong những hàng quán lúc nào cũng rộn rịp. Đứng ở đỉnh đèo Hải-Vân, phong cảnh núi rừng trùng điệp, mờ hồ chìm khuất trong mây khói và cảnh trời nước bao la của biển cả làm cho lòng người ngây ngất. Tình yêu quê hương rểu có vì cuộc sống bon chen làm quên lãng sẽ có dịp bùng dậy mãnh liệt cùng với lòng kiêu hãnh sáng ngời. Lần đầu tiên đến đó, tôi bị thiên nhiên mê hoặc đến say sưa. Đứng im dưới gốc một cây thông nhỏ, tôi lắng nghe âm điệu vi vu trầm bổng của tiếng gió lùa qua lá thông như tiếng sáo diều văng

văng. Những đám mây bay qua bao phủ cả người, tôi giơ tay lên vờ, thấy từng sợi mây lẩn trong sương mù chảy qua kẽ tay. Xa xa trên núi, sau màn mây mỏng, giòng suối trắng bạc chảy xuống giữa khe đá mòn. Bãi bẽ cát vàng ngà vẽ một đường cong cạnh bờ sóng đồ xuống, âm thanh văng đến rì rầm. Ẩn hiện trong cây lá, đường đèo uốn lượn như một con rắn khổng lồ hiền lành, chờ trên lưng những con bọ rầy đủ màu đang bò chậm chậm. Con tàu chạy trên thiết lộ xuyên Việt thoát ra từ cửa một hầm đá, phun khói đen kịt, huyết còi, lao đi vùn vụt. Những ngày bình yên đó bây giờ đã xa... xe xuống đồi một lúc, cơn mưa rào tuôn xuống xối xả. Mưa tạt vào khoảng kính vỡ, người ta cố nép mình, tưởng như có thể tìm được một chỗ nấp, thật ra làm gì có, thế là mọi người đành ngồi chịu trận, chẳng mấy lúc hành khách ướt đẫm. Trong xe nước ngập lũng bóng như một khoang thuyền thúng. Cô gái ngồi giữa anh tài xế và tôi mặc chiếc áo dai lụa trắng bị nước dãn sát vào làn da. Tôi muốn có một cái khăn quàng cho cô mượn, nhưng ngoài bộ áo quần mặc trên người từ một tuần chưa thay, tôi chẳng mang theo thứ gì khác. Có những trường hợp người ta phải chịu đựng sự ân hận vì không thể biểu lộ lòng tốt của mình. Cơn mưa đột ngột trái mùa ngớt dần. Không khí dịu lại, nhưng luồng gió lọt vào từ khoảng kính vỡ làm cho hành khách bị lạnh. Ông lão ngồi ở băng giữa sờ mũi.

— Về nhà chắc nằm liệt giường

bị cảm chết luôn cũng có. Ông nói, giọng đã trở nên khàn khàn. Ông liên hồi hỉ mũi vào chiếc khăn tay, bần một màu khó tả. Trong xe thoang thoang mùi dầu nhị thiên đường.

Cây cối hai bên đường được rửa xanh lên tươi mát hơn. Những suối nước từ sườn núi giăng mây đổ xuống ào ạt, trắng xóa. Hơi mưa còn che mờ các khoảng cây trên đồi xa. nắng rực trở lại, mặt đường trơn trượt bốc hơi nghi ngút. Anh tài giữ tay lái, cẩn thận, cho xe chạy chậm lại khiến hành khách an tâm. Họ không còn nôn nóng thúc giục nữa. Thà ngủ lại một đêm ở Huế rồi còn ra Quảng-Trị, Hải-lăng, Đồng-hà, hơn là ngủ giấc muôn đời ở dưới vực, lờn ngồn đá tảng ven bờ bề. Ở giữa đoạn đường xuống đèo, núi lở làm hư một khoảng mặt lộ, công binh Mỹ đang sửa chữa lại. Chỗ đất mới đổ đá dăm, sau cơn mưa thấm nước, những xe đi trước làm trũng xuống một bãi lầy. Anh tài cho xe sang số một đề vượt nhưng chiếc xe già không qua nổi, bánh lún xuống phân nửa, thùng xe cạ sát đất. Anh yêu cầu hành khách xuống xe, rồ máy nhiều lần nhưng bánh xe chỉ xoay tròn tại chỗ, bắn tung tóe bùn và đá, chiếc xe chẳng nhích được một phân. Những xe đến sau bị chặn lối phải đậu lại. Lúc đầu người ta đứng hút thuốc phi phà, nhìn anh tài hì hục làm việc một mình. Sau đó họ nóng lòng, xúm nhau lại đây. Chiếc xe xê dịch được mấy tấc, nhưng bánh vẫn còn ngập trong bùn. Không khéo phải ngủ lại đêm ở đây

cả đám. Quãng này không có đồn lính, đêm đến có thể bị họ dắt lên núi học tập.» Một vài người lo lắng như vậy rồi thờ vắn, than dài. Đứng ngoài nắng một lúc, áo quần hành khách bốc. Ông lão và cô gái than chóng mặt mở cửa xe định lên ngồi. Anh tài liếc thấy, năn nỉ :

— Trời ơi, tội nghiệp quá. Cô bác chịu khó ở dưới chút xíu đi mà. Xe bị lún còn lên ngồi cho nặng thêm thì làm răng lên nổi.

Ông lão định trả lời, nhưng vừa mới mở miệng ra đã gặp người xuống nôn thốc tháo. Anh tài trông thấy lắc đầu. Một người chạy đến dìu ông lão lên xe. Cô gái dường như bị gió, mặt mày xanh ngắt. Người ta xúm lại thoa dầu, cạo gió cho hai người. Anh tài xế loay hoay, hết cúi xuống xem xét chỗ bánh xe lún, lại lên rồ máy thử, áo vừa khô nước mưa đã thấm ướt mồ hôi.

— «Tháng này có cúng tổ đình hoàng, răng mà xui quá rứa không biết. Tờ hết độ rồi». Anh cầu nài một mình. Xe đã ngừng lại hơn nửa giờ. Cuối cùng một tài xế có ý kiến, mang mấy tấm ván đến, chêm sát hai bánh xe trước. Anh tài xế lên rồ máy cho xe chạy, còn chúng tôi tiếp đẩy. Sáng kiến đó thành công, nhưng phải khó khăn chiếc xe mới vượt qua quãng lầy. Những bánh xe sau chạy vòng vào sát chân núi để tránh. Tôi tuy không gặp, nhưng khi lên xe lòng cũng thấy nhẹ, đã đi thì ai không mong đến nơi đến chốn. Nhà tôi ở trong Thành nội, gần cửa Thượng Tứ, xe

đến lúc nào chẳng được. Bến xe An Lợi gần quán càphê Lạc Sơn, tôi sẽ đến đó uống ly càphê, hút vài điếu thuốc, nhìn các cô gái tóc thề dạo phố, một lúc rồi thả bộ về nhà.

Cô gái và cụ già được cạo gió thoa dầu đã khá, nhưng khi xe chạy được một lúc, cô gái lấy trong túi ra một cái bọc nylon và kín đáo nôn vào đó. Xe xuống đèo, qua nhiều khúc quanh làm cô chóng mặt. Bãi biển Lăng-Cô đã thấy thấp thoáng với xóm dân chài. Một bãi bờ nhỏ, quanh năm sóng bạc đầu đưa những chiếc lưõi bọt trắng liếm lên bãi cát vàng ngà, mịn màng như làn da căng của một thiếu nữ mới lớn. Đã nhiều lần tôi có dịp đi qua khúc quanh từ đó có thể trông thấy bãi biển, lần nào tôi cũng bị màu trắng của những bọt sóng tan tràn lên bờ uốn những đường cong dịu dàng lôi cuốn. Một cảm giác

êm ái vỗ về làm tôi ngây ngất. Sự lôi cuốn thúc bách mãnh liệt đến nỗi, tôi ao ước được trằm mình ở bãi biển đó, thân xác tôi sẽ tan rữa thành nước thành cát, và hồn tôi còn vương vất thiên thu trong từng khoảng không gian nhỏ bé của muôn vàn bọt sóng.

Ở ngay khúc quanh đèo dốc, tấm bia đá dựng trên lưng con rùa cũng bằng đá, ghi lại tên tuổi viên kỹ sư người Pháp làm con đường đèo Hải Vân, biến thành cái đích cho tầm súng của mấy anh lính Mỹ, lính địa phương quân buồn tay, thử tài thiện xạ. Mặt bia vỡ lỗ chỗ, nham nhở dấu đạn, không còn đọc được chữ. Tấm bia vỡ như vậy là phải. Thời của nó đã qua rồi!

(Còn tiếp 1 kỳ)

KINH-DƯƠNG-VƯƠNG

*Tháng 10-70 phát hành tác phẩm thứ XX của cơ sở xuất bản*

NHÂN - CHỨNG :

### **BA MƯƠI HAI BÀI LỤC BÁT**

- ★ Thơ Phổ Đức — Phụ bản của Duy Thanh, Hoàng Hương Trang và Nguyễn Hữu Nhật — Nhạc của Anh Việt Thu.
- ★ Qua nhận định của : Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Hiến Lê, Bùi Giáng, Mai Thảo và Hoàng Trúc Ly.
- ★ Quý bạn ở xa muốn có sách đẹp xin liên lạc với tác giả : 192 và 194 Lê-văn-Duyệt — Saigon.

# BASTOS *Luxe*



巴  
士  
多  
金  
牌  
煙  
名  
貴  
大  
方  
真  
地  
超  
等

Siêu đẳng thượng hảo hạng

TÌM ĐỌC:

## THÀNH CÁT TỬ HÃN

● của NGUYỄN TRỌNG-KHANH ●

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành



## Giây phút cuối

Cả võ đường im bật khi tiếng xướng ngôn viên nói to, rành rọt :

— Kính thưa quý vị, *trận then chốt* bắt đầu ! Đây là trận đấu cốt cán trong đêm, trận đấu sôi nổi đặc biệt : một bên là Võ sĩ Trần-anh-Dũng, 54 ký, con gà cưng của võ đường L.T. anh có lối đánh thần tốc, nhanh nhẹn, đẹp mắt, một ngôi sao sáng trên nền trời võ thuật hôm nay và một bên là Tô-tấn-Hà, cũng nặng 54 ký được mệnh danh là khúc-xương-khó-nuốt của võ đường M.S., người chưa từng bị hạ lần nào, có lối đánh gan lỳ, trầm tĩnh nhất, một võ sĩ được nhiều người biết tiếng. Kính thưa quý vị, đến đây, chúng tôi cũng xin mạn phép làm mất một chút thì giờ quý báu của quý vị đêm nay để giới thiệu chương trình tháng tới : cô Lê-ngọc-Thịnh, nữ huấn luyện viên của võ đường B.T. sẽ đấu với một võ sĩ có tiếng là dữ nhất miền Trung, một võ sĩ chỉ biết liều lĩnh đem vinh quang cho màu cờ : anh Nguyễn-Thành. Võ sĩ Nguyễn-Thành đã mời cô Lê-ngọc-Thịnh trong chuyến rời, khi chúng tôi tổ chức tại Nha Trang và sau khi suy nghĩ kỹ, võ đường B.T. đã nhận lời thách thức này. Trận đấu sôi nổi, hào hứng của đôi bên sẽ diễn vào đêm 25, tháng 7 tới đây, cũng tại võ đường này. Đây cũng là lần đầu tiên trong nhiều năm nay, một nữ võ-sĩ nhận lời thách đấu của nam phái. Xin mời cô

Lê-ngọc-Thịnh lên đài ! Kính thưa quý vị ! đây, cô...

Tiếng giới thiệu chưa dứt thì từ dưới một cô gái khoảng hai mươi sáu, hai mươi bảy tuổi, dong dỏng cao, tóc dài chấm vai, mặc một chiếc sơ mi kẻ ô nhỏ màu nâu nhạt và chiếc quần tây sẫm màu hơn, chân mang giày đế kép, thoăn thoắt lên đài. Dáng độ dễ dàng, nhanh nhẹn và tự tin, cô cúi chào quanh khán giả bốn bên, đoạn tay này nắm chặt tay kia giờ cao khỏi đầu, cử chỉ hết sức thân mật, tự nhiên. Ngọc-Thịnh không trang điểm, nước da ngăm ngăm, nụ cười duyên dáng phô cả hai hàm răng trắng bóng đều đặn. Coi bộ cô thu phục cảm tình khán giả một cách khá dễ dàng !

Tiếng vỗ tay ran cả bốn góc võ trường, tuy rằng Ngọc-Thịnh chưa đấu ngay lúc này. Trong lúc tiếng vỗ tay và tiếng người ta tán thưởng chưa dứt thì cô gái đã trở xuống, uyển-chuyển như cánh bướm.

Có tiếng xuyết xoa ;

— Trời ơi ! nếu tuyển những cô võ sĩ như vậy thì tôi sẽ không vắng mặt đêm nào.

Lại có tiếng phản đối :

— Thôi đi ông ! đàn bà gì lại tỉ thí với đàn ông ? coi cao được ? Đàn ông với nhau mà coi còn không được thay ! *đã man quá...*

— Phải! đàn ông đấu thì dā man, còn đàn bà thì *bấn mắt*... Khi không khi không, không thù không oán mà đưa nhau lên đấm đá chí tử, hạ nhau..

— Kín đáo thưa quý vị, đây, hai võ sĩ Trần anh Dũng và Tô tấn Hà xin ra mắt quý vị trong ba hiệp ba phút, quyền tự do...

Mọi người im lặng chăm chú nhìn lên võ đài. Con gà cưng của võ đường L.T, (võ sĩ Trần anh Dũng) khoan thai bước lên thang, kéo dây chắn luồng mìnà vào võ đài, tấm áo choàng bằng nhung xanh màu nước biển khoác bờ lên người càng làm tăng màu da nâu bóng của anh khi anh đứng thẳng người giữa võ đài rồi cúi gập mình xuống thành đúng hình thước thợ chào khán giả. Tóc rũ xuống nửa trán, mắt to và sáng quắc, hàm bạch cổ nở, mũi thẳng và không cao lắm, Anh Dũng đúng là một võ sĩ đang lên, nhiều hứa hẹn, một thần tượng của giới ưa đấu võ. Họ Trần không cười toe toét, cũng không có vẻ làm lý. Anh khẽ nhếch môi, cười bằng mắt nhiều hơn. Anh tự tin, kiêu hãnh một cách kín đáo.

Tô-tấn-Hà, khúc-xương-khó-nuốt thì tự tin một cách lộ liễu, anh cười với khán giả mộ điệu suốt cuộc hành trình ngắn ngủi, bày cả hai hàm răng màu ngà, không được đều hàng. Mặt xương xương, mắt xếch và sâu nhưng cái nhìn chậm chạp. Tuy ban tổ chức bảo đôi bên đồng cân, người ta vẫn có cảm tưởng anh dung chứa một ít mỡ thừa, và người ta càng chắc chắn về sự quyết đoán này khi anh vút cái áo choàng màu vàng nhạt cho sãn-sóc-viên của mình đang chờ sãn san lưng. Ngay

trong lối chào, Tấn Hà cũng khác hẳn mấy cặp vừa rồi và càng không giống đối thủ của anh: anh không cúi gập hình thước thợ, không nghiêng mình như cái lối nhũn nhặn của tài-tử gặp giai-nhân... trong sách, anh khẽ cúi chiếu-lệ trong một sự thi-lễ gọi là, lấy có, đoạn tiến đến bắt tay đối thủ mình rồi cả hai cùng lùi ra.

Họ cùng đứng thẳng để chờ trọng tài xem xét. Chân mỗi người quấn băng trắng cho đến khỏi mắt cá, chỉ chừa gót và khoảng đầu bàn chân từ cá ngón trở vào lối sáu phân tây. Họ cúi để mình trần, mặc quần dài bó sát người xé một bên vế.

Tiếng loa lạnh lạnh:

— Hiệp thứ nhất bắt đầu! xin các sãn-sóc-viên ra ngoài.

Loa phóng-thanh ra lệnh và cùng một lúc, tiếng cồng lạnh lạnh vang lên.

Trong nháy mắt, vài tiếng canh cách nổi lên rồi các sãn-sóc-viên và ghế ngồi cùng biến mất, võ đài chỉ còn lại viên trọng tài đứng tuổi và hai võ sĩ.

Viên trọng tài người năm thập với chút râu con kiến trên mép và dáng bộ rất chững chạc.

Anh chàng vui tính vừa rồi xuýt xoa:

— Đây mới là pha hào hứng tôi mong đợi từ tối đến giờ. Coi mãi bọn tài tử rudi biểu diễn chán quá đi mất thôi! Ngay cả trọng-tài, anh chàng võ sư họ Bạch, tuổi đời vừa bốn mươi lần lá rụng, một vợ ba con kia cũng xứng đáng...

— Thôi! tốp! tốp! để cho người ta thưởng thức được rồi, anh cứ pha trò

không nhằm lúc ai chịu nổi? Văn chương kiểu đó mà không chịu viết tiểu-thuyết thật là đáng tiếc...

— Văn chương gì đâu? Tôi lập tại nguyên văn trong tờ quảng cáo đó chứ?

Viên trọng-tài áo trắng lui ra sau khi làm hiệu cho hai đối thủ tiến lên.

Lần thứ nhất, sau ba trận giao tranh đôi võ sĩ không lao thẳng vào nhau như hai con bò mộng mà đứng ở vị trí mình cách xa đối thủ nên hai thước, xuống tấn, vung tay, xoay người lại một vòng, đá gió một cái, (người thì đá hai cái tiếp) rồi mới xáp vào nhau. Song xáp lại rồi tứ thì họ xuống tay liền, không giữ cái lối như nhau. Trêu nhau như các đàn em làng rười của họ.

Thoạt tiên, Anh-Dũng chồm đến, tay trái đưa ngang mặt, tay phải gửi đến cho địch thủ một quả đấm thẳng cánh đồng thời một cái đá phóng ra cùng với quả đấm. Tấn-Hà diềm tinh né sang một bên tránh khỏi và cũng tặng lại tức thì một quả đấm nhan<sup>h</sup> không kém. Trong lúc mọi người chưa kịp nhận ra ngón đòn của bên nào trúng đích thì Tấn-Hà nhảy cao lên tung một cái đá, Anh-Dũng vội vàng thu tay về, tay kia chộp lấy chân Tấn-Hà và xô anh bật ngược lại phía sau. Nhờ dây chấn giữ lại, nếu không, khúc-xương-khó-nuốt hẳn đã gãy đôi và rớt xuống chân khán giả. Phía chỗ Tấn-Hà bị xô, có người phản-ứng bằng cách đưa tay như tường chực đỡ lấy thần-tượng của mình!

Tiếng vỗ tay ran lên như pháo trong lúc Anh-Dũng toan tấn công tiếp song bị trọng tài ngăn lại.

Tấn-Hà nóng tiết vừa đứng vững là anh lăn xă lại đối thủ, đấm đá liên tiếp không bỏ hở một giây trong khi Anh-Dũng say với chiến thắng đáng kể quên cả đề phòng. Hai giây sau đó, Anh-Dũng chỉ dùng cả hai tay che mặt không đấm trả địch thủ được quả đấm nào. Chợt, Anh-Dũng lùi lại một bước rồi nhảy lên lao vào đối thủ. Lần này, người nọ đấm vào lưng người kia nghe bình bịch, Tiếng reo hò của khán giả phản đối cả hai dậy lên. Chừng như cả hai không muốn đánh nhau kiểu không đẹp đó nên họ rời nhau ra ngay khi trọng-tài lên tiếng. Khoảng cách vừa đủ để gửi quả đấm cho nhau là họ vung tay lên tức khắc: cứ bên này tung ra một đấm là bên kia gửi trả lại liền tay, họ xoắn vào nhau, mặt Tấn-Hà đỏ bừng, còn Anh-Dũng thì tái mét.

Chợt trọng-tài quát to: « Giang ra » làm họ ngưng tay. Cả hai cùng đang hăng nên chỉ đợi lệnh trọng-tài là họ lại xông đến nhau ngay. Những cái đá hiểm ác cùng tung ra, những quả đấm dữ dội cùng phóng tới. Họ chỉ mong kết thúc trận đấu ngay ở hiệp đầu tiên, nhất là Anh-Dũng: người có lối đánh thần tốc bất ngờ, anh ta quên rằng mình gặp phải khúc-xương-khó-nuốt.

Chợt, Anh-Dũng đổi thế: hai quả đấm cùng tung ra một lượt nhưng đó chỉ là một cách lấy đà, lừa cho Tấn-Hà chú ý đón đỡ và trong khi Tấn-Hà đang bận Anh-Dũng nghiêng người lại đá ngược vào hàm Tấn-Hà, tiếng vỗ tay lại vang dậy đấu trường; Tấn-Hà loạng choạng xuýt ngã. Tức thì, Anh-Dũng dồn đối thủ vào một góc, sát

thành dây chần và được phần khởi do những tiếng cổ võ bên dưới, anh ta đấm như một trận mưa rào xuống Tấn-Hà. Không xoay trở được, Tấn-Hà chỉ che mặt đỡ đòn. Tiếng reo hò như trợ lực với tài năng mới làm Anh-Dũng thêm hứng khởi, thêm tin tưởng, như đã nắm chắc phần thắng trong tay, như chỉ cố gắng đấm tới tấp vài giây nữa là hạ được Tấn-Hà.

Giữa lúc khán giả ngỡ là Tấn-Hà sắp bị « ao » đến nơi thì Tấn-Hà khe lách một bên, dùng cùi tay ực mạnh vào mạng sườn Anh-Dũng một cái ra trò, Anh-Dũng chưa kịp phản công, Tấn-Hà đã nhanh nhẹn thụi tiếp thêm một quả nữa, đúng vào chỗ cũ. Người ta nghe một tiếng « ự » phát ra, không phải từ miệng Anh-Dũng mà từ lồng ngực anh ta — con gà cưng lão đảo lùi lại. Tấn-Hà đổi thế thủ thành thế công : đến lượt Anh-Dũng che mặt vừa lùi, vừa chịu đấm. Bỗng, người ta không thấy rõ, bằng cách nào Anh-Dũng đã chồm đến, đấm tiếp hai cái vào thái dương Tấn-Hà, vì anh ta nhanh nhẹn quá. Bị hai cú tiếp, Tấn-Hà hoa mắt lên chậm phản ứng mất mấy giây và mấy giây kế đó, Tấn-Hà bị đòn nhiều hơn là đấm trả. Lại như vừa rồi : anh không xoay trở được, chỉ che mặt chịu đòn.

Lần này thì ai cũng định ninh Tấn-Hà sắp gục đến nơi, Anh-Dũng càng thêm tin tưởng, anh ta nhanh nhẹn xuống tay, cái thì đấm vào mặt, cái thì đấm vào bụng, vào ngực, nom tựa một màn lưới bằng quả đấm giăng quanh Tấn-Hà ; giữa lúc Anh-Dũng hăm hở tận lực vùng tay quyết hạ Tấn-Hà trong chớp nhoáng, thì tiếng cồng vừa nổi lên báo

hiệu hiệp đầu chấm dứt.

Anh-Dũng hậm hực lui lại ghế ngồi.

Họ còn đầy phong độ, khán giả tin như thế vì Tấn-Hà có thể cười với sấn sóc viên của mình, còn Anh-Dũng sau khi thắng hụt, dậm cáu, nhưng rồi vững tin vào tài nghệ mình lại vui vẻ như thường. « Phải ! mất mát đi đâu ? không hiệp này thì hiệp tới, chỉ tiếc mình đã không hạ nó ngay trong hiệp nhất để giữ cái tiếng « thần tốc » mà thôi ».

Cả hai cười luôn miệng suốt thời gian được nghỉ, trong khi sấn-sóc-viên quạt, cho uống nước và xoa nắn chân tay. Tuy nhiên, kẻ tinh ý sẽ thấy cả đôi đều nôn nả chỉ chực hạ nhau. Khi tiếng cồng báo hiệu hiệp nhì bắt đầu, họ hăm hở đứng lên, sấn sàng quyết thắng.

Sấn gõ như vịn mình dưới sức nặng của họ, kêu lên thành thành trong khi họ tiến tới, lùi lại, đấm đá túi bụi vào nhau. Trọng-tài xoay quanh hai người không ngớt khuyến cáo hay ra lệnh cho họ giang ra. Thỉnh thoảng họ xoắn vào nhau như có chất dẻo làm trọng tài phải khó nhọc mới kéo được họ rời nhau.

Có tiếng loa phóng thanh vang lên :

— Nhà Mạnh-thường-quân Vinh-Thái vui lòng tặng cho võ sĩ thắng cuộc một phần thưởng đáng giá là hai ngàn đồng !

Như được tiếp sức, cả hai dờn nhau về một góc, những quả đấm giăng xuống nhanh hơn, tuy họ cố giữ một bề ngoài thản nhiên khi tin ấy được loan ra, Rồi Tấn-Hà nhảy lui một bước, uheo mắt lại, phóng chân đá một cái đích đáng vào khoảng giữa cổ và vai đối thủ. Hàm Anh-

Dũng như bạnh thêm ra sau ngọn đòn vừa nhận, anh ta thôi cười, làm lì lao tới đối thủ bằng tất cả sức nặng dồn vào hai cánh tay gân guốc của mình.

Bây giờ, họ không còn khinh địch nữa, vì sau hiệp đầu thăm dò, thử sức nhau, họ đã hiểu nhau hơn. Tấn-Hà biết Anh-Dũng trẻ trung, nhanh nhẹn, dôi dào sức lực, Anh-Dũng biết Tấn-Hà thận trọng và kinh nghiệm hơn mình. Tuy Tấn-Hà chậm hơn Anh-Dũng, nhưng anh ta đã đánh là chắc ăn, ít phao phí sức. Người thì trầm tĩnh, người thì nóng nảy. Phải giữ thế công liên tiếp nhiều lần trong một hiệp mới mong hạ được đối phương.

Trong lúc mãi cân nhắc, Tấn-Hà bị Anh-Dũng lấn đất phải lùi tận thành dây chần, vừa đánh vừa đỡ, mà khi đã vừa đánh vừa đỡ thế tất nhiên yếu hơn địch thủ. Một giây sau, Tấn-Hà bị tấn công tới tấp, lần thứ ba lại chịu đấm như mưa. Nhưng Tấn-Hà không nao núng, ngay cả những khán giả quen thuộc của võ trường cũng hiểu điều này. Anh-Dũng không cần cân nhắc, cứ dùng hết sức mạnh vũ bão mà đấm liên tục xuống lưng đối thủ.

— Cho nó « ao » đi !

— Hạ nó liền đi ! đấm mạnh vào !

Đột nhiên, Tấn-Hà nhào người qua một bên làm cho hai quả đấm của Anh-Dũng tuôn xuống trên sợi dây chần và vì dùng tất cả sức mạnh mà đấm xuống khoảng không, cả người Dũng nằm sấp vất vẻo ngang đường dây chần, nhanh nhẹn Tấn-Hà lao tới nhưng chưa kịp xuống tay thì có tiếng trọng tài nghiêm khắc ra lệnh lui về.

Anh-Dũng xông lại và Tấn-Hà chưa phòng bị thì Anh-Dũng đã nhảy lên cao, đá thốc vào mặt Tấn-Hà. Tấn-Hà chỉ vừa kịp đưa tay gạt chân Anh-Dũng thì bị Dũng đấm tiếp cái nữa giữa mặt. Tấn-Hà lại lùi thêm, sát dây chần. Quá tự tin Anh-Dũng háng hái chồm đến, Tấn-Hà bất ngờ ngồi thụp xuống làm Anh-Dũng mất thăng bằng xuýt ngã chổng lên thành dây chần như vừa rồi nhưng nhờ nhanh nhẹn, anh ta kịp giữ mình bằng cách tựa chân lên cái trụ ở góc đài dùng để buộc dây. Khán giả bên dưới cười rộ lên tán thưởng.

Từ bấy giờ, khúc-xương-khó-nuốt bỗng mất hết điềm tĩnh, còn con-gà-cưng thì lại thận trọng khác thường. Tấn-Hà thăm mệt nên muốn trận đấu kết thúc cho xong, Anh-Dũng thì thừa sức để ăn thua nên không vội.

Bỗng, Anh-Dũng vấp, ngã ngồi xuống sàn gỗ, Tấn-Hà cúi xuống song chưa kịp đánh bồi thì lẹ như một làn chớp Anh-Dũng nằm xoài ra, co cả hai chân đá thốc về Tấn-Hà làm Tấn-Hà ngã lộn vào phía sau rồi giữa lúc anh phải chống hai tay dưới sàn gỗ để ngồi lên, bỏ trống mặt và thân mình thì Anh-Dũng đã xô tới, lần này Tấn-Hà ngã hẳn, đầu bị đập mạnh xuống sàn gỗ, Tấn-Hà đau đến lạng đi.

Trọng tài cúi đếm « một.., hai... ba... » trong lúc Anh-Dũng và các khán giả hăm mộ Anh-Dũng đều há hê chờ đến thứ tiếng mười... Trên sàn gỗ, Tấn-Hà cố gắng hết sức để gượng ngồi lên và phải đợi đến tiếng thứ chín chấm dứt anh mới nắm vững được thành dây chần.

Tấn-Hà vừa đứng lên, Anh-Dũng đã sẵn chực tấn công ngay, anh ta nóng đánh nhưng còn phải đợi lệnh trọng tài. Và khi được lệnh, Anh-Dũng vừa mới vung tay gửi đòn cho địch-thủ thì tiếng cồng đã vang lên báo hiệu hiệp nhì chấm dứt. Tiếng cồng kịp thời cứu thoát Tấn-Hà. Anh-Dũng không buồn che dấu nét mặt cau có của mình như trước nữa, quai hàm anh bạnh thêm ra !...

Cả hai lùi về chỗ ngồi. Họ đều thắm mệt : một người vì phí sức quá nhiều trong hai hiệp, anh ta toàn tấn công, — mà những cú đấm mạnh nhất, những cú đá hiểm hóc nhất đều bị hụt. Còn người nữa, bị cái ngã đích đáng, đầu đập mạnh xuống sàn gỗ làm cho sức lực mà mình đã khôn ngoan gìn giữ từ đầu bỗng chốc giảm đi mau chóng.

Thường khi đấu với kẻ khác, qua hiệp thứ nhì, họ đã hạ địch thủ không mấy khó khăn. Anh-Dũng là ngôi sao đang thời kỳ sáng tỏ. Tấn-Hà là một tài năng đứng vững từ lâu, cả hai người chưa một ai nếm mùi thất bại. Tuy nhiên, một người trong nghề có thể đoán rằng sự trầm tĩnh, thận trọng của Tấn-Hà là biểu-hiệu của một tài năng sắp về chiều. Anh ít tấn công, chỉ chuyên tự-vệ, anh khá gân guốc nhưng không nhanh nhẹn bằng đối-thủ của anh.

Trong lúc Anh-Dũng nôn nả nhấp nhòm trên ghế, như chỉ ngong ngóng chờ tiếng cồng để thanh toán địch thủ thì Tấn-Hà trái lại, hết sức thong thả ung dung. Kỳ thật anh ta cũng nóng nảy không kém Anh-Dũng nhưng kinh nghiệm võ trường cho anh biết nên tận hưởng khoảng thời gian ngắn ngủi được nghỉ giữa hai hiệp đấu. Vì vậy,

vừa cổ hương vót vát chút thì giờ dưỡng sức sắp chấm dứt, anh lại vừa phập phồng lo sợ muốn đánh tiếp ngay, vì anh biết Anh-Dũng sẽ lại sức trước anh.

Chợt có tiếng cười tinh nghịch vang lên, Tấn-Hà đang lim dim mắt vội nhìn xem, anh thấy đối thủ vừa được săn-sóc-viên kéo dây thun ở quần đùi ra, dùng khăn quạt quạt vào trong. Nhưng Tấn-Hà không cười to. Con người khôn ngoan đó biết rằng mọi cử động của bấp thít trong lúc này đều cần gìn giữ cho hiệp chót : phút quyết định ăn thua. Anh ngồi im, tựa lưng vào cái gối dựng dọc, buộc ghì vào mấy sợi dây chần võ đài, mặc cho các săn-sóc-viên của mình xoa nắn, lau mồ hôi và phẩm bình, bàn tán.

Song Anh-Dũng coi thường điều này bao nhiêu thì Tấn-Hà lo lắng bấy nhiêu. Anh-Dũng hấp tấp nốc từng hơi dài lượng nước do săn-sóc-viên mang lại trong khi Tấn-Hà nhấp từng ngụm nhỏ mà thôi. Muốn nghìn ý nghĩ xoay trở trong đầu anh.

Bây giờ, sau mỗi hiệp đấu, hơi thở anh không điều hòa ngay, cử động anh bót nhanh nhẹn đi, mắt anh kém tinh tường hơn, sức chịu đựng giảm sút rõ rệt ; tóm lại dù rằng Tấn-Hà quá nhiều tự ái không chịu nhận mình là ngôi sao về sáng, anh vẫn phải công nhận mình là mặt trời chiều. Mặt trời chiều nóng gay gắt hơn buổi sáng, nhưng cũng sắp lặn đến nơi rồi.

Đầu còn ê ẩm, Tấn-Hà vẫn cố giữ vẻ tươi tỉnh trước muôn ngàn con mắt xoi bói của khán giả và của cả đối thủ

trước mặt anh. Để lộ nhược-điểm là điều tối kỵ, anh giả vờ đưa tay vuốt mớ tóc ngắn để nhân đó *thăm thử* xem chỗ bị đập xuống sàn gỗ có sưng không và anh hết sức vững lòng *thấy* không có gì đáng ngại.

Trọn mấy phút được nghỉ ngơi. Tấn-Hà tuyệt không mở miệng. Các sãn-sóc-viên mặc tình hỏi han trò chuyện, anh chỉ ậm ừ. Đối diện anh, Anh-Dũng nói cười liến thoắng, mắt sáng ngời. Đúng là Anh-Dũng còn thừa sức khỏe, Tấn-Hà không khỏi thêm muốn cái tuổi trẻ ngạo nghễ trước mặt mình ; tuổi trẻ mà anh cũng từng có trước kia, nhưng bây giờ đã trôi vào dĩ vãng đúng luật thiên-nhiên. Thốt nhiên Tấn-Hà thấy Anh-Dũng thật là kiêu hãnh, dễ ghét.

Tấn-Hà thả trí nhớ bay bổng về dĩ vãng. Cử tọa mờ dần, đối thủ cũng biến mất. Trước mắt anh chỉ còn những khuôn mặt đã bị anh hạ không chút nương tay. Tội nghiệp nhất là Như-Hổ — các võ sĩ ưa chọn những cái tên kêu như thế — lúc đó Tấn-Hà còn trẻ như Anh-Dũng hiện nay, còn Như-Hổ thì đã già hơn anh bây giờ nhiều lắm. Khuôn mặt lão ta sứt sẹo vì chịu đấm quá nhiều lần, biểu lộ một thống khổ không tả được. Nhưng những con người của võ trường không muốn tỏ ra thương hại ai hay để ai thương hại chính mình. Lão cười mỉa mai khi gặp lại Tấn-Hà ở cửa phòng thay áo, giọng lão khàn đục, khinh bỉ :

— Tấn-Hà ! bữa nay tao đói, nếu mi biết rằng thắng một người đang đói chắc mi không dám vênh mặt lên kiêu đó, phải không ?

Tấn-Hà vừa sững sờ, vừa xúc động, vừa bức tức — anh không ngờ đến sự thật chua xót ấy — chưa biết nên có thái độ nào cho phải thì Như-Hổ quay ngoắc đi lẫn vào đám đông đang chen chúc ra về.

Tại sao bỗng dưng anh lại nhớ đến Như-Hổ ? Vào cái lúc mà phút quyết liệt sắp diễn ra ? Anh đã già đâu ? Hay là anh sắp bị loại ? Phải chăng chỉ có những kẻ sắp ngã mới thương người bị ngã — vì họ thương chính họ ? — Trước kia, mỗi lần chợt nhớ đến Như-Hổ, Tấn-Hà thường tặc lưỡi, anh cho đó là lẽ dĩ nhiên, không việc gì phải quan tâm hay ân hận. Vả anh còn trẻ, còn lâu lắm anh mới vào tuổi Như-Hổ và anh rất khôn ngoan, tự hứa trước khi tuổi đó đến, anh đã từ giả võ trường rồi.

Hôm nay, trong một thoáng, anh chợt thấy tất cả sự vô lý, tàn nhẫn của nghề này, anh kinh tởm thật tình... nhưng anh cũng quyết thắng trong hiệp chót và không đợi lâu la chi nữa : anh sẽ tuyên bố giải nghệ chốc lát đây, khi lãnh giải. Bạn bè sẽ tiệc giùm anh về quyết định này, báo chí sẽ nhắc đến tên anh, có thể cả khán giả hâm mộ nữa, họ sẽ gửi thư riêng đến nhà anh mà yêu cầu anh lên đài lại... Mặc, anh đã quyết định rồi. Chợt một câu hỏi lóe sáng trong đầu anh, sắc như cái móc nhọn : « Còn nếu ta bị hạ thì sao ? » Tấn-Hà ngồi lặng, lắc đầu hai ba lượt không trả lời câu hỏi mà cổ xua đuổi hình ảnh thăm nảo của Như-Hổ như một kẻ phụ tình xưa đuổi hình ảnh người bị mình phụ bạc...

— Hiệp thứ ba và là hiệp chót bắt đầu! yêu cầu...

Tấn-Hà mở bừng mắt, thật y như anh mới nằm mơ. Anh vừa đứng lên thì trước mặt anh, Anh-Dũng đã sừng sững đón chờ. Chao ơi! *tuổi trẻ! tuổi trẻ lúc nào cũng vội vã, hấp tấp, không biết đến kiên nhẫn dành dụm là gì. Ta phải lợi dụng nó để quật ngã nó; hãy để nó ra tay trước cho kỳ đến đuối sức, mệt nhoài, rồi ta sẽ hạ nó. Ta sẽ rất cẩn thận, nhắm kỹ mà gửi đòn đi, ta sẽ gửi theo ngọn đòn tất cả sức mạnh còn lại của ta mới mong thắng nó, không sai chệch một ly...*

Trong khi người giàu kinh nghiệm còn đang suy tính thì tuổi trẻ háng hái không chút đắn đo: Tấn-Hà chưa kịp nhận thấy, ngọn đòn của đối-thủ đã phóng đi; Anh-Dũng vung tay và tung mình lên, Tấn-Hà mắt cả bình tĩnh không kịp né tránh, chỉ đưa tay đỡ liều, bỗng anh tối mắt lại vì có vật gì vướng bên khước mắt. Hốt hoảng, Tấn-Hà chớp mau một cái, lại vướng thêm... Cái màn máu lan rộng, nhòe ra che kín mắt anh, Tấn-Hà không kịp nhận biết mình bị rách khước mắt vì cú đâm

hay chiếc đá, anh cũng không còn thì giờ trùng trùng, thận trọng nữa vì tình hình trở thành, quá bất lợi cho anh. Tuy nhiên trước khi lăn xả vào địch thủ anh phải dùng cánh tay gạt cái màn máu để nhìn cho rõ, nhưng anh chưa kịp làm gì hết và trước khi trọng tài can thiệp Anh-Dũng đã thừa thì giờ quật ngã được Tấn-Hà. Tấn-Hà cố mở to mắt, chống đỡ yếu ớt, cố gắng một cách tuyệt vọng, đầu anh lại đập xuống sàn gỗ lần nữa đúng vào chỗ cũ, trọng tài đếm đến tiếng thứ chín anh vẫn chưa cử động được.

Nhưng Tấn-Hà còn đủ tỉnh táo để nhận thấy viên trọng-tài nắm một tay của Anh-Dũng đưa lên cao tuyên bố kết quả. Anh cũng thấy nụ cười tươi tỉnh của đối thủ anh và anh còn thấy rõ lúc Anh-Dũng giơ thẳng hai cánh tay lên, tấm áo choàng căng rộng ra nom như một con dơi khổng lồ đang giương cánh. Tấn-Hà ngạc nhiên tự hỏi: "Nó mặc áo khoác lúc nào nhanh vậy kia?" Rồi anh ngất đi trong khi tai còn văng văng tiếng hò reo bên dưới và bác-sĩ chưa kịp xách hộp cứu thương lên!

MINH-QUÂN

## Chúc Mừng

*Dù hay tin trẻ vẫn mừng*

**TRẦN - CÔNG - NGHỊ**

*đã cùng cô*

**TRẦN - THỊ KIM - ANH**

*nên duyên chồng vợ.*

LÊ VĂN TRUNG



# TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thinh Saigon

*Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển*

T.T.N.X. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tò chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

*Nhập khóa 1/10, 1/11 và 1/12*

**1895** *Quyển tự vị Việt Nam đầu tiên ra đời, ấy là bộ ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VỊ của Huỳnh Tịnh Paulus Của.*

**1937** *Quyển VIỆT NAM TỰ ĐIỂN của HỘI KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC đã ấn hành xong.*

**1970** *Nhà sách Khai Trí cho xuất bản bộ :*

## TỰ-ĐIỂN VIỆT-NAM

đầy đủ nhất hiện nay, do ông LÊ-VĂN-ĐỨC và một nhóm văn hữu Việt Nam soạn trên mười năm nay, và ấn loát ròng rã trong ba năm, ông LÊ NGỌC TRỤ hiệu đính, dày trên 2.000 trang, khổ to, in toàn trên giấy trắng hảo hạng, đóng làm hai quyển.

**Đán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62, Lê-Lợi SAIGON**

# Tình ca Miền Nam

Thơ LÊ THÚY HỒNG

Ngủ trên võng lác giường tre  
Năm khoanh trong lòng Mẹ  
Ôi ! ta từ thuở bé  
Đã ghiền nghe điệu ầu ơ

Tiếng Mẹ hiền ru ngủ con thơ  
Từng câu hát cất lên hòa theo nhịp võng  
Ta đã nghe mặt sóng đầy nôi sóng  
Chín miệng Rồng lấp biển nhả phù sa  
Sóng bạc đầu vỗ mãi bản tình ca  
Máu tim đã chan hòa trong máu đất  
Tổ tiên ta tưới mồ hôi nước mắt  
Biến sinh lầy ra cơm gạo thơm ngon  
Anh dũng vô cùng tiếng mẹ ru con  
Cò bay mỗi ruộng vàng trong giọng hát  
Ta đã uống bóng dừa xanh thơm mát  
Mọc trong hồn đôi cánh trắng ca dao  
Giọng hò ơ... trên sóng nước dạt dào  
Giữa giấc ngủ ta hồn nhiên từ thuở  
Ấu yếm bàn tay ngọt ngào hơi thở  
Ngực lép Mẹ hiền vắt sữa nuôi con  
Sông nhớ nguồn nước quyến bùn non  
Ôi ! doi đất đã vươn mình lên theo triều nước  
Tiếng Mẹ ru anh hùng như nhịp bước  
Đám lưu dân từ bốn trăm năm trước đã về đây  
Dựng nhà chòi trên ngọn cỏ đầu cây  
Dũng cảm quá bàn tay của bao người khai phá  
Đùa giỡn với rừng sâu sóng cả  
Nép mình vào bóng mát của thiên nhiên  
Trước thú rừng nước độc đã bình yên  
Đem huyết lệ làm gia tài để lại  
Ta đã thấy vườn xanh sai trái  
Lúa đầy bông đồng ruộng vẫn vàng thơm  
Tiếng Mẹ hiền âm hưởng của Quê-hương  
Hơi vọng cổ quyến hồn thơ Đỗ Chiêu

Xuông ba lá đêm giăng câu thời niên thiếu  
Tiếng đọc huyền rơi  
Trên sóng nước ngậm ngùi  
Vẫn tươi mát lòng người yêu Đất Tổ  
Đầu vú hoa cười vừa chớm nở  
Trong lời ru con say ngủ mẹ hiền ơi !  
Muối mặn gừng cay sữa ngọt lạ đời  
Trên võng lác giường tre con bình yên khôn lớn.

## Là tác lòng mưa

Thơ TRẦN HUIỀN AN

Em về đứng đó  
Màu áo vàng xưa  
Sân trường hoa cỏ  
Là Tác lòng Mưa

Áo vàng sương bay  
Sầu trên khóe mắt  
Ngàn năm dằng dặc  
Tác lòng ai hay ?

Đường mai em đi  
Cầu run nổi nhịp  
Hoa vàng khép nép  
Bên nước sông trời

Lúa vàng dâng hương  
Áo vàng tỏa mộng  
Tóc bông gió lộng  
Ngáy ngất trời xanh

Nụ cười đan thanh  
Hồn thu cổ độ  
Em về đứng đó  
Nhìn bốn phương thành

●  
Tôi dừng chân với  
Đèo cả rìng cao  
Nửa đời trôi nổi  
Theo màu mắt sao

Ngàn qua quên hết  
Trong áo vàng xưa  
Ngàn sau xin chết  
Giữa Tác lòng Mưa  
Hỡi người em gái  
Là Tác lòng Mưa

# Alexander Soljenitsyne

NOBEL VĂN CHƯƠNG 1970



## I. VĂN NGHIỆP

### Một giải thưởng xứng đáng

«Ngày 10-12 tới đây, Alexander Soljenitsyne được đi hay không được đi Stockholm để nhận giải Nobel? Nếu được ra đi, rồi có được trở về chăng? Giới văn nghệ trên thế giới còn hơn một tháng để bàn tán về chuyện ấy.

Khi hay tin Hàn lâm viện Thụy điển chọn Soljenitsyne, trên tiêu chuẩn văn chương không có một thắc mắc gì trong dư luận. Ngay từ 1963, khi Soljenitsyne chỉ mới có một tác phẩm mỏng manh, những văn nghệ sĩ trẻ ở Nga như Evtuchenko, như Nekrasov, như Vozniessenski v. v..., đã hết lời tán tụng. Năm 1967, tại cuộc họp của Hiệp hội Nhà văn xô viết, địch thủ số một của Soljenitsyne là Constantin Fédine, đệ nhất bí thư của Hiệp hội, cũng xác nhận: «Không một ai trong chúng ta chối cãi thiên tài của anh ấy, nhưng...» Chữ «chúng ta» của Fédine bao trùm một tập thể gồm những tên tuổi như Cholokhov, Simonov v.v...

Và cách đây hơn hai năm, khi trích đăng bản dịch cuốn *Vòng ngực thứ nhất* (*Le premier cerle*), tạp chí *L'Express* ở Pháp đã không ngần ngại bảo rằng: «Alexander Soljenitsyne chắc chắn là nhà văn xô-viết lớn nhất hiện đại». Mặc dù Cholokhov còn sống, tác giả bài báo không cần dùng cái giọng dè dặt thường lệ đối với Soljenitsyne, chẳng hạn không cần nói đó là «một trong những nhà văn lớn nhất»...

Ấy, A. Soljenitsyne là một tác giả như vậy, thế mà khi ông ta được giải Nobel về văn chương thì tức khắc ai nấy đều nghĩ đến những rắc rối sẽ xảy ra. Ngay đến nhà bình luận trên đài phát thanh Thụy-điển, sau khi loan báo tin tức giải thưởng, đã tiên đoán những hậu quả khó khăn, và vội vã phân trần: «Đây là một giải thưởng cấp cho một tiểu thuyết gia. Không phải cho một chính trị gia».

Lời phân trần không ngăn cản được phản ứng bất bình của Nga-sô. Hiệp hội các Nhà văn xô viết, tạp chí *Izvestia*

đã lên tiếng công kích Hàn lâm viện Thụy điển.

### Một nhà văn ngoại hạng

Alexander Soljenitsyne năm nay vừa 52 tuổi : ngày trao giải thưởng tại Stockholm tới đây gần đúng vào lễ sinh nhật của Soljenitsyne, chỉ sớm hơn có một hôm.

Trước kia, ông là một giáo sư Vật lý. Chiến tranh xảy ra, ông vào quân đội. Năm 1945, đang chiến đấu với cấp bậc Đại úy pháo binh, Soljenitsyne bị bắt vì những lời công kích Staline trong một lá thư gửi cho người bạn. Bị kết án tám năm lưu đày ở Tây-bá-lợi-á, ông được phóng thích đúng vào hôm Staline chết, tức là ngày 5-3-1953.

Đời văn của Soljenitsyne dính liền với đời tù. Không những cảnh lao tù này sẽ làm đề tài cho mọi tác phẩm của ông, mà bước đầu văn nghiệp của ông cũng bắt đầu trong lao tù.

Bắt đầu, dĩ nhiên Soljenitsyne không sáng tác với bút và giấy : hai món của lạ này không thể tìm được ở những trại lao công. Soljenitsyne làm việc như những người Trung-cổ : ông nghiền ngẫm câu chuyện trong đầu, rồi kể thuộc lòng cho bạn tù ; những người bạn này lại kể tiếp cho những người bạn khác. Cứ thế, «tác phẩm» của Soljenitsyne được phổ biến, truyền tụng từ miệng này sang miệng khác.

Từ Tây-bá-lợi-á về, trong ba năm, ông chỉ được hưởng một thứ tự do hạn chế, mãi đến 1956 mới được phục quyền, và trở lại chức vụ giáo sư Vật lý ở một trường trung học tỉnh nhỏ. Bây giờ ông giáo sư

Vật lý ấy hãy còn là một kẻ vô danh sống cuộc đời khuất lấp ; tuy nhiên ngoài giờ dạy Vật lý ông ta có tiếp tục một hoạt động âm thầm, là viết văn. Năm 1962, trong tinh thần cởi mở sau diễn văn buộc tội Staline tại đại hội Đảng lần thứ XX, đích thân Krushev đã cho phép xuất bản tác phẩm đầu tay của A. Soljenitsyne : cuốn *Một ngày của Ivan Denissovitch*. Một tập truyện chừng bảy chục trang giấy, của một «mầm non văn nghệ» chưa ai biết đến bao giờ : Krushev không ngờ rằng quyết định của mình tám năm sau đã đưa đến cho Nga-sô một giải Nobel oái oăm.

Ivan Denissovitch là một tù nhân, «một ngày» của anh ta là một ngày tù. Tù nhân Ivan không thông minh trí thức như tù nhân Soljenitsyne ; anh ta chỉ là một nông dân thất học, chất phác, nhìn lên trời, tin rằng các ngôi sao là những mảnh vụn do Thượng-đế bẻ ở mặt trăng ra để rải rác, làm cho mặt trăng bị khuyết dần dần... Anh nông dân ấy gặp chiến tranh, đi lính, ra trận, bị bắt làm tù binh. Anh ta trốn thoát, chạy về hàng ngũ. Một hôm anh ta đại dốt thuật lại chuyện bị Đức bắt cho bạn bè nghe, thế là anh ta bị truy tố. Người ta không muốn có những kẻ «bên kia» về, đem chuyện bên ngoài bức màn sắt về kể lại, người ta buộc anh là đã nấp mạng cho giặc rồi trở về lãnh nhiệm vụ gián điệp của giặc. Nhiệm vụ gì ? Quan tòa lúng túng không biết, Ivan cũng ngỡ ngơ không biết. Mặc kệ, anh vẫn bị kết án, vẫn vào tù như bao nhiêu người khác.

Vào tù, Ivan an phận, không băn khoăn thắc mắc, không oán hận căm hèn. Anh ta làm việc quần quật như mọi người, ăn uống thiếu thốn như mọi người. Sự thiếu thốn làm cho anh ta bám lấy thức ăn, quanh quần ở chỗ bếp núc: phản ứng vô ý thức của một sinh vật.

Một ngày như thế trôi qua, trong số ba nghìn sáu trăm năm mươi ba ngày tù của Ivan Denissovitch, được tác giả thuật lại tỉ mỉ mà khách quan, bình tĩnh, gần như lạnh lùng. Một ngày như thế được trình bày ra, cả nước Nga xúc động, kinh hãi trước số phận âm thầm vô vọng của 16 triệu đồng bào của họ trong các trại giam xô viết. Và một ngày như thế được kết thành sách xong, nhà văn Nekrasov, trong một chuyến Âu du, đã tuyên bố ở Ba lê: "Sau khi cuốn truyện đó ra đời, các văn sĩ xô viết không bao giờ còn có thể lại viết như trước kia nữa".

Một thiên tài cỡ ấy được chế-độ chú ý ngay. Cuốn *Ngôi nhà của Matryona* có những chỗ không được nhà nước hai lòng, nhưng vẫn được phép xuất bản. Rồi một vài tác phẩm nhỏ nữa cũng thế. Người ta còn đồn rằng đạo ấy Soljenitsyne còn được đề nghị cấp giải thưởng Lénine, với tư cách một cây bút đặc lực đối với Đảng.

Nhưng bắt đầu từ 1964 thì Đảng đã kịp thời nhận thấy Soljenitsyne không phải là hạng văn sĩ như Đảng mong muốn. Từ đó, không còn có một tác phẩm nào của ông được xuất bản trong nước nữa, mà những tác phẩm cũ cũng dần dà bị quét sạch

khỏi các hàng sách. Soljenitsyne bị xóa đi, bị đuổi ra khỏi sinh hoạt văn học nghệ thuật của xứ sở, bị đẩy vào quên lãng.

Chính sách của nhà nước xô viết muốn vậy, nhưng sự thế đã không xảy ra như vậy.

Trong nội địa Nga-sô, tổ chức «Samizdat» thay thế các nhà xuất bản trong việc phổ biến các tác phẩm có giá trị, bị cấm đoán: tác phẩm được đánh máy, đóng tập, chuyển tay bí mật từ người này sang người khác. Tại Nga-sô, các máy in, máy đánh chữ v.v... đều bị trước bạ, kiểm soát, nhưng bất chấp sự nguy hiểm, người ta ước chừng đến nay có độ năm nghìn bản *Khu bệnh ung thư* và *Cửa ngục thứ nhất* được «Samizdat» phổ biến.

Ngoài ra, các tác phẩm này lại lọt ra ngoại quốc, không biết do ngõ ngách nào, và được dịch in, tung ra rộng rãi.

Đó là hai tác phẩm lớn. *Khu bệnh ung thư* viết về cuộc sống mà Soljenitsyne đã mục kích, đã chính mình trải qua trong những năm ở Kazakhstan, nơi ông mắc chứng ung thư và vào điều trị tại một bệnh viện địa phương.

Nhưng quan trọng hơn cả trong sự nghiệp trước tác của Soljenitsyne, đến nay, có lẽ là cuốn *Vòng ngục thứ nhất*. Đây là câu chuyện bốn ngày tù. Phải, chỉ có bốn ngày thôi, từ hôm thứ bảy 24 tháng 12 đến hôm thứ ba 27 tháng 12 năm 1948. Câu chuyện ấy dài 1.200 trang bản thảo, gồm mấy trăm nhân vật nam nữ.

Cảnh tù của Cleb Nerjine không giống như cảnh tù của Ivan Denissovitch. Bảy giờ Staline cần một thứ máy điện-thoại đặc biệt, có thể biến đổi giọng nói, đề dùm vào những cuộc điện đàm bí mật, không cho một kẻ thứ ba nào nghe trộm. Bộ An ninh giao phó thực hiện, công việc phải hoàn tất trước ngày 1-2-1949. Bộ tuyển lựa những đầu óc khoa học thông thái nhất trong tù, tập trung tại nơi một chỗ riêng biệt: trại Charachka.

Hạng tù nhân này hưởng chế độ ưu: đãi khỏi lao động mỗi ngày 14 giờ, khỏi hít hụp dưới nước lạnh giá từ sớm tinh sương, mỗi ngày được 40g bơ, được 400g bánh mì trắng, còn bánh mì đen thì ăn tùy thích, được đọc sách, được cạo râu!

Sự ưu đãi ấy khiến mấy anh tù trí thức nghĩ đến một tác phẩm của Dante. Khi muốn tìm một chỗ dưới Địa ngục để nhốt mấy nhà hiền triết thời Cổ-đại, Dante đâm bối rối: đám hiền-triết này đều vô thần, đáng vứt vào Địa-ngục lắm, nhưng mà đám ấy sáng suốt, tài giỏi, Dante nghĩ tiếc,

tội nghiệp. Rốt cuộc nhà thơ đã nghĩ ra một nơi giam cầm thượng hạng, có thể sánh với.... trại Charachka!

Khách trọ ở Charachka không phải là những kẻ tin ở mảnh trăng bẻ vụn, những kẻ đi tìm từng miếng xương cá để nhăm kỹ, chíp nước, ngày tháng tại đây không trôi qua lặng lẽ, vô ý thức.

Trái lại, ở đây có những cá tính độc đáo, những bản khoản sâu xa, những phản ứng bất ngờ, hào hùng, những đối thoại gay gắt, nảy lửa, những tâm trạng lạ lùng ..

Trong bản tuyên bố của Hội đồng chọn giải Nobel có đề cập tới "truyền thống của Văn chương Nga". Nói đến cái truyền thống ấy, người ta nghĩ đến những tác phẩm vĩ đại, mệnh mông của Tosltoi, của Dostoievski v.v... Trong các pho truyện lớn của Soljenitsyne cũng có cái bao la ấy: cả một xã hội ùa vào sách, cả một thời-đại được dựng lại, sống dậy. *Vòng ngục thứ nhất* có những đoạn biện-luận dài dòng không liên hệ bao nhiêu đến cốt truyện..., làm

**ĐÓN ĐỌC :**

## **Một ngày của Ivan Denissovitch**

của Alexander Soljenitsyne Giải Nobel 1970

Bản dịch của NGUYỄN-MINH-HOÀNG

**TRÍ-ĐĂNG xuất bản**

cho động tác chậm lại, gần như ở ngoài lề cốt truyện .. mà trong *Chiến tranh và Hòa bình* của Léon Tolstoi cũng có những đoạn tương tự. Có người chê trách Tolstoi « thiếu nghệ thuật », ở các chỗ ấy, nhưng phải chăng đây cũng là một nét đặc biệt của truyền thống Nga. Vì ở Dostoevski, nhân vật lại còn đông dài, nhiều lời hơn nữa!

Riêng đối với Soljenitsyne, lẽ lối sáng tác ban đầu chắc có phần nào chi phối kỹ thuật tiểu thuyết của ông về sau. Truyện của ông thoát tiên được đặt ra đề kể truyền khẩu, để truyền vào lỗ tai. Đó là điều hiếm có : ngày nay, văn sĩ quen dùng chữ hơn là dùng lời, truyền vào mắt hơn là vào tai. Vì vậy, khi thưởng thức truyện xưa như *Tam quốc*, *Chinh Đông*, *Chinh Tây* v. v..., người ta thường đọc lớn để nghe chung, khi thưởng thức tiểu thuyết hiện đại như *Lạnh lùng*, *Hồn bướm mơ tiên* v. v... không ai ngân nga đọc lớn. Có người, như Nhất Linh (trong *Viết và đọc tiểu thuyết*), bảo rằng nếu có ai lấy truyện ấy ra đọc kiểu ấy ông sẽ ngượng đến muốn độn thổ.

Soljenitsyne thì không ngượng. Truyện ông sáng tác để kể được, thì dĩ nhiên để đọc cũng được. Chính thiên truyện *Một ngày của Ivan Denisovitch* đã được mang ra đọc lớn. tiếng tại phiên tòa vào năm 1956, sau đó tác giả được tòa xử phục quyền công dân.

Ngoài 8 cuốn tiểu thuyết và một số truyện ngắn, cho đến nay Soljenitsyne còn viết xong nhiều vở kịch, truyện phim, bị cấm xuất bản và rất nhiều bài thơ mà ông không chịu cho xuất bản. Soljenitsyne cho rằng mình không có tài về thơ nên dù có những lúc cao hứng viết chơi ông

vẫn không cho phổ biến. Tập thơ *Tiệc khải hoàn*, nhiều người cho là của ông, nhưng Soljenitsyne nhất định phủ nhận.

Hiện nay, mặc dù mắc bệnh nan y, ông vẫn viết lách say sưa, mỗi ngày 16 giờ, và đang tiếp tục một cuốn truyện về trận Đệ nhất Thế chiến.

Một cuộc đời như thế : 52 tuổi với 8 năm lao tù và một chứng ung thư thì chưa đủ tiêu biểu cho tất cả khổ đau ở Nga-sô. Nhưng một đời văn như thế : trong vòng 8 năm đoạt giải Nobel với sự tán thưởng của văn giới toàn cầu, thì phải là một đời văn ngoại hạng. Hình như từ trước đến nay, chưa có lần nào giải Nobel lọt vào tay một nhà văn ít « tuổi nghề » như thế. Albert Camus là giải Nobel trẻ nhất cũng đã trải qua hơn hai mươi lăm năm cầm bút trước khi Hàn lâm viện Thụy-điền chú ý.

Kỳ-tới : **Con người**

TRANG THIÊN

---

## Sách mới

— Những bước chân tập thơ của Thu Lâm Trương Lợi do Thế-Hệ xuất bản tại Québec, Gia-nã-đại, và tác giả gửi tặng. Sách dày 48 trang in ronéo rất đẹp gồm 24 bài thơ, bìa và phụ bản của Võ-Đình.

— Thơ Văn-khoa tập thơ của sinh viên văn-khoa do nhà xuất-bản sinh-viên « Đi Tới » ấn-hành và gửi tặng. Sách dày 66 trang in ronéo gồm 38 bài thơ của 29 tác giả.

— Nội san **Bách Việt** số 12, số đặc biệt kỷ-niệm tròn một tuổi, tập san văn nghệ khảo cứu, giáo dục, in ronéo, khổ 20 x 27, dày 82 trang gồm : đoản văn, truyện, thơ của Nguyễn-Gia-Uyên Cao-Quảng-Văn, Nguyễn Trương, Tiêu Dao, Lê-thị-Tịnh-Thủy, Diệu-Sương, Hồng-Khắc Lê-Minh v. v... và phần *Sở tay, Tin tức*.



Đàm thoại với tác-giả « Việt-nam quê hương yêu dấu »

BÁCH-KHOA

## Đoàn Văn-nghệ Việt-Nam, nhiếp ảnh Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật bản

(Tiếp theo Bách Khoa 331)

### ĐOÀN VĂN NGHỆ VIỆT NAM

**BÁCH KHOA :** *Khi Đoàn văn-nghệ V.N. sang trình diễn ở Hội chợ Osaka trong Ngày Việt-nam chắc anh còn ở đó? Vậy theo anh, với tư cách một khán-giả, thì anh thấy Đoàn Văn-nghệ của ta có thành công không và người ngoại-quốc họ có vẻ ưa thích những tiết-mục gì? Ưu khuyết điểm ra sao?*

**NGUYỄN CAO ĐÀM :** Ở Hội-chợ Osaka có một hí trường (Festival plaza) rộng như sân vận-động Hoa-Lư của ta có mái chung quanh là ghế ngồi. Đoàn Văn-nghệ Việt-nam trình diễn ở đó hôm ấy, nếu nói là thành công vì có đông người xem thì ta đã thành công, nhưng cũng nên biết thêm hí-trường này lúc nào chả có đông người xem! Còn võ tay thì một phần vì lịch sự bất cứ tiết-mục nào trình-diễn tại đó hề chấm dứt là khán giả cũng vỗ tay, và chẳng dám đông khán giả nào hề thấy có một số người vỗ tay là họ cũng vỗ theo ngay. Do đó sự đông người và vỗ tay tại hí-trường của Hội-chợ Osaka chưa phải là yếu tố đánh giá đúng mức thành công của một tiết-mục trình-diễn.

Tuy nhiên phải công nhận là người ngoại quốc đã tỏ ý thích thú một số tiết-mục của ta, những màn trình-diễn mang tính chất dân tộc, lại hợp với khung cảnh sân khấu ngoài trời thì được hoan nghênh lắm. Chẳng hạn Vũ trống của Trịnh-Toàn và màn vũ múa nón của Hoàng-Thi-Thơ... cái tà áo dài, cái khăn mỏ quạ, cái nón lá cái trống cơm, trống cái của ta được khán giả nước ngoài chú ý đặc biệt. Tôi đã được xem các màn vũ trống của Đại-hàn, Nhật-bản, Trung-hoa quốc-gia, Thái-lan v. v... không có nước nào có cái trống giống như trống của Việt-nam và lối đánh trống của mình cũng như tiếng trống cùng loạt vang lên có một nét kiêu hùng làm cho mình kiêu hãnh nhớ lại tiếng trống Hà-hồi của Vua Quang Trung đuổi quân Minh ngày trước.

Những màn vũ đã thành công trên đây tại Hội-chợ Osaka, chắc còn phải cải tiến, chẳng hạn không có vai chính hoặc vai chính không nổi bật lên như tại các màn trình diễn của các quốc-gia khác thí dụ màn múa lân của Trung-Hoa, có 4 con lân, 4 ông Địa, 1 người đánh trống cái, ở trên sân khấu lúc nào cũng chỉ một thứ nổi bật còn các cái khác chìm đi, trong lúc ấy những

màn vũ của chúng ta đều đều, cái gì cũng là chính thành thử không có cái gì làm chính cả.

Mấy màn vũ cổ ở Huế như màn vũ Liên-hoa-đăng, tiết tấu trầm lặng, đều đặn lại kéo quá dài nên người ngoại quốc dễ thấy chán. Các màn vũ này ở một khung cảnh êm đềm, trang nghiêm của hoàng cung thì thật là thích hợp, mà mang ra một « nơi kẻ chợ » náo động như Festival plaza ở Osaka thì tất nhiên phải lạc lõng rồi.

Tôi tiếc cả màn độc tấu độc-huyền-cầm của Nguyễn-hữu-Ba. Tiếng đàn của anh thật là điêu luyện mà người xem không thưởng thức được vì trình diễn không hợp chỗ. Ai lại đem đàn mà gảy giữa chợ bao giờ, dù là chợ Osaka... phải không anh.

Vẫn biết vốn cũ dân tộc của mình là quý nhưng thời đại này là thời đại thịnh thị, thời đại ồn ào, nhanh, dùng chất liệu dân tộc mà không biết hiện đại hóa hình thức thì mình vẫn không thể thành công với khán giả thời điện-tử này được. Theo tôi, rượu cũ nhưng phải có bình mới.

Còn một vài sơ hở đáng tiếc khác nữa như một đoàn đồng ca trình diễn với sự phát thanh của băng thâu sẵn ở nhà, băng nhạc phát ra có tiếng mõ mà các nhạc công không thấy ai đánh mõ. Mặt khác một đoàn nam nữ nông dân lại do một ông khăn xếp, áo gấm bắt nhịp, điều khiển, thành ra màn đồng ca tự nó đã mang quá nhiều mâu thuẫn lạc điệu.

Những khuyết-diểm trên đây là do người sắp xếp chương trình, có thể ở nhà không am tường đối-tượng và nơi trình diễn, những người đi lại không có đủ thẩm quyền quyết định tại chỗ! Âu cũng là kinh nghiệm phải học hỏi cho tương lai.

Riêng những người cầm đầu phái đoàn văn nghệ, anh Nguyễn-Phụng và sau đó là anh Tạ-Ty, tôi thấy các anh ấy rất xứng đáng: tận tâm, nhiều sáng kiến và hành động chững chạc, đường hoàng.

BÁCH KHOA: *Vậy mà báo chí có nhắc tới vụ các diễn viên bị bỏ đói và ăn một khúc bánh mì...*

NGUYỄN CAO ĐÀM (cười): Hôm đó là ngày Việt-Nam, một ngày trọng đại nhất đối với tất cả những người Việt-Nam ở Hội chợ Osaka. Tôi có nghe kể lại rằng, anh Nguyễn-Đại-Ca — Quản lý gian hàng V.N. — có đặt khách sạn, mà phái đoàn V.N. cư ngụ, làm cho phái đoàn rớt phần ăn cho vào hộp để các đoàn viên nghệ-sĩ dùng bữa trưa hôm đó (10-8). Ý định của ta là mỗi hộp một phần ăn, nhưng có lẽ nhân viên khách sạn hiểu lầm nên lúc giao thực phẩm có hộp lại đựng toàn sandwich, có hộp toàn chuối, nên có người quá thừa, có người thì thiếu, hay có khi chẳng có cái gì nữa. Bữa chiều thì Thủ-tướng tiếp tân tại nhà khách vào 6g30 chiều. Có thể vì lầm lộn giờ giữa

chương trình cũ mới sao đó, nên một số đoàn viên lúc 7g. hoặc 7g30 chiều mới tới nơi hẹn, tất nhiên bị lỡ.

Bữa đó chính tôi cũng ăn có một khúc bánh mì. Hàng ăn ở trong Hội-chợ thiếu gì, nhưng không ai nghĩ đến ăn cả, chỉ lo lắng sao cho ngày Việt-Nam được kết quả mỹ mãn mà thôi. Tất nhiên phái đoàn Văn-ngệ V.N. cũng chỉ mong sao cho các màn trình diễn được khán giả hoan nghênh là đủ no rồi. Bởi thế, tôi tin rằng người Việt-Nam hôm đó ở Hội-chợ Osaka chẳng ai phàn nàn chuyện đói no. Anh nghĩ xem một nhà có ngày giỗ trọng đại, thì chủ nhà và gia-đình có ai nghĩ đến ăn uống no say không, hay chỉ lo làm sao cho khách được đầy đủ là mừng rồi. Nói thật với anh, tôi về nhà mới được nghe có chuyện phàn nàn trên đây. Nhưng theo tôi, sự bất mãn của một số người trong phái đoàn Văn-ngệ V.N. có lẽ do một nguyên nhân khác mà sự đói no chỉ là một cái cớ. Nguyên là phái đoàn Văn-ngệ ngoài ông trưởng đoàn còn các vị phụ tá và trưởng ban gì đó, mỗi vị phụ trách điều khiển một số tiết-mục ca-vũ trình diễn... Lúc Đài Truyền hình Nhật NHK điều đình đề thầu hình thì họ lại yêu cầu tuyển chọn một số tiết-mục hợp với cảm-quan khán-thính-giả đài của họ mà thôi. Bởi thế, sau buổi tổng duyệt, họ mời tất cả mọi người đến đài NHK nhưng chỉ lựa đề thầu hình một số màn trình diễn nào đó. Tất nhiên những diễn viên nào đến đó mà không được ra trước máy truyền hình thì cũng buồn mà vị trưởng ban liên-hệ cũng không thỏa mãn. Chính tôi bữa đó ở đài truyền hình Nhật đã chứng kiến cảnh mấy cô thấy mình không được thầu hình thì bực bội đến phát khóc thút thít, trông thật tội nghiệp, và tôi phải dỗ dành an ủi mãi. Chỉ khổ là người mà mình muốn lau nước mắt thì lại không khóc anh ạ !

Nhiều người ra nước ngoài có những mặc-cảm thật trái ngược. Ông thì quá tự tôn vì cái bốn ngàn năm văn hiến của nước mình, mà mình lại là kết tinh của cái văn-hóa bốn ngàn năm đó. Ông thì lại quá tự ty vì chẳng thấy cái bốn ngàn năm văn hiến của mình ở chỗ nào cả. Các ông này hễ nhận ra mình thua kém người quá xa — có thể vì khả năng không được dùng đúng chỗ — là sinh sự.

Có những người kém ý thức tập-thể, không thấy phần trách-nhiệm và bổn phận của mình trong phái đoàn nên đòi Trưởng-đoàn phải lo liệu cho mình đủ mọi công việc từ A đến Z, và hễ thấy không được như ý là bất mãn ngay.

Tôi không dám lên mặt thầy đời, nhưng theo thiên ý của tôi ra ngoài nên đặt, tự đặt vấn đề học hỏi. Học hỏi từ cái lớn đến cái nhỏ. Học hỏi chuyên môn, học hỏi nếp sống tân tiến, học hỏi cả những cách xử-thế thông thường.

Có vị ở phòng của đài truyền-hình NHK đã viết hai chữ nho trao cho một người Nhật ; ông Nhật này đọc không hiểu lại mang tới Trưởng phái đoàn,

Trưởng phái đoàn lại phải chạy đi kiếm một ông thông thạo chữ Hán, rồi đoán mãi mới vỡ ra là ông ấy muốn tìm chỗ để tiêu-tiền ! Vậy mà làm náo loạn bao nhiêu người trong khi chỉ cần hỏi một câu là nhà cầu ở chỗ nào.

Với một đoàn 100 người, thành phần phức tạp như vậy, thì 10 Trưởng đoàn Nguyễn-Phụng cũng không thỏa mãn nổi Tôi chỉ mới biết anh Phụng khi anh ấy sang Osaka. Nhưng qua sự giao tiếp của anh ấy với những người Nhật có trách nhiệm ở bên đó, qua sự cư-xử của anh ấy với các nhân viên trong phái-đoàn, tôi thấy anh Phụng đã rất xứng đáng cầm đầu phái đoàn Văn nghệ V.N.

**BÁCH KHOA :** *Cảm ơn anh đã cho biết thêm một tiếng chuông nữa về chuyện no đói của đoàn Văn nghệ trong ngày Việt-Nam. Nhưng ngoài hí trường của Hội chợ và đài truyền hình Nhật NHK, đoàn Văn nghệ có còn trình diễn ở đâu nữa không ?*

**NGUYỄN CAO ĐÀM :** Xin nói thêm đề anh rõ là ngoài hí trường, tại Hội chợ Osaka còn có một hí viện. Giá những người sắp xếp chương trình xem xét trước tại chỗ mà phân định các màn trình-diễn nào thích hợp với hí trường, các màn nào thích hợp với hí viện thì chắc ta còn thành công hơn nữa.

Ngoài hai nơi này gian hàng của nhiều quốc gia còn tổ chức trình diễn hàng ngày ở bên cạnh hoặc ngay trong gian hàng của mình. Như gian hàng Mexico có đơn ca hợp ca, Hồng-kông có múa lân, Indonesia, Mã-lai, Nga, Pháp v.v... cũng đều có trình diễn ca vũ cả.

Sau Ngày Việt-Nam, mình cũng bắc một cái bục ở bên cạnh gian hàng Việt-Nam để đoàn Văn nghệ trình diễn mỗi buổi tối, có cả cô Khánh-Ly đến hát giúp vui.

## NHIẾP ẢNH NGUYỄN-CAO-ĐÀM

**BÁCH KHOA :** *Thưa anh, anh đã cho biết khá đầy đủ về đoàn Văn-nghệ V.N. rồi, vậy xin anh cho biết tiếp tại sao anh lại tổ chức được một cuộc Triển lãm nhiếp ảnh của anh ở Nhật-bản.*

**NGUYỄN CAO ĐÀM :** Thưa anh, câu chuyện nguyên do thế này. Có Lê thị Hàn, làm việc tại gian hàng Việt-Nam tại Hội chợ Osaka, lại là một sinh viên V.N. đã tốt nghiệp Cao học Kinh tế tại Nhật và cũng là một nhà văn đã từng cộng tác với nhiều tuần báo, tạp chí ở Saigon. Cô Hàn có viết một cuốn sách bằng tiếng Nhật mang tên là : « *Ngôn-ngữ Việt Nam* » và cô cũng có xin tôi một ít hình ảnh Việt-Nam để trang trí cho cuốn sách. Cuốn sách lại do cơ quan nghiên cứu và phát triển Á Châu (ARDO) xuất bản. Cơ quan



*Nguyễn Cao Đàm đang ký vào các tác phẩm nhiếp ảnh tại một nơi Triển-lãm ở Đông-kinh*

ARDO thấy hình ảnh trong cuốn sách đẹp, mới hỏi Cô Hàn về tác giả các bức hình đó. Khi họ biết tác giả ở ngay Osaka thì họ liền nảy sinh ý kiến muốn mở một cuộc triển lãm nhiếp ảnh về Việt-Nam tại thủ-đô Đông-Kinh.

BÁCH KHOA : *Điều-kiện thế nào ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Họ mở một cuộc triển lãm tại 5 nơi ở khu Ginza, là một trung tâm thương mại lớn nhất tại Đông-kinh. Họ chịu đài thọ mọi phí khoản trong cuộc triển lãm và chỉ yêu cầu được bán các tác phẩm nhiếp-ảnh của mình sau đó để bù vào các phí khoản kia và sẽ chia cho mình một phần. Tôi trả lời rằng mục đích của tôi là chỉ mong sao thực hiện được cuộc triển lãm đó. còn về tiền nong tôi không thấy cần phải nhận một thù lao nào cả.

BÁCH KHOA : *Thế ảnh lấy hình ở đâu ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Khi sang Osaka tôi có mang theo một số âm-bản (négatif) để phòng hờ có cần phải trang trí gian-hàng Việt-Nam thì sẽ đóng góp phần của mình. Nhưng số âm bản này chưa đủ để mở một cuộc triển lãm vì các hình ảnh rửa ra chưa thể nói lên được cái gì là nghệ-thuật của Nguyễn Cao Đàm cả. Tôi phải gửi thư về nhà đề ở nhà gửi gấp sang một số âm bản nữa và số này mới là phần chính cho cuộc triển lãm.

Khi có âm-bản đầy đủ rồi — hồi đó là gần đến Ngày Việt-Nam ở Hội chợ — tôi mới bảo cơ quan ARDO rằng tôi chỉ nhận mở cuộc triển lãm nếu phần kỹ thuật mà họ cúng đáng làm tôi được hài lòng, nghĩa là đừng có phản tôi. Họ liền rửa thử cho tôi xem một mớ hình thì tôi thấy rất hài lòng.

Thưa anh ở bên Nhật họ có lệ mở cuộc triển-lãm là để lấy tiền giúp cho một cơ quan từ-thiện nào đó. Tôi thì không đồng ý về điều này. Tôi bảo

rằng đối với người Việt-Nam mỗi khi mở cuộc triển-lãm mà nói là để giúp một cơ quan từ thiện tức là có ý lợi dụng danh nghĩa cơ quan này. Người tới dự cuộc triển lãm trước hết là để làm việc nghĩa rồi mới xem đến nghệ thuật. Tôi muốn giữ cái truyền thống Việt-Nam nghĩa là triển-lãm chỉ để biểu dương nghệ thuật mà thôi. Ai vì nghệ thuật thì sẽ tới. Ban tổ chức cũng chịu theo tôi điều này.

Ngược lại họ cũng có mình biết bên Nhật người ta quý nhất là tác giả ký tên vào tác phẩm trước sự chứng kiến của dân chúng tới xem triển lãm. Bởi vậy họ yêu cầu tôi lên Đông-kinh mấy ngày để ký tên vào các tác phẩm nhiếp ảnh ngay tại nơi triển-lãm. Đông-kinh cách Osaka hơn 500km. Họ hỏi về sự đài thọ các cái ăn ở, di chuyển lên Đông-kinh thì tôi trả lời là tôi sẽ tự đài thọ các chuyện đó, như vậy tôi được tự do hơn.

Đến Đông-kinh tôi cũng có cái vui là được gặp một số sinh viên V.N. du học tại Nhật và những người Nhật tới xem triển lãm hỏi han mình nhiều điều lý thú.

BÁCH KHOA : *Triển lãm ở Nhật có gì khác với Việt-Nam không anh ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Ở Nhật, thường thường triển lãm tranh hay ảnh đều ở các phòng cầu thang của những tiệm bách-hóa. Tác phẩm nhiếp ảnh treo trên tường hoặc dọc theo lối lên của các cầu thang... Cuộc Triển lãm của tôi tại khu Ginza được tổ chức ở năm nơi : 3 nơi thì từ ngày 10-8 đến 20-8 và 2 nơi nữa từ ngày 21-8 đến 24-8.

Mỗi cuộc Triển-lãm ở Nhật đều mang một tiêu-đề. Tiêu-đề cuộc Triển lãm của tôi là : *Việt-Nam quê hương yêu dấu.*

BÁCH KHOA : *Tên cuốn sách về hình ảnh Việt-Nam của anh đã xuất bản ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Đúng vậy. Họ còn muốn có một cái « slogan » cho cuộc triển lãm nữa. Tôi nêu lên câu : « *Nhìn bằng mắt, chụp bằng tâm hồn* ».

BÁCH KHOA : *Anh trưng bày được bao nhiêu tác phẩm nhiếp ảnh và Ban Tổ-chức triển lãm bán những hình ảnh như thế nào ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Tôi có độ 80 tác phẩm. Người tới xem muốn mua bức hình nào thì cứ ghi tên, rồi Ban Tổ chức sẽ rửa ra sau và lúc nào trao ảnh mới lấy tiền.

BÁCH KHOA : *Họ rửa theo những khuôn-khổ nào và giá mỗi tấm hình là bao nhiêu yen ?*

NGUYỄN CAO ĐÀM : Họ rửa ra 2 loại :  $13 \times 18$  và  $50 \times 60$ . Loại nhỏ giá 400 yens <sup>(1)</sup> một tấm và loại lớn 6000 yens. Loại nhỏ họ mua để

(1) L.T.S. một yen, cách đây mấy tháng, tương đương với một đồng V.N.

tặng nhau hoặc đề bàn, còn loại lớn đề treo tường, trang trí, nên loại lớn được mua nhiều hơn.

**BÁCH KHOA :** *Bán hình như vậy, sau cuộc triển lãm, Ban Tổ-chức lời hay lỗ ?*

**NGUYỄN CAO ĐÀM :** Họ chi phí tất cả mất 200.000 yens, và sau cuộc triển lãm họ có lời một ít. Họ nhất định chia cho tôi một phần và tôi cũng chỉ nhận đủ tiền chi phí ăn, ở và di chuyển mấy hôm ở Đông-kinh. Thế là « huề » anh ạ.

**BÁCH KHOA :** *Số người vào xem nơi triển-lãm hàng ngày có đông không anh ? Và xem hình ảnh Việt-Nam của anh họ có nhận xét, phản ứng gì không ?*

**NGUYỄN CAO ĐÀM :** Họ không tới ồ ạt một lúc nhưng trong nơi triển lãm lúc nào cũng có chừng vài chục người xem. Còn phản ứng và nhận xét của họ thì lý thú lắm.

Có anh đầu tóc hippy đã chỉ vào mặt tôi mà trách rằng sao không có hình ảnh về chiến tranh tại Việt-Nam, Tôi cho anh ta biết cuộc chiến tại Việt-Nam khác hẳn với cuộc chiến tại Nhật-bản xưa kia vì là một cuộc chiến tranh không giới tuyến ; nơi nào cũng có thể phút chốc có sắt lửa, tàn phá, chết chóc... Nhưng khói lửa tắt, chém giết ngưng thì sự sống lại vươn lên liền theo đó và sinh hoạt lại phục hồi và tiếp diễn bình thường, nên người Việt mới có một sức chịu đựng bền bỉ được như vậy. Tôi chỉ cho anh xem một vài bức hình chụp ở một nơi mà trước đó 3 tiếng đồng hồ trận chiến đã diễn ra ngay chỗ ấy. Tôi bảo với anh là : Người ngoại quốc nhìn Việt-Nam chỉ thấy có một khía cạnh khói lửa, đau thương thôi nên đôi khi hình ảnh chụp ra đã làm lệch lạc hẳn khuôn mặt quê hương tôi. Cuộc triển lãm này trình bày một khía cạnh khác của Việt-Nam mà người nước ngoài, trong nhiều năm nay, không thấy, một khuôn mặt thường nhật và đích thực của quê hương tôi.

Có người đến xem đã ngạc nhiên kêu rằng : Đất nước Việt-Nam cũng đẹp thế sao ? Nhiều người vui thích thấy được những đặc-thù của Việt-Nam mà từ trước đến nay họ chưa hay biết. Thí dụ đồi cát ở Việt-Nam. Họ tưởng chỉ có Phi-châu có sa mạc mới có những cảnh đồi cát như vậy. Họ thấy lũy tre của mình cũng khác với tre của họ. Trúc của họ mọc lưa thưa, cành dựng đứng, sơ sác khác hẳn với các bụi tre của mình. Họ thấy cây cau, cái cầu ao ở quê mình họ cũng thích. Họ thấy lối công em của trẻ mình cũng lạ. Rồi tà áo dài của mình thì tuyệt vời...

(còn tiếp)

**BÁCH KHOA**

## Tổng-thống Nixon với vấn-đề giải quyết chiến tranh Việt-nam

(Tiếp theo trang 14)

chấp nhận một Chính-phủ liên-hiệp mà không cần bầu cử chăng ?

Khi ông nhắc tới 3 nguyên-tắc của một sự dàn xếp chính trị ông đã làm cho một số người hiểu là ông sẵn sàng chấp nhận liên-hiệp miễn là dựa trên những nguyên-tắc trên mà không cần tuyên-cử.

Nhưng những người đó quên rằng giải pháp này không loại bỏ giải pháp trước. Và lại ông cũng đã nói trong đoạn sau : «Chúng ta cương quyết duy-trì quyền hạn tất cả nhân dân Nam Việt-Nam tự quyết định chính thể mà họ mong muốn». Quyền-hạn đó không phải là quyền tuyên-cử tự-do thì là quyền gì ?

Hơn nữa T.T. Nixon đã thẳng tay bác bỏ yêu sách của đối phương đòi loại bỏ 3 nhân vật chính của chính quyền VNCH, mà ông cho là một mưu toan hủy bỏ tất cả những lực lượng không-cộng-sản đã được tổ chức.

Kế hoạch trước, Cộng-sản đã bác bỏ, thì không lý do gì Cộng-sản lại chấp nhận kế-hoạch này nhứt là khi ông Nixon vẫn duy trì chính quyền do các ông Thiệu-Kỳ-Khiêm lãnh đạo. Tuy ông có ám chỉ xa gần đến một chế-độ liên-hiệp, nhưng với quan-điểm khác nhau như mặt trăng mặt trời thì sự dàn xếp chính trị đó làm sao có

thể thực hiện được. Dù là yếu kém đến đâu, phe bên kia cũng phải bác bỏ vì với điều kiện quân-sự và chính-trị hiện tại, nếu họ chấp nhận thì không khác gì họ phai bó giáo quy hàng.

### —3. Vấn đề giải-pháp Đông-Dương

Lần trước T.T. Nixon chỉ nói tới trong điềm chốt là tôn trọng thỏa ước Genève 1954 và 1962. Vì hồi đó tình-hình (Lao còn tương đối yên tĩnh có lợi cho phe chính phủ. Tình hình Campuchia chưa thuận lợi cho một sự can thiệp trực tiếp.

Ngày nay tình thế đã khác hẳn. Lào Cộng đã kiểm soát 2/3 đất đai Lào. Hoa-kỳ đã dẫm nát khu «thánh địa» Việt Cộng ở Campuchia, nhưng chế độ Lonol cũng lại đang nguy Chốn với quá 1/2 số đất đai về tay Cộng-sản.

TT Nixon đã đặt lên hàng nhì việc triệu tập một hội-nghị Đông Dương để giải quyết cùng một lúc toàn thể vấn đề Đông Dương.

Chúng ta đều biết trước đây không lâu, nhiều người ở Hoa-kỳ đã chống lại giải pháp đó. Nhiều người cho rằng giải quyết được vấn đề Việt-nam xong thì tự nhiên những vấn đề Miên-Lào cũng sẽ dàn xếp được ổn thoả. Trái lại một giải pháp cho vấn-đề Lào chẳng hạn (như giải-



pháp 1962) sẽ không giải quyết được gì hết nếu cuộc chiến tại Việt-nam vẫn tiếp tục.

Nhưng theo lập trường của Pháp, của một số nước Á-châu và của cả ông Tổng-thơ-ký Liên-hiệp-quốc U-Thant nữa, thì cuộc chiến này không phải chỉ hạn chế ở Việt-nam mà nó đã mở rộng ra toàn cõi Đông-Dương. Vậy nó phải được giải-quyết trên toàn bộ Đông Dương. TT. Nixon đã chính thức theo lập trường này vì xét cho cùng nó có lợi cho Hoa-kỳ. Lào và Campuchia là 2 nơi Hoa-kỳ bỏ thì thương, vương thì tội. Nay kéo được 2 nước đó vào trong một giải-pháp toàn diện thì sẽ chặn đứng được sự bành trướng của Cộng sản và không thiệt gì cho Hoa-kỳ vì nó phụ thuộc vào một giải pháp chung trong đó có vấn-đề Việt-nam là vấn-đề chính. Vì thế mà T.T. Nixon vẫn chủ trương duy trì cuộc hội đàm Paris mặc dầu cuộc hội nghị Đông Dương có thể được triệu tập. Tuy nhiên T.T. Nixon không nói rõ thành phần hội-nghị hoà-bình Đông-Dương gồm có những ai? Tất cả những phe lâm chiến hay còn có thêm cả một số cường quốc như Pháp, Anh và Trung-Cộng và những nước thuộc thành phần Ủy-ban kiểm soát đình chiến ở Đông-Dương trước đây gồm Ấn-độ, Gia-nã-đại, Ba-lan? (Hiện nay Thủ-tướng Lon Nol đã từ khước ngồi cạnh Sihanouk).

Giải pháp này, Việt-Cộng cũng không thể chấp nhận được. Vì theo họ, đề cho 3 nước Đông Dương nước

nào giải quyết riêng việc nước đó sẽ có lợi cho họ hơn. Hiện nay họ đang lợi thế ở Lào và Campuchia. 3 chiến-trường đang hỗ trợ lẫn cho nhau một cách nhịp nhàng để giải quyết từng chiến-trường một như vậy họ hy vọng sẽ làm áp lực mạnh hơn được với Hoa-kỳ trong việc giải-quyết vấn đề Việt-nam. Họ không dại gì đưa ra giải-quyết trong một hội-nghị toàn-thề để họ mất hết những lợi-thế đã đạt được.

—4/ *Sau cùng vì vấn đề tù binh* ta thấy lần này T.T. Nixon có vẻ nhấn mạnh hơn đến vấn đề phóng thích tù binh, ký giả và cả các thường dân vô tội mà ông coi như là một hành động nhân đạo. Hơn thế nữa ông còn coi vấn đề này như là đề chứng tỏ thiện-chí của 2 bên rồi từ đó đi đến việc giải quyết các vấn đề khác, nghĩa là ông muốn 2 bên bàn việc phóng thích tù binh trước đã rồi sẽ đi đến các vấn-đề khác.

Lập trường của Cộng-sản lại khác. Họ biết chỗ yếu của Hoa-kỳ và muốn dùng vấn đề tù binh làm áp lực, để buộc Hoa-kỳ phải giải quyết các vấn đề khác. Vì thế cho nên trong 8 điểm nói rõ thêm, bà Bình đã đòi Hoa-kỳ phải hứa rút quân trước đã, vào một thời hạn nhất định (trước ngày 30-6-1971), rồi phe Cộng-sản sẽ bàn đến việc phóng thích tù binh. Họ không dại gì bàn ngay vấn đề này trước khi thỏa thuận về những điểm căn-bản khác. Vì thế mà họ không thể chấp nhận được đề nghị của Hoa-kỳ.

—5 Riêng về vấn đề rút quân, giữa 2 sáng-kiến đưa ra trong khoảng hơn một năm trời, T.T. Nixon đã quyết định đơn-phương rút lui phân nửa số quân tham chiến ở V.N. : 260.000 cho tới hết mùa xuân 1971. Cộng-sản biết rõ đó là một tiến-trình khi đã bắt đầu rồi thì không thể nào ngưng lại được nữa. Rồi ra một ngày kia Hoa-kỳ sẽ quyết định rút toàn bộ quân đội Mỹ khỏi Đông Dương, hoặc nếu có để lại thì cũng để lại một chút ít (khoảng từ 20.000 đến 50.000). Biết như vậy rồi tại sao Cộng-sản còn đòi Hoa-kỳ phải rút ngay, rút hết, rút gọn ? Đó là vì Cộng-sản không muốn để cho Hoa-kỳ trần trụi, có đủ thời gian và phương-tiện để thi hành chương-trình Việt-nam-hoá. Điều thứ hai là Hoa-kỳ chỉ chịu rút hết với một số điều-kiện mà Cộng sản phải chấp nhận. Nhưng nếu chấp nhận những điều kiện của T.T. Nixon thì kẻ như là Cộng-sản hạ súng. Vì thế mà Cộng-sản từ chối cho dù T.T. Nixon có nói tới vấn đề rút hết.

### **Đối chiến 2 kế hoạch của Hoa-kỳ và của VNCH.**

Có thể nói là 2 kế-hoạch đó giống nhau đến 80 %.

— Cũng chủ trương ngưng bắn tại chỗ, nhưng VNCH nhấn mạnh hơn vào điểm đặt một cơ-chế kiểm soát hữu hiệu việc ngưng bắn.

— Cũng đồng-ý triệu tập hội nghị hoà-bình Đông Dương có Miên Lào cùng tham dự.

— Cũng rút quân nhưng VNCH nhấn mạnh hơn đến vấn đề rút quân song phương khi nói đến việc triệt

thoái toàn thể quân đội ngoại nhập.

Riêng hai điểm 4 và 5, VN có đảo lộn thứ tự.

Điều 4 của VN nói đến việc phóng thích tù binh ngay tức khắc và vô điều kiện.

Điều 5 của VN nói đến giải pháp chính trị, và khác với Hoa-kỳ, VN đề nghị mở những cuộc nói chuyện riêng với phe bên kia để thảo luận mọi vấn đề trong tinh thần hoà giải dân tộc. Đề nghị của VN cũng không nhắc tới vấn đề bầu cử. VN vẫn theo đúng lập trường do T.T. Thiệu đưa ra trong đề-nghị ngày 25-3-1969, nghĩa là những người Cộng-sản từ bỏ vũ lực, từ bỏ chủ nghĩa Cộng-sản, tôn trọng luật pháp và chân thành chấp nhận các phương-thức dân chủ của VNCH sẽ được hưởng đầy đủ các quyền lợi chính trị như những công dân khác trong cộng đồng quốc-gia.

Còn lập trường của Hoa-kỳ trong điểm 4 cho ta thấy là Hoa-kỳ sẵn sàng chấp nhận một giải pháp chính trị trong đó có cả phía bên kia cùng tham gia. Đó là điểm khác nhau căn bản giữa VNCH và Hoa-kỳ.

Đề kết luận, ta thấy sáng kiến Hoà-bình của Hoa-kỳ và của VNCH trên căn bản không khác nhau là bao, nhưng sáng kiến đó đem so với sáng kiến của phe Cộng-sản còn cách xa nhau một trời, một vực. Viễn-tượng hoà bình ở VN vẫn còn xa vời.

Và chìa khoá của cánh cửa Hoà-bình nay đang nằm ở đâu : ở Hà Nội, Bắc-kinh hay ở Sài Gòn, Hoa-thịnh-đốn ?

# Thời sự thế giới

TỪ - TRÌ

Trong những ngày vừa qua tình hình quốc - tế đã được đánh dấu bằng một sự lạnh nhạt trong bang giao giữa hai khối Đông-Tây. Nga đột nhiên thay đổi thái-độ gần như không còn chút thiện chí nào để cộng-tác với các quốc-gia Tây-phương giải-quyết các vấn-đề quốc-tế nữa.

Chính tình hình căng thẳng tại Trung-Đông đã phản ảnh thái-độ trên đây của Nga-sô. Trong khi đó Mỹ đã tỏ ra một vài dấu hiệu thân thiện với Trung-Cộng.

## Sự lạnh nhạt trong bang-giao Đông-Tây

Từ nhiều năm qua sự-kiện chính trong bang-giao quốc-tế là sự cộng-tác giữa hai đại cường Nga-Mỹ để giải-quyết mọi vấn-đề quốc-tế sôi bỏng. Trong tinh thần cộng-tác này tình-hình thế giới đã bớt căng thẳng rất nhiều. Vì vậy mà Nga không gây rắc rối với Mỹ tại Việt-Nam, cũng như Mỹ đã đề mặc cho Nga xâm-lăng Tiệp-khắc. Hơn nữa, Nga và Mỹ còn cố gắng thương-thuyết tại Vienne và tại Helsinki để giảm bớt mức sản-xuất vũ khí chiến-lược, đề tái lập hòa-bình tại Trung-Đông và tại Việt-Nam. Nhưng đột nhiên Nga đã tỏ thái-độ bất hợp-tác trong vài tháng qua, khiến cho tình-hình quốc-tế, nếu không căng thẳng, thì cũng trở nên kém tốt đẹp rất nhiều. Và mọi vấn-đề quan-trọng lại thành khó bề giải quyết.

Trước hết là vấn-đề Âu-châu. Sau khi Nga đã ký hiệp-ước Mạc-tur-khoa với Tây-Đức người ta đã nghĩ rằng Nga thật sự muốn cộng-tác với Tây-phương để ổn-định tình-hình chính-trị ở Âu-châu Thủ-tướng Tây-Đức đã đi xa trên con đường nhượng bộ đến

nổi ông thừa nhận các lãnh thổ do Nga dùng bạo lực chiếm cứ sau cuộc đệ-nhi Thế-chiến mà sự thừa nhận này cũng không được Nga đáp-ứng một cách cụ-thể. Trước sự chống đối của phe đối-lập Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo ông Brandt đã ra điều-kiện cho Nga là ông chỉ xin Quốc-hội chuẩn-y hiệp-ước nếu Nga có chính-sách thân-hữu tại Bá-ling. Nhưng trong những ngày vừa qua tại các cuộc hội-đàm tay tư giữa Anh, Nga, Mỹ, Pháp, Nga-sô đã tỏ ra hết sức cứng rắn. Trong khi 3 cường quốc Tây-phương yêu-cầu Nga bảo đảm tự do đi lại đề tới Bá-ling thì Nga lại đòi 3 cường quốc Tây-phương phải bảo đảm cho Đông-Đức đi lại tự do ở Bá-ling, điều mà Anh, Pháp, Mỹ vẫn cương quyết từ chối trong 25 năm qua.

Tuy nhiên các quốc-gia Tây-phương chưa mất hy-vọng vì sớm muộn Nga cũng phải nhượng bộ đề Tây-Đức chuẩn-y hiệp-ước Mạc-tur-khoa. Về phương diện kinh-tế, Nga cần hiệp-ước Mạc-tur-khoa vì nếu hiệp-ước này được áp dụng thì Nga mới được Đức viện-trợ kinh-tế để khai thác vùng Sibérie khiếm khai. Nhưng trong khi đó Nga lại chia rẽ phe Tây-phương bằng cách ve vãn Pháp. Tổng-thống Pháp, Georges Pompidou, đã được đón tiếp một cách trọng thể tại Mạc-tur-khoa trong tháng 10 vừa qua. Nga muốn khai-thác tinh-thần quốc-gia cực-đoan của Pháp và sự cạnh tranh Anh-Pháp để đỡ phải nhượng bộ ở Bá-ling.

Sau vấn-đề Bá-ling, người ta còn vấn đề sản-xuất vũ-khí chiến-lược. Sau các cuộc hội đàm Mỹ-Nga tại Helsinki và Vienne, người ta đã hy vọng rằng cả hai bên đang đi tới một thỏa-hiệp để giảm bớt cuộc chạy đua

võ-khí nguy hại cho nhân loại này. Về phía Mỹ người ta lạc quan đến nỗi ngày 8 tháng 5 vừa qua Tổng-thống Nixon đã loan báo rằng thỏa-hiệp sẽ được thực hiện. Tuy nhiên trong những ngày gần đây tại Hoa-kỳ, người ta không còn lạc quan như vậy nữa và chính Bộ-trưởng Quốc-phòng Melvin Laird đã phải cảnh-cáo rằng nếu Nga không ngưng sản-xuất hỏa-tiến SS-9 thì Mỹ bắt buộc sẽ chế-tạo lại những vũ-khí tân-tiến.

Bang-giao Nga-Mỹ còn kém tốt đẹp hơn nữa khi mà các hệ-thống tình-báo Mỹ đã tiết lộ rằng Nga đang ngầm thiết-lập một căn-cứ tàu ngầm ở Cienfuegos (Cuba). Tuy Nga đã cực lực cải-chính tin này và tuyên-bố trung thành với tinh-thần thỏa-hiệp 1962 nhưng người ta vẫn thấy bang-giao giữa Đông-Tây lúc này trở nên lạnh nhạt rất nhiều. Sự lạnh nhạt này ảnh hưởng trực tiếp đến công cuộc tìm kiếm hòa-bình tại Trung-Đông.

### Hưu-chiến sắp chấm dứt tại Trung-Đông

Đến ngày 5-11 tới nay thì cuộc hưu chiến giữa hai phe Do-Thái và Ả-rập sẽ chấm dứt. Như vậy 3 tháng ngưng bắn đã trôi qua mà các cuộc thương-thuyết giữa hai bên vẫn chưa khởi sự. Cái chết của Tổng-thống Nasser đã làm các nỗ-lực hòa-bình đi sâu vào ngõ cụt. Phó Tổng-thống Anwar Sadat đã được quốc dân Ai-cập chính thức bầu lên kế vị ông Nasser. Trong cuộc trưng-cầu dân-ý, ông Sadat đã lượm được 90 o/o số thăm của cử-tri. Từ trước tới nay sự-nghiệp của ông Sadat được xây dựng dưới bóng của Nasser, nên người ta chưa biết đường lối của ông sẽ ra sao. Nhưng người ta ngại rằng ông Sadat muốn tạo uy-tín riêng bằng cách áp dụng một chính-sách hiếu chiến, vì tại Trung-Đông một chính-sách «hiếu-chiến đối với

Do-Thái» được đồng-hóa với một chính-sách cách-mạng và sẽ được dân chúng ủng-hộ.

Ngay từ bây giờ tập đoàn cầm quyền mới tại Le Caire đã công-bố ý-dịnh đưa ra trước Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc một quyết-nghị lên án Do-Thái gây hấn. Và Nga đã có ý-dịnh ủng-hộ quyết-nghị này. Nhưng nếu quyết-nghị này được chấp thuận thì Do-Thái sẽ lợi dụng cơ hội để hủy bỏ quyết-nghị năm 1967 yêu cầu hai bên thương-thuyết và mọi công-trình tìm kiếm hòa-bình lại sẽ bị tan vỡ.

Chính phủ Hoa-thịnh-đốn đang cố gắng thuyết phục cả Mạc-tur-khoa lẫn Le Caire bỏ những ý định hiếu chiến này. Nhưng vì muốn lấy thiện-cảm của tập-đoàn cầm-quyền ở Le Caire, nên Nga đang đồ dầu vào lửa. Do đó người ta thấy viễn-tượng hòa-bình ở Truug-Đông lúc này càng ngày càng tối tăm thêm.

### Vấn-đề Đài-Loan lại được đặt ra

Hằng năm cứ đến tháng 10 thì cả Bắc-Kinh lẫn Đài-Bắc đều tổ-chức những buổi lễ kỷ-niệm trọng thể. Ngày 1-10-70 Mao-Trạch-Đông xuất hiện tại Thiên-An-Môn ở Bắc-Kinh để kỷ-niệm ngày thành-lập nước Cộng-hòa Nhân-dân Trung-Hoa và trong dịp này đã lên tiếng đả kích Thống-chế Tưởng-Giới-Thạch. Đến ngày 10-10, nhân ngày lễ song-thập Tưởng Tổng-thống cũng tổ chức một buổi lễ không kém long trọng để kỷ niệm cuộc Cách-mạng Tân-Hội và nhân dịp này cũng tuyên bố tái chiếm Hoa-lục. Do đó trong năm nay hai cuộc biểu-tình ở Bắc-Kinh và Đài-Bắc đã mang nặng những đe dọa chính trị.

Chính-phủ Trung-hoa Dân-quốc vừa bị một thất bại ngoại-giao nặng nề vì Gia-nã-đại vừa thừa nhận

Trung-Cộng và tuyên-bố ý-định yểm trợ đơn xin gia nhập Liên-Hiệp-Quốc của Bắc-Kinh. Hơn nữa chính-phủ Đài-Bắc còn hết sức lo ngại trước chính-sách Á-châu của Hoa-Kỳ hiện-nay. Không những Hoa-Kỳ quyết định rút 20.000 quân ở Đài-loan về mà còn cảnh cáo Tưởng-Giới-Thạch là không được tiếp tục các cuộc đột kích vào Hoa-lục. Song song với các hành động cứng rắn này đối với Tưởng Giới-Thạch, Hoa-kỳ lại còn có nhiều hành động thân-hữu với Trung-Cộng như nói rộng những sự cấm đoán dân Mỹ du-lịch ở Hoa-lục và buôn bán với Trung-Cộng.

Người ta sợ rằng những sự khó khăn trong bang-giao với Nga sẽ đưa Hoa-kỳ tới chỗ phải tìm một sự cộng tác nào đó với Trung-Cộng. Và hậu quả của một chính sách như vậy là sẽ làm cho Đài-loan mất ghế ở Hội-đồng Bảo-an. Tuy năm nay Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc đã bác bỏ đơn xin gia nhập của Trung-Cộng, nhưng tới năm 1971 nếu Mỹ tiếp tục bỏ rơi các Đồng-minh Á-châu của họ, thì sẽ có thể có một đa số tại LHQ cho phép Trung Cộng thay thế Đài-loan.

TỪ TRÌ

## Mời dự Thuyết trình

Tại Tư thực Thiên Phước, 295 Hai Bà Trưng, Saigon

Ngày Chúa nhật, 15 tháng 11 năm 1970 hồi 4 g chiều đúng,

Chương-trình HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG sẽ tổ chức một buổi thuyết trình đặt dưới quyền chủ tọa của Đức Tổng Giám-mục Nguyễn-văn-Bình. Thuyết-trình viên, **L.M. Giáo sư Lương-Kim-Định**, chuyên môn tư tưởng Việt-Nho, sẽ nói chuyện về đề tài rất hấp dẫn:

### **BỐN CHẶNG HUYỀN SỬ NƯỚC NAM**

(Vào cửa tự do)

Đề san bằng bất công xã hội  
Đề cứu vớt con người ra khỏi tội lỗi  
Đề giúp tù nhân làm lại cuộc đời  
Đề thể hiện tình thương rộng lớn

**NÊN TÌM ĐỌC : HÃY CỨU LẤY TÙ NHÂN**

của SUZANNE LE BÈGUE

do TRẦN QUANG HUỀ dịch và ĐUỐC THIÊNG xuất bản

## CÁO LỖI

Vì thay đổi nhà in nên số Bách Khoa kỳ này lại ra trễ một ngày và một số mục thường xuyên như *Thời sự văn nghệ*, *Thời sự khoa học* phải dành cho số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý bạn : Trùng Thiên, Thu Thủy, Từ Diệp, Nguyễn Cao Đàm và các bạn đọc của Bách Khoa.

Tòa soạn **BÁCH KHOA**

# Sách mới • Chương trình mới

BỘ GIẢNG-VĂN SOẠN ĐÚNG CHƯƠNG TRÌNH MỚI  
CỦA BỘ GIÁO DỤC DO GIÁO SƯ

## TRẦN BẰNG PHONG

GIẢNG VĂN	lớp 6	(đệ thất cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 7	(đệ lục cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 8	(đệ ngũ cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 9	(đệ tứ cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 10	(đệ tam cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 11	(đệ nhị cũ)

## BỘ TÂN TOÁN HỌC

do Ban Tu Thư KHAI TRÍ soạn đúng chương trình mới  
của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

Bán tại : Nhà sách KHAI-TRÍ 62 Lê Lợi — SAIGON

TÌM ĐỌC :

## SƠN LÂM ẼM ĐẼM

(LES COSAQUES)

của LÉON TOLSTOI

do NGUYỄN-TRỌNG-ĐẠT dịch và giới thiệu

Năm 1851 Tolstoi theo người anh đến miền sơn lâm hùng vĩ xứ Caucase để đoạn tuyệt hẳn với cuộc đời vô công rồi nghề của chàng ở Mạc Tư Khoa. Ở đây con người sinh sống như hòa hợp với thiên nhiên. Phải chăng đó là lý do bí ẩn đưa tới sự thất bại của chàng bên nàng sơn nữ Maremka. Chính nơi đó qua cảm hứng của Tolstoi chúng ta nhận thấy bàng bạc đầy chất thơ trong tác phẩm.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành